**SỔ TAY HƯỚNG DẪN**

LẬP KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GẮN VỚI LẬP KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ-XÃ HỘI HÀNG NĂM

**Mục lục**

[Danh mục từ viết tắt 3](#_Toc478581211)

[Giới thiệu 4](#_Toc478581212)

[Phần I: QUI TRÌNH LẬP KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CÁC CTMTQG GẮN VỚI LẬP KẾ HOẠCH PT KT-XH HÀNG NĂM CÁC CẤP 6](#_Toc478581213)

[1. QUY TRÌNH LẬP KẾ HOẠCH CTMTQG GẮN VỚI LẬP KẾ HOẠCH PT KT-XH CẤP XÃ HÀNG NĂM 8](#_Toc478581214)

[BƯỚC 1: CÔNG TÁC CHUẨN BỊ 9](#_Toc478581215)

[BƯỚC 2: THU THẬP THÔNG TIN 11](#_Toc478581216)

[BƯỚC 3: TỔNG HỢP THÔNG TIN VÀ DỰ THẢO KẾ HOẠCH CẤP XÃ 15](#_Toc478581217)

[BƯỚC 4: TỔ CHỨC HỘI NGHỊ LKH XÃ 18](#_Toc478581218)

[BƯỚC 5: TRÌNH VÀ THẢO LUẬN DỰ THẢO KẾ HOẠCH CẤP XÃ 20](#_Toc478581219)

[BƯỚC 6: CẬP NHẬT, PHẢN HỒI KẾ HOẠCH CẤP XÃ 21](#_Toc478581220)

[BƯỚC 7: HOÀN THIỆN, PHÊ DUYỆT VÀ BAN HÀNH KẾ HOẠCH CẤP XÃ 21](#_Toc478581221)

[2. QUY TRÌNH LẬP KẾ HOẠCH CTMTQG GẮN VỚI LẬP KẾ HOẠCH PT KT-XH CẤP HUYỆN HÀNG NĂM 23](#_Toc478581222)

[BƯỚC 1: CÔNG TÁC CHUẨN BỊ 24](#_Toc478581223)

[BƯỚC 2: XÂY DỰNG ĐỊNH HƯỚNG LẬP KẾ HOẠCH CTMTQG 24](#_Toc478581224)

[BƯỚC 3: UBND HUYỆN CUNG CẤP THÔNG TIN ĐỊNH HƯỚNG LKH HÀNG NĂM CHO BAN NGÀNH CẤP HUYỆN VÀ CHO CÁC XÃ 25](#_Toc478581225)

[BƯỚC 4: XÂY DỰNG KẾ HOẠCH CTMTQG CẤP HUYỆN 25](#_Toc478581226)

[BƯỚC 5: TỔNG HỢP KH CTMTQG VÀO KH PT KT-XH CẤP HUYỆN 26](#_Toc478581227)

[BƯỚC 6: HỘI NGHỊ LKH CẤP HUYỆN VÀ PHẢN HỒI CHO CÁC XÃ 26](#_Toc478581228)

[BƯỚC 7: CẬP NHẬT, HOÀN THIỆN VÀ PHÊ DUYỆT KẾ HOẠCH CẤP HUYỆN 27](#_Toc478581229)

[3. QUY TRÌNH LẬP KẾ HOẠCH CÁC CTMTQG GẮN VỚI LẬP KẾ HOẠCH PT KT-XH CẤP TỈNH HÀNG NĂM 28](#_Toc478581230)

[BƯỚC 1: CÔNG TÁC CHUẨN BỊ 29](#_Toc478581231)

[BƯỚC 2: SỞ KH-ĐT CHỦ TRÌ CUNG CẤP THÔNG TIN ĐỊNH HƯỚNG LẬP KẾ HOẠCH CTMTQG 30](#_Toc478581232)

[BƯỚC 3: SỞ LĐ-TBXH VÀ SỞ NN-PTNT XÂY DỰNG KẾ HOẠCH CTMTQG CẤP TỈNH 31](#_Toc478581233)

[BƯỚC 4: HỘI NGHỊ LKH CTMTQG CẤP TỈNH VÀ PHẢN HỒI CHO CÁC HUYỆN 31](#_Toc478581234)

[BƯỚC 5: TỔNG HỢP KH CTMTQG VÀO KH PT KT-XH CẤP TỈNH 32](#_Toc478581235)

[BƯỚC 6: TỔ CHỨC HỘI NGHỊ LKH PT KT-XH CẤP TỈNH 32](#_Toc478581236)

[BƯỚC 7: CẬP NHẬT, HOÀN THIỆN VÀ PHÊ DUYỆT KẾ HOẠCH CẤP TỈNH 32](#_Toc478581237)

[Phần II: BIỂU MẪU LẬP KẾ HOẠCH 33](#_Toc478581238)

[PHẦN III: MỘT SỐ GỢI Ý VỀ CÁCH LÀM 58](#_Toc478581239)

[3.1. Công tác chuẩn bị 58](#_Toc478581240)

[3.2. Cách thu thập thông tin 59](#_Toc478581241)

[3.3. Cách tổng hợp thông tin 63](#_Toc478581242)

[3.4. Cách xếp ưu tiên các hoạt động 66](#_Toc478581243)

[PHẦN IV: PHỤ LỤC 69](#_Toc478581244)

[Phụ lục 1: Hướng dẫn lồng ghép các yếu tố thị trường, bình đẳng giới, giảm rủi ro thiên tai và thích ứng biến đổi khí hậu vào bản kế hoạch 69](#_Toc478581245)

[Phụ lục 2: Lưu ý về lập kế hoạch 5 năm và hàng năm. 72](#_Toc478581246)

# Danh mục từ viết tắt

|  |  |
| --- | --- |
| BCĐ | Ban chỉ đạo |
| BĐKH | Biến đổi khí hậu |
| CTMTQG | Chương trình Mục tiêu quốc gia |
| GNBV | Giảm nghèo bền vững |
| HĐND | Hội đồng nhân dân |
| KH | Kế hoạch |
| KH-ĐT | Kế hoạch và Đầu tư |
| KT-XH | Kinh tế - xã hội |
| LĐ-TBXH | Lao động - Thương binh và Xã hội |
| LKH | Lập kế hoạch |
| NN-PTNT | Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn |
| NTM | Nông thôn mới |
| PT KT-XH | Phát triển kinh tế - xã hội |
| QĐ | Quyết định |
| RRTT | Rủi ro thiên tai |
| TC-KH | Tài chính – Kế hoạch |
| TCT | Tổ công tác |
| TW | Trung ương |
| UBND | Uỷ ban nhân dân |
| VP-TK | Văn phòng-Thống kê |

# Giới thiệu

***“Sổ tay hướng dẫn lập kế hoạch thực hiện CTMTQG gắn với lập kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hàng năm”*** được xây dựng nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả của công tác lập kế hoạch thực hiện các CTMTQG (gồm CTMTQG xây dựng Nông thôn mới và CTMTQG Giảm nghèo bền vững) các cấp trong giai đoạn 2016-2020, kế thừa kinh nghiệm đổi mới lập kế hoạch cấp xã theo phương pháp có sự tham gia của một số địa phương trong thời gian qua.

**1. Căn cứ pháp lý**

Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng Nông thôn mới (CTMTQG NTM) giai đoạn 2016-2020 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16 tháng 8 năm 2016.

Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững (CTMTQG GNBV) giai đoạn 2016-2020 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1722/QĐ-TTg ngày 02 tháng 9 năm 2016.

Quy chế quản lý điều hành các chương trình mục tiêu quốc gia được Thủ tướng Chính phủ ban hành tại Quyết định số 41/2016/QĐ-TTg ngày 10 tháng 10 năm 2016[[1]](#footnote-2) và Thông tư số 07/2017/TT-BKHĐT ngày 14/12/2017 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định và hướng dẫn một số nội dung tại Quy chế quản lý, điều hành thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia ban hành kèm theo Quyết định số 41/2016/QĐ-TTg ngày 10 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ

Hướng dẫn quy trình lập kế hoạch đầu tư cấp xã thực hiện các chương trình MTQG được Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành tại Thông tư số 01/2017/TT-BKHĐT ngày 14 tháng 2 năm 2017.

**2. Nguyên tắc lập kế hoạch**

Những nguyên tắc cơ bản của quá trình lập kế hoạch thực hiện các CTMQG (gồm CTMTQG xây dựng Nông thôn mới và CTMTQG Giảm nghèo bền vững) như sau:

* **Lập kế hoạch lồng ghép**: Lập kế hoạch thực hiện CTMTQG phải gắn với việc lập kế hoạch phát triển KT-XH. Ở cấp xã chỉ thực hiện một qui trình LKH chung nhưng có thể tạo ra các sản phẩm kế hoạch phục vụ yêu cầu quản lý khác nhau (gồm KH PT KT-XH, KH thực hiện CTMTQG xây dựng NTM và KH thực hiện CTMTQG GNBV). Lồng ghép các yếu tố thị trường, bình đẳng giới, giảm nhẹ RRTT và thích ứng BĐKH trong quá trình lập kế hoạch; là khung định hướng chiến lược cho xây dựng các hoạt động, tiểu dự án.
* **Lập kế hoạch đa cấp**: Đảm bảo kết nối giữa các cấp tỉnh, huyện, xã trong quá trình lập kế hoạch. Kế hoạch của cấp dưới là căn cứ để tổng hợp kế hoạch của cấp trên. Cấp trên cung cấp thông tin định hướng, thẩm định và phản hồi cho kế hoạch của cấp dưới.
* **Lập kế hoạch có sự tham gia**: Quá trình lập kế hoạch thực hiện CTMTQG phải có sự tham gia rộng rãi của chính quyền, các tổ chức đoàn thể, người dân hưởng lợi và cộng đồng. Đảm bảo sự tham gia của người nghèo, phụ nữ và các nhóm yếu thế trong quá trình LKH.
* **Lập kế hoạch dựa trên kết quả**: Kế hoạch phải phù hợp với quy hoạch phát triển KT-XH, quy hoạch xây dựng NTM và đề án tái cơ cấu của địa phương được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Xây dựng KH của địa phương dựa trên xác định các mục tiêu/nhiệm vụ của năm KH; từ đó lựa chọn giải pháp và hoạt động ưu tiên để đạt các mục tiêu/nhiệm vụ ưu tiên đã xác định.
* **Lập kế hoạch gắn với nguồn lực**: Kế hoạch phải cân đối được nguồn lực, làm rõ khả năng huy động nguồn ngân sách nhà nước (Trung ương và địa phương), huy động hợp lý nguồn lực của cộng đồng và các nguồn lực hợp pháp khác; đồng thời làm rõ cơ chế thực hiện đối với từng nội dung, hoạt động của kế hoạch trên địa bàn.
* **Lập kế hoạch gắn với theo dõi và đánh giá**: Trong kế hoạch cần nêu rõ phân công trách nhiệm của các bên liên quan và phải có thước đo kết quả thực hiện. Từng chỉ tiêu kế hoạch được theo dõi và đánh giá bằng những chỉ số, nguồn thông tin, tần suất thu thập, chế độ biểu mẫu báo cáo thông tin.

**3. Đối tượng sử dụng**

Đối tượng sử dụng của cuốn sổ tay này là các thành viên Tổ công tác lập kế hoạch (TCT LKH) cấp tỉnh, huyện, xã, thôn/làng/ấp/bản/buôn/bon/phum/sóc… (gọi chung là thôn) và các đối tượng liên quan.

**4. Cấu trúc của sổ tay**

Sổ tay này được chia làm 4 phần:

***Phần I - Quy trình LKH thực hiện các CTMTQG gắn với LKH PT KT-XH hàng năm các cấp***: hướng dẫn các bước LKH thực hiện CTMTQG xây dựng NTM và CTMTQG GNBV gắn với LKH PT KT-XH hàng năm ở cấp tỉnh, huyện và xã; giúp người đọc hiểu được tổng quát qui trình, yêu cầu và nội dung các bước cần thực hiện.

***Phần II - Biểu mẫu lập kế hoạch***: gồm các mẫu biểu được sử dụng trong lập kế hoạch ở cấp tỉnh, huyện, xã và thôn.

***Phần III - Một số gợi ý về cách làm***: trình bày một số gợi ý kỹ thuật cần sử dụng liên quan đến các bước lập kế hoạch đề cập trong phần I và cách điền các biểu mẫu trong phần II.

***Phần IV - Phụ lục***: Hướng dẫn tóm tắt việc lồng ghép một số yếu tố (thị trường, bình đẳng giới, giảm nhẹ rủi ro thiên tai và thích ứng biến đổi khí hậu) trong quá trình lập kế hoạch; và Lưu ý về lập kế hoạch 5 năm và hàng năm.

# 

# Phần I: QUI TRÌNH LẬP KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CÁC CTMTQG GẮN VỚI LẬP KẾ HOẠCH PT KT-XH HÀNG NĂM CÁC CẤP

Quy trình lập kế hoạch ở từng cấp gồm 7 bước cơ bản được thực hiện từ tháng 4 đến tháng 12 hàng năm:

* **Bước 1: Công tác chuẩn bị**: Chuẩn bị đầy đủ về mặt cơ chế, thông tin và nhân sự để thực hiện công tác kế hoạch hóa: Thành lập hoặc kiện toàn TCT LKH các cấp; tập huấn nghiệp vụ cho TCT LKH; đánh giá quá trình LKH năm trước; thu thập tài liệu, các số liệu cơ bản; họp triển khai thu thập thông tin; thông tin, tuyên truyền về LKH.
* **Bước 2: Thu thập thông tin**: Cấp trên cung cấp thông tin định hướng LKH cho cấp dưới. Cấp dưới đề xuất các hoạt động ưu tiên để thực hiện kế hoạch.
* **Bước 3: Tổng hợp và dự thảo kế hoạch**: Tổng hợp thông tin; rà soát tính khả thi và xác minh nguồn lực của các hoạt động đề xuất; xây dựng dự thảo kế hoạch thực hiện CTMTQG và kế hoạch PT KT-XH các cấp.
* **Bước 4: Hội nghị lập kế hoạch**: Tổ chức hội nghị kế hoạch các cấp, với sự tham gia rộng rãi của các bên liên quan để lấy ý kiến về dự thảo kế hoạch, lựa chọn các giải pháp và hoạt động ưu tiên.
* **Bước 5: Trình và thảo luận kế hoạch**: Trình và thảo luận kế hoạch với cấp trên, tổng hợp kế hoạch từ xã lên huyện và tỉnh.
* **Bước 6: Cập nhật và phản hồi kế hoạch**: Cấp trên phản hồi nội dung kế hoạch cho cấp dưới. Cập nhật và phản hồi kế hoạch cho cộng đồng và các bên liên quan
* **Bước 7: Hoàn thiện và ban hành kế hoạch**: Hoàn thiện, phê duyệt, ban hành kế hoạch làm căn cứ tổ chức thực hiện.

**Các mốc thời gian tại các bước 1,2,3,4 có tính chất tham khảo nhằm đảm bảo cho việc lập kế hoạch từ cấp tỉnh, huyện, xã đáp ứng được tiến độ theo quy định**

**Vai trò của từng cấp thôn, xã, huyện, tỉnh trong qui trình LKH lồng ghép như sau:**

**SƠ ĐỒ TỔNG QUÁT LẬP KẾ HOẠCH CTMTQG GẮN VỚI LẬP KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KT-XH CÁC CẤP HÀNG NĂM**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | Tháng 4 | Tháng 5 | Tháng 6 | Tháng 7 | Tháng 8 - 12 |
| Tỉnh | **Bước 1 (Trước cuối tuần 1 tháng 5)**  - Họp BCĐ các CTMTQG thống nhất cơ cấu phân bổ vốn.  - UBND tỉnh ban hành chỉ thị, Sở KH-ĐT ra văn bản hướng dẫn về LKH | **Bước 2 (Trước cuối tuần 3 tháng 5)**  Sở KH-ĐT phối hợp với Sở TC, Sở LĐ-TBXH, Sở NN-PTNT cung cấp thông tin định hướng CTMTQG cho các Sở ngành, huyện | **Bước 3 (Trước cuối tuần 4 tháng 6)**  Sở LĐ-TBXH, Sở NN-PTNT tổng hợp và xây dựng dự thảo KH CTMTQG cấp tỉnh | **Bước 6 (Trước 20/7)**  Hội nghị LKH PT KT-XH cấp tỉnh  **Bước 4 (Trước cuối tuần 1 tháng 7)**  Hội nghị LKH CTMTQG và phản hồi cho các huyện  **Bước 5 (Trước cuối tuần 2 của tháng 7)**  Sở KH-ĐT tổng hợp KH CTMTQG vào KH PT KT-XH tỉnh. | **Bước 7 (Từ tháng 8 - tháng 12)**  Cập nhật, hoàn thiện KH, trình HĐND tỉnh tại kỳ họp cuối năm |
| Huyện | **Bước 1** **(Trước cuối tuần 1 tháng 5)**  **-** Kiện toàn TCT LKH  UBND huyện ra văn bản chỉ đạo về LKH | **Bước 3 (Cuối tháng 5 - đầu tháng 6)**  UBND huyện cung cấp thông tin định hướng LKH cho cấp xã, ban ngành cấp huyện  **Bước 2 (Trước cuối tuần thứ 3 tháng 5**  - Phòng LĐ-TBXH, phòng NN-PTNT cung cấp thông tin về các CTMTQG  - Phòng TC-KH tổng hợp thông tin định hướng CTMTQG | **Bước 4** **(Trước cuối tuần thứ 4 tháng 6)**  - Phòng LĐ-TBXH, phòng NN-PTNT xây dựng KH CTMTQG cấp huyện  - Phòng TC-KH tổng hợp KH các xã, phân khai cho các ban ngành cấp huyện thẩm định | **Bước 6 (Trước cuối tuần 2 tháng 7)**  Hội nghị LKH huyện; Chỉnh sửa KH; Phản hồi cho các xã  **Bước 5 (Tuần đầu tiên tháng 7)**  Phòng TC-KH tổng hợp KH CTMTQG vào KH PT KT-XH | **Bước 7 (Từ tháng 8 đến tháng 12)**  Cập nhật, hoàn thiện và phê duyệt KH cấp huyện |
| Xã | **Bước 1 (Trước cuối tuần 2 tháng 5)**  - Kiện toàn TCT LKH  - Ban hành văn bản chỉ đạo LKH  - Họp triển khai thu thập thông tin  - Thu thập số liệu cơ bản thôn | **Bước 3 (Trước cuối tuần 2 tháng 6)**  Tổng hợp thông tin; Rà soát tính khả thi; Xác minh nguồn vốn; Dự thảo KH cấp xã năm X+1  **Bước 2 (Trước cuối tuần 3 tháng 5)**  **-** Các ban ngành, đoàn thể, đơn vị cấp xã đề xuất hoạt động ưu tiên  - Thôn đề xuất hoạt động ưu tiên | **Bước 4 (Trước cuối tuần 3 tháng 6)**  - Tổ chức Hội nghị LKH xã  - Điều chỉnh dự thảo KH  **Bước 5 (Trước cuối tuần thứ tư tháng 6)**  **-**Trình và thảo luận dự thảo KH với Đảng ủy, HĐND cấp xã  - Gửi các cơ quan cấp huyện |  | **Bước 7**  **(Trước ngày 31/12)**  Hoàn thiện và ban hành KHcấp xã  **Bước 6 (Từ**  **Tháng 11 – tháng 12)**  **-** Cập nhật KH  **-** Phản hồi nội dung dự thảo KH cho cộng đồng và các bên |
| Thôn |  |  |  |  |  |
| Ghi chú: : Hoạt động thực hiện cùng cấp | | | **:** Hướng dẫn từ trên xuống | **:** Báo cáo từ cấp dưới lên cấp trên | |

## 1. QUY TRÌNH LẬP KẾ HOẠCH CTMTQG GẮN VỚI LẬP KẾ HOẠCH PT KT-XH CẤP XÃ HÀNG NĂM

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | Tháng 4 | Tháng 5 | Tháng 6 | Tháng 7 | Tháng 8 - 12 |
| Tỉnh | **Bước 1 (Trước cuối tuần 1 tháng 5)**  - Họp BCĐ các CTMTQG thống nhất cơ cấu phân bổ vốn.  - UBND tỉnh ban hành chỉ thị, Sở KH-ĐT ra văn bản hướng dẫn về LKH | **Bước 2 (Trước cuối tuần 3 tháng 5)**  Sở KH-ĐT phối hợp với Sở TC, Sở LĐ-TBXH, Sở NN-PTNT cung cấp thông tin định hướng CTMTQG cho các Sở ngành, huyện | **Bước 3 (Trước cuối tuần 4 tháng 6)**  Sở LĐ-TBXH, Sở NN-PTNT tổng hợp và xây dựng dự thảo KH CTMTQG cấp tỉnh | **Bước 6 (Trước 20/7)**  Hội nghị LKH PT KT-XH cấp tỉnh  **Bước 4 (Trước cuối tuần 1 tháng 7)**  Hội nghị LKH CTMTQG và phản hồi cho các huyện  **Bước 5 (Trước cuối tuần 2 của tháng 7)**  Sở KH-ĐT tổng hợp KH CTMTQG vào KH PT KT-XH tỉnh. | **Bước 7 (Từ tháng 8 - tháng 12)**  Cập nhật, hoàn thiện KH, trình HĐND tỉnh tại kỳ họp cuối năm |
| Huyện | **Bước 1** **(Trước cuối tuần 1 tháng 5)**  **-** Kiện toàn TCT LKH  UBND huyện ra văn bản chỉ đạo về LKH | **Bước 3 (Cuối tháng 5 - đầu tháng 6)**  UBND huyện cung cấp thông tin định hướng LKH cho cấp xã, ban ngành cấp huyện  **Bước 2 (Trước cuối tuần thứ 3 tháng 5**  - Phòng LĐ-TBXH, phòng NN-PTNT cung cấp thông tin về các CTMTQG  - Phòng TC-KH tổng hợp thông tin định hướng CTMTQG | **Bước 4** **(Trước cuối tuần thứ 4 tháng 6)**  - Phòng LĐ-TBXH, phòng NN-PTNT xây dựng KH CTMTQG cấp huyện  - Phòng TC-KH tổng hợp KH các xã, phân khai cho các ban ngành cấp huyện thẩm định | **Bước 6 (Trước cuối tuần 2 tháng 7)**  Hội nghị LKH huyện; Chỉnh sửa KH; Phản hồi cho các xã  **Bước 5 (Tuần đầu tiên tháng 7)**  Phòng TC-KH tổng hợp KH CTMTQG vào KH PT KT-XH | **Bước 7 (Từ tháng 8 đến tháng 12)**  Cập nhật, hoàn thiện và phê duyệt KH cấp huyện |
| Xã | **Bước 1 (Trước cuối tuần 2 tháng 5)**  - Kiện toàn TCT LKH  - Ban hành văn bản chỉ đạo LKH  - Họp triển khai thu thập thông tin  - Thu thập số liệu cơ bản thôn | **Bước 3 (Trước cuối tuần 2 tháng 6)**  Tổng hợp thông tin; Rà soát tính khả thi; Xác minh nguồn vốn; Dự thảo KH cấp xã năm X+1  **Bước 2 (Trước cuối tuần 3 tháng 5)**  **-** Các ban ngành, đoàn thể, đơn vị cấp xã đề xuất hoạt động ưu tiên  - Thôn đề xuất hoạt động ưu tiên | **Bước 4 (Trước cuối tuần 3 tháng 6)**  - Tổ chức Hội nghị LKH xã  - Điều chỉnh dự thảo KH  **Bước 5 (Trước cuối tuần thứ tư tháng 6)**  **-**Trình và thảo luận dự thảo KH với Đảng ủy, HĐND cấp xã  - Gửi các cơ quan cấp huyện |  | **Bước 7**  **(Trước ngày 31/12)**  Hoàn thiện và ban hành KHcấp xã  **Bước 6 (Từ**  **Tháng 11 – tháng 12)**  **-** Cập nhật KH  **-** Phản hồi nội dung dự thảo KH cho cộng đồng và các bên |
| Thôn |  |  |  |  |  |
| Ghi chú: : Hoạt động thực hiện cùng cấp | | | **:** Hướng dẫn từ trên xuống | **:** Báo cáo từ cấp dưới lên cấp trên | |

### BƯỚC 1: CÔNG TÁC CHUẨN BỊ

**1.1. Thành lập, kiện toàn tổ công tác LKH**

**Kết quả cần đạt được**:

* Thành lập và duy trì một nhóm cán bộ nòng cốt ở cấp xã, thôn có đủ năng lực để tập huấn, hỗ trợ, triển khai, giám sát quá trình LKH thực hiện CTMTQG cấp xã lồng ghép với LKH PT KT-XH cấp xã.

**Thời gian**: Chậm nhất vào tuần thứ 3 tháng 4 hàng năm.

**Các hoạt động chính:**

* Tổ công tác LKH cấp xã gồm:**Nòng cốt là BQL các CTMTQG cấp xã (BQL cấp xã)**[[2]](#footnote-3), do Chủ tịch UBND cấp xã làm Tổ trưởng, 6-10 thành viên cấp xã và các trưởng thôn, nên cử một thành viên làm cán bộ đầu mối về theo dõi và giám sát. Bổ sung các thành viên: cán bộ LĐ-TBXH, Văn phòng – Thống kê, Kế toán, Nông nghiệp/Khuyến nông xã, Địa chính-Xây dựng, Ủy ban Mặt trận tổ quốc cấp xã, đại diện các hội đoàn thể cấp xã (Hội Liên hiệp Phụ nữ, Hội Nông dân, Đoàn Thanh niên, Hội Cựu chiến binh), cán bộ tăng cường, nếu chưa có trong BQL cấp xã hiện tại.
* Tổ công tác LKH thôn:**Nòng cốt là Ban phát triển thôn (BPT thôn)**, do Trưởng thôn hoặc Bí thư thôn làm Tổ trưởng và 6-10 thành viên. Bổ sung các thành viên: phó thôn, ban công tác mặt trận thôn, đại diện các chi hội đoàn thể cấp thôn (Hội Liên hiệp Phụ nữ, Hội Nông dân, Đoàn Thanh niên. Hội Cựu chiến binh), đại diện hộ nghèo, hộ cận nghèo, người có uy tín, người có năng lực chuyên môn trong thôn, trong đó có ít nhất 2 thành viên là nữ, nếu chưa có trong BPT thôn hiện tại. Nên cử một thành viên làm cán bộ đầu mối về theo dõi và giám sát. Chủ tịch UBND xã ra quyết định thành lập Tổ công tác LKH cấp thôn. Sau khi thành lập, tổ trưởng tổ công tác thôn có trách nhiệm thông báo danh sách thành viên của tổ trên hệ thống truyền thanh của thôn hoặc bằng các hình thức thông tin khác tới người dân trong thôn.

**1.2. Ban hành văn bản chỉ đạo về công tác LKH cấp xã hàng năm**

**Kết quả cần đạt được:**

* Phiếu đánh giá quá trình LKH năm trước **(Biểu II.1)**.
* Văn bản Chỉ đạo công tác LKH thực hiện CTMTQG cấp xã, kèm theo Lịch triển khai **(Biểu II.2)**

**Thời gian**: Chậm nhất tuần thứ 4 tháng 4 hàng năm.

**Các hoạt động chính:**

* TCT LKH cấp xã chuẩn bị tài liệu, gồm các Nghị quyết, kế hoạch phát triển KT-XH của Đảng bộ, HĐND và UBND cấp huyện và xã, Qui hoạch và Đề án NTM của xã, số liệu giám sát việc thực hiện CTMTQG NTM và GNBV ở cấp xã, các tài liệu hướng dẫn về LKH của cấp trên, các thông tin KT-XH cơ bản của xã và thôn, thông tin về nguồn NSNN và các CT-DA năm hiện tại và năm kế hoạch (nếu có), báo cáo về tình hình sử dụng nguồn lực năm trước.
* **TCT LKH xã** **rà soát và đánh giá kết quả và quá trình LKH năm trước** theo các tiêu chí đánh giá (**Biểu II.1**). Nếu cần thiết cần hỗ trợ nâng cao năng lực cho các đối tượng là người dân tộc và phụ nữ để họ có đủ năng lực tham gia một cách hiệu quả.
* TCT LKH xã trình Chủ tịch UBND xã ký ban hành Văn bản Chỉ đạo công tác LKH hàng năm, kèm theo Lịch triển khai **(Biểu II.2).** Văn bản chỉ đạo và Lịch triển khai LKH được gửi cho Thủ trưởng các ban ngành, đoàn thể cấp xã, trường học, trạm y tế, các trưởng thôn để thực hiện; đồng thời chuyển tới các cơ quan, đơn vị liên quan trên địa bàn xã (các doanh nghiệp, HTX, các CT-DA) đề nghị các đơn vị này phối hợp, cung cấp thông tin trong công tác LKH.

**1.3. Tổ chức cuộc họp Triển khai thu thập thông tin**

**Kết quả cần đạt được:** Các thành viên tham gia họp hiểu rõ nội dung, nhiệm vụ cần thực hiện. Cụ thể, cán bộ thôn hiểu được cách thức tổ chức các cuộc họp trù bị và họp thôn thu thập thông tin tại thôn. Và cách thức thu thập thông tin điền vào Biểu I.1 và I.2

**Thời gian**: Chậm nhất vào tuần đầu tháng 5 hàng năm.

**Thành phần tham gia:** Lãnh đạo Đảng ủy, HĐND, UBND cấp xã, thành viên TCT LKH cấp xã, Tổ trưởng TCT LKH cấp thôn và đại diện các ban ngành, đoàn thể cấp xã, trường học, trạm y tế, HTX, doanh nghiệp, đại diện các dự án (NGO, ODA) đang triển khai trên địa bàn xã. Lưu ý đảm bảo sự tham gia của đại diện phụ nữ trên địa bàn xã (chiếm tối thiểu 30%). Nếu cần thiết cần hỗ trợ nâng cao năng lực cho các đối tượng là người dân tộc và phụ nữ để họ có đủ năng lực tham gia

**Các hoạt động chính:**

* Chủ tịch UBND cấp xã thông báo khái quát về tình hình phát triển KT-XH, tình hình thực hiện CTMTQG của xã trong năm qua, mục tiêu, định hướng và giải pháp giảm nghèo của xã trong năm tới, **thông báo tổng nguồn vốn dự kiến của CTMTQG và các CT-DA khác trên địa bàn xã** trong năm tới, rút kinh nghiệm về quá trình LKH năm qua, thông qua Lịch triển khai LKH năm tới, giao nhiệm vụ cho TCT LKH cấp xã hỗ trợ các ban ngành, đơn vị cấp xã và các thôn tổ chức lấy ý kiến, thu thập thông tin (mỗi thôn có ít nhất 1 thành viên TCT LKH cấp xã được phân công hỗ trợ).
* TCT LKH xã chuẩn bị văn phòng phẩm (giấy, bút), photo các biểu mẫu và phát cho các đại biểu dự họp.
* Đại diện TCT LKH cấp xã hướng dẫn các đại biểu cách điều tra, ghi chép số liệu trong biểu số liệu cơ bản của thôn và xã (**Biểu I.1 và II.8**), cách điền các biểu thu thập thông tin kế hoạch ở thôn và các ban ngành, đơn vị cấp xã (**Biểu I.2, II.3**), giải đáp thắc mắc của các đại biểu.
* Thông báo thời gian thu lại biểu mẫu (hết tuần thứ 3 của tháng 5); người tiếp nhận biểu mẫu (TCT LKH xã).

**1.4. Thông tin tuyên truyền**

**Kết quả cần đạt được:**

* Tài liệu phát tay tóm tắt về công tác LKH thực hiện CTMTQG và LKH PT KT-XH
* Bản tin, phát thanh về LKH.
* Các công cụ phục vụ thông tin tuyên truyền khác về LKH

**Thời gian**: Tháng 4 – tuần thứ 2 tháng 5 hàng năm.

**Các hoạt động chính:**

* BCĐ các CTMTQG cấp huyện chỉ đạo UBND xã, các ban ngành đoàn thể tuyên truyền, thông tin rộng rãi về mục đích, ý nghĩa, phương pháp, nội dung LKH thực hiện CTMTQG có sự tham gia đến tận thôn.
* Tuyên truyền thông qua họp thôn, sinh hoạt đoàn thể, loa phát thanh, treo dán pano về công tác LKH tại trụ sở xã và nhà văn hóa thôn, phát tài liệu cho trưởng thôn để tuyên truyền cho người dân.

### BƯỚC 2: THU THẬP THÔNG TIN

**2.1. Thôn đề xuất hoạt động ưu tiên**

***Công việc 1: Thảo luận với nhóm người nghèo/nhóm đặc thù****[[3]](#footnote-4)*

**Kết quả cần đạt được:**

* Biên bản ghi chép nội dung thảo luận với nhóm người nghèo/nhóm đặc thù (Biểu I.4).

**Thời gian:** Trong nửa ngày, vào thời điểm trước buổi họp trù bị ở thôn, chậm nhất tuần thứ 3 tháng 5 hàng năm

**Thành phần tham gia:**

* 02 thành viên TCT LKH cấp thôn, đại diện TCT LKH cấp xã (hướng dẫn, hỗ trợ các thôn).
* Nhóm người nghèo: Khoảng 15-20 người đại diện cho các hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, hộ khó khăn đặc thù, dễ tổn thương trong thôn (gồm đủ các cụm dân cư, các dân tộc trong thôn), trong đó có ít nhất 30% phụ nữ tham gia.
* Nhóm đặc thù: khoảng 15-20 người đại diện cho hộ nông dân sản xuất hàng hóa, người làm nghề dịch vụ, thành viên tổ hợp tác, hợp tác xã… trong thôn (gồm đủ các cụm dân cư, các dân tộc trong thôn), trong đó có ít nhất 30% phụ nữ tham gia.

**Các hoạt động chính:**

*Thảo luận với nhóm người nghèo:*

* Thành viên TCT LKH cấp thôn thông báo về mục đích cuộc họp là nhằm nắm bắt các nhu cầu, đề xuất của người nghèo, cận nghèo, mới thoát nghèo, khó khăn đặc thù, dễ tổn thương trong thôn.
* Thông báo tóm tắt về các chính sách đầu tư, hỗ trợ giảm nghèo bền vững trong CTMTQG và các CT-DA khác, chính sách việc làm công.
* Thúc đẩy những người tham gia phát biểu ý kiến về: (i) những khó khăn, hạn chế của người nghèo; (ii) những tiềm năng, thế mạnh, sáng kiến của người dân, gương thoát nghèo; (iii) đề xuất những giải pháp, hoạt động cần ưu tiên trong năm tới (X+1) nhằm giảm nghèo bền vững và phát triển cộng đồng.

***Lưu ý****: Thảo luận kỹ về những khó khăn, hạn chế và đề xuất của các nhóm nghèo đặc thù, dễ tổn thương trong thôn (ví dụ, người nghèo DTTS, người nghèo không có đất sản xuất, người nghèo thiếu việc làm, phụ nữ đơn thân thuộc hộ nghèo, người di cư, nhập cư).*

*Thảo luận với nhóm đặc thù:*

* Thành viên TCT LKH cấp thôn thông báo về mục đích cuộc họp nhằm nắm bắt các nhu cầu, đề xuất của hộ nông dân sản xuất hàng hóa, người làm nghề dịch vụ, thành viên tổ hợp tác, hợp tác xã… trong thôn.
* Thông báo tóm tắt về các chính sách đầu tư, hỗ trợ trong CT NTM và các CT-DA khác, chính sách việc làm công.
* Thúc đẩy những người tham gia phát biểu ý kiến về: (i) những khó khăn, hạn chế của hộ nông dân sản xuất hàng hóa, người làm nghề dịch vụ, thành viên tổ hợp tác, hợp tác xã; (ii) những tiềm năng, thế mạnh, sáng kiến của đại diện hộ làm kinh tế giỏi; (iii) đề xuất những giải pháp, hoạt động cần ưu tiên trong năm tới (X+1) nhằm xây dựng NTM và phát triển cộng đồng.

***Công việc 2: Họp nhóm xây dựng kế hoạch (họp trù bị)***

**Kết quả cần đạt được sau họp trù bị:**

* Điền đủ thông tin vào **Biểu I.2**.
* Viết các **Biểu I.2** lên giấy A0 hoặc lên bảng để phục vụ họp thôn.
* Thống nhất thời gian, địa điểm tổ chức họp thôn, phân công nhiệm vụ cho các thành viên (ai chủ trì họp thôn, ai trình bày kết quả thảo luận, ai làm thư ký ghi biên bản họp thôn, ai thông báo cho từng cụm dân cư đi họp thôn về LKH…vv).

**Thời gian**: Đến hết tuần thứ 3 tháng 5 hàng năm.

**Thành phần tham gia:** TCT LKH thôn; đại diện TCT LKH xã tham gia để hướng dẫn, hỗ trợ các thôn.

**Các hoạt động chính:**

* Tổ trưởng TCT LKH cấp thôn thông báo mục tiêu và các kết quả cần đạt được của cuộc họp, phân công người thu thập, cung cấp các số liệu cơ bản của thôn (**Biểu I.1**).
* **Các thành viên TCT LKH cấp thôn thảo luận lần lượt 3 chủ đề sau**: (1) **Cơ sở hạ tầng** (giao thông, thủy lợi, nước sạch, điện, trường học, cơ sở vật chất về văn hóa – thông tin…; bao gồm đầu tư xây mới, nâng cấp, sửa chữa lớn và duy tu – bảo dưỡng các công trình hiện có); (2) **Kinh tế và tổ chức sản xuất** (hỗ trợ phát triển sản xuất, ngành nghề và dịch vụ nông thôn, nhân rộng mô hình giảm nghèo, đào tạo nghề nông nghiệp và phi nông nghiệp, tạo việc làm bao gồm tạo việc làm công cho những người tham gia xây dựng công trình CSHT, tổ chức sản xuất, hợp tác nông dân, liên kết thị trường…); (3) **Văn hóa, Xã hội, Môi trường** (giáo dục, y tế, văn hóa, môi trường, tổ chức chính quyền, hoạt động đoàn thể, an ninh trật tự…).

*Có thể chia chủ đề nhỏ hơn để tập trung thảo luận các lĩnh vực còn yếu kém trong thôn nếu có thời gian, ví dụ: Cơ sở hạ tầng, Trồng trọt, Chăn nuôi, Lâm nghiệp, Tiểu thủ công nghiệp, Giáo dục, Y tế…*

***Lưu ý:*** *Lồng ghép các ý kiến, đề xuất của nhóm người nghèo, gặp khó khăn đặc thù, dễ tổn thương (tại Công việc 1) trong 3 chủ đề thảo luận.*

**Trong mỗi nhóm chủ đề:**

* Xác định những **thuận lợi** (mặt được, tiềm năng, thế mạnh) của thôn trong năm qua, trong đó đặc biệt quan tâm tới những thuận lợi liên quan đến xây dựng Nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển cộng đồng. Lựa chọn tối đa 3 thuận lợi chính bằng cách xếp ưu tiên.
* Xác định những **khó khăn** (tồn tại, hạn chế) cần khắc phục của thôn trong năm tới, trong đó đặc biệt quan tâm tới những khó khăn liên quan đến xây dựng Nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển cộng đồng. Lựa chọn tối đa 3 khó khăn chính bằng cách xếp ưu tiên.
* Xác định **nguyên nhân, giải pháp** nhằm khắc phục các khó khăn, phát huy tiềm năng, thế mạnh, sáng kiến cộng đồng nhằm xây dựng Nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển cộng đồng.
* **Lựa chọn** **ưu tiên các hoạt động**[[4]](#footnote-5) do thôn đề xuất thực hiện trong năm tới (X+1) để cụ thể hóa các giải pháp đã xác định. Hoạt động ưu tiên do thôn đề xuất cần bao gồm các nội dung sau:
  + - Làm gì?
    - Làm ở đâu?
    - Làm khi nào?
    - Ai chịu trách nhiệm?
    - Chi phí bao nhiêu? (nhân dân đóng góp, cần hỗ trợ?)
    - Làm như thế nào? (công trình, dự án người dân có thể tự thi công hay không?)
* Điền đủ thông tin vào **Biểu I.2** cho mỗi chủ đề.
* Viết các Biểu I.2 lên giấy A0 hoặc lên bảng để phục vụ họp thôn.
* Thống nhất thời gian, địa điểm tổ chức họp thôn, phân công nhiệm vụ cho các thành viên (ai chủ trì họp thôn, ai trình bày kết quả họp trù bị, ai làm thư ký ghi biên bản họp thôn, ai thông báo cho tất cả hộ dân ở các cụm dân cư đi họp thôn về LKH…vv).

***Công việc 3: Họp thôn xây dựng kế hoạch đề xuất***

**Kết quả cần đạt được sau họp thôn:** Hoàn thiện các biểu mẫu:

* Biểu các số liệu cơ bản của thôn (**Biểu I.1**);
* Biểu Thuận lợi, khó khăn, nguyên nhân, giải pháp và đề xuất các hoạt động ở cấp thôn (**Biểu I.2**).
* Biên bản họp thôn (**Biểu I.3**)

**Thời gian:** Tổ chức họp thôn trong 1 buổi theo thời gian thống nhất tại buổi họp trù bị, chậm nhất đến hết tuần thứ 3 tháng 5 hàng năm.

**Thành phần tham gia họp thôn:**

* TCT LKH cấp thôn; đại diện TCT LKH cấp xã (hướng dẫn, hỗ trợ các thôn).
* Mời họp toàn thôn, đảm bảo ít nhất trên 50% đại diện các hộ tham gia; cố gắng có đại diện đủ các lứa tuổi, các dân tộc, hộ nghèo; trong đó có ít nhất 30% phụ nữ tham gia.
* Trường hợp không tổ chức được cuộc họp thôn, TCT LKH thôn phát phiếu lấy ý kiến về Danh mục hoạt động ưu tiên tới các hộ dân và đảm bảo có trên 50% tổng số hộ dân của thôn đồng ý.

**Các hoạt động chính:**

* Trưởng thôn thông báo mục đích họp thôn để lấy ý kiến của người dân về các hoạt động đề xuất ưu tiên của thôn trong năm tới nhằm thực hiện các tiêu chí NTM, phát triển cộng đồng và giảm nghèo bền vững.
* Đại diện nhóm người nghèo, cận nghèo, mới thoát nghèo, khó khăn đặc thù, dễ tổn thương trong thôn trình bày những đề xuất của nhóm mình nhằm giảm nghèo bền vững và phát triển cộng đồng (nêu tóm tắt biên bản thảo luận theo Biểu I.4).
* Đại diện TCT LKH thôn trình bày các biểu I.2 đã chuẩn bị ở bước họp trù bị, lần lượt theo 3 nhóm chủ đề: (1) **Cơ sở hạ tầng**; (2) **Kinh tế và tổ chức sản xuất**; (iii) **Văn hóa-Xã hội-Môi trường**.
* Thúc đẩy người dân phát biểu, thảo luận các khó khăn, nguyên nhân, giải pháp, hoạt động ưu tiên trong năm tới. Lấy ý kiến bổ sung, sửa đổi của người dân đối với các hoạt động đề xuất ưu tiên trong các Biểu I.2. Tập trung bàn luận sâu về các nội dung nhằm thúc đẩy xây dựng Nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển cộng đồng. Khuyến khích người nghèo, phụ nữ phát biểu ý kiến. Ghi nhận các nỗ lực giảm nghèo, cách làm tốt và các sáng kiến tại cộng đồng của các hộ nghèo, tổ nhóm phụ nữ.
* Tất cả những người dự họp xếp ưu tiên, biểu quyết về các hoạt động do thôn đề xuất trong năm tới. Hình thức biểu quyết theo đa số bằng cách giơ tay, chấm điểm theo tiêu chí hoặc lấy phiếu kín nếu cần thiết.
* Hình thức biểu quyết theo đa số bằng cách giơ tay, hoặc lấy phiếu kín nếu cần thiết.
* Xếp ưu tiên các hoạt động bằng cách đánh dấu:
* Ghi tất cả những hoạt động cần xếp ưu tiên ra bảng lớn hoặc giấy A0
* Yêu cầu từng người lựa chọn hoạt động theo họ là cần ưu tiên thực hiện trong thời gian tới và lần lượt đánh dấu một lần vào mỗi hoạt động. Có thể dùng cách bỏ hạt ngô, hạt đậu, hạt lạc… để xếp ưu tiên các hoạt động. Ví dụ, có 15 hoạt động, thì phát cho mỗi người 5 hạt ngô/đậu/lạc để bỏ vào 5 hoạt động mà người đó ưu tiên nhất.
* TCT LKH cấp xã đếm số gạch hoặc số hạt ngô/đậu/lạc và ghi kết quả cho từng hoạt động.
* Xếp ưu tiên cách hoạt động bằng cách chấm điểm theo các tiêu chí:
* Để người dân tham gia họp thôn tự đề xuất các tiêu chí chấm điểm để lựa chọn hoạt động. Mỗi tiêu chí sẽ được gán một giá trị điểm tối đa (10 điểm).
* Từng người dân sẽ lên chấm điểm (hoặc bỏ hạt ngô/đậu/lạc,…) từ 1 đến 10 cho từng tiêu chí đã xác định đối với mỗi hoạt động.
* TCT LKH thôn cộng số điểm cho các tiêu chí của mỗi hoạt động và xếp ưu tiên những hoạt động có tổng số điểm cao.

*Lưu ý: Danh mục hoạt động ưu tiên hợp lệ khi có trên 50% tổng số đại diện của hộ dân tham gia và trên 50% tổng số thành viên tham dự cuộc họp đồng ý.*

* Ghi biên bản họp thôn (Biểu I.3). Hoàn thiện các Biểu I.1 và I.2 sau cuộc họp thôn.
* Photo các Biểu I.1, I.2 và I.3; đề lại thôn 1 bộ và gửi cho TCT LKH xã 1 bộ.
* TCT LKH xã kiểm tra, rà soát các biểu I.1, I.2 và I.3 để đảm bảo chất lượng thông tin trước khi tổng hợp.

**2.2. Các ban ngành, đơn vị trong xã đề xuất các hoạt động ưu tiên**

**Kết quả cần đạt được:**

* Biểu các số liệu cơ bản của xã do ban ngành, đơn vị phụ trách **(Biểu II.8)**
* Biểu Thuận lợi, khó khăn, nguyên nhân, giải pháp và đề xuất các hoạt động ở cấp xã **(Biểu II.3).**

**Thời gian**: Đến hết tuần thứ 3 tháng 5 hàng năm.

**Thành phần tham gia**: Các ban ngành, đơn vị trong xã gồm: các hội đoàn thể (Hội Liên hiệp Phụ nữ, Hội Nông dân, Đoàn thanh niên, Hội Cựu chiến binh), các bộ phận chuyên môn trực thuộc UBND cấp xã (kinh tế, xã hội, văn hóa – thông tin, nông nghiệp…), các trường học (mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông), trạm y tế, HTX, các hiệp hội, các dự án…

**Các hoạt động chính:**

* Lãnh đạo từng ban ngành, đơn vị tổ chức họp, thông báo mục đích cuộc họp, phân công người cung cấp các số liệu cơ bản của xã trong lĩnh vực do ban ngành, đơn vị mình phụ trách (**Biểu II.8**).
* Căn cứ vào lĩnh vực KT-XH và những nội dung của CTMTQG do ban ngành, đơn vị phụ trách; các định hướng, mục tiêu về xây dựng Nông thôn mới và giảm nghèo bền vững của địa phương, các ban ngành, đơn vị tiến hành họp thảo luận:
* Xác định những **thuận lợi** (mặt được, tiềm năng, thế mạnh) của ban ngành, đơn vị liên quan tới xây dựng NTM, giảm nghèo bền vững và PT KT-XH của địa phương. Lựa chọn tối đa 3 thuận lợi chính bằng cách xếp ưu tiên.
* Xác định những **khó khăn** (tồn tại, hạn chế) cần khắc phục của ban ngành, đơn vị nhằm xây dựng NTM, giảm nghèo bền vững và PT KT-XH trong năm tới. Lựa chọn tối đa 3 khó khăn chính bằng cách xếp ưu tiên.
* Xác định **nguyên nhân, giải pháp** nhằm khắc phục các khó khăn, phát huy tiềm năng, thế mạnh, sáng kiến cộng đồng nhằm xây dựng Nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và PT KT-XH.
* **Lựa chọn ưu tiên các hoạt động**[[5]](#footnote-6) do các ban ngành, đơn vị đề xuất thực hiện trong năm tới (X+1) để cụ thể hóa các giải pháp đã xác định. Hoạt động ưu tiên do các ban ngành, đơn vị đề xuất cần bao gồm các nội dung sau:
  + - Làm gì?
    - Mục tiêu?
    - Làm ở đâu?
    - Làm khi nào?
    - Ai chịu trách nhiệm?
    - Chi phí bao nhiêu? (nhân dân đóng góp, cần hỗ trợ?)
    - Làm như thế nào? (công trình, dự án người dân có thể tự thi công hay không?)
* Điền đủ thông tin vào **Biểu II.3**.
* Hoàn thiện **Biểu II.3** và **Biểu II.8**; photo giữ lại 1 bộ và gửi 1 bộ cho TCT LKH xã.
* TCT LKH xã kiểm tra, rà soát các **Biểu II.3 và II.8** để đảm bảo chất lượng thông tin trước khi tổng hợp

### BƯỚC 3: TỔNG HỢP THÔNG TIN VÀ DỰ THẢO KẾ HOẠCH CẤP XÃ

**3.1. Tổng hợp thông tin**

**Kết quả cần đạt được:**

* Tổng hợp, rà soát các thông tin cơ bản của xã theo **Biểu II.8**
* Hoàn thiện **Biểu II.4.A và Biểu II.4.B.**

**Thời gian:** Tuần thứ 4 tháng 5 – tuần thứ 2 tháng 6 hàng năm.

**Thành phần tham gia**: TCT LKH xã.

**Các hoạt động chính:**

* Chia TCT LKH cấp xã thành 3 nhóm để tổng hợp theo các chủ đề: (1) Nhóm CSHT; (2) Nhóm Kinh tế và tổ chức sản xuất; và (3) Nhóm VH-XH-MT.
* Tổng hợp thông tin từ các Biểu II.3 của các ban ngành, đơn vị trong xã và các Biểu I.2 của các thôn để xây dựng **Biểu II.4.A** và **Biểu II.4.B.**

***Lưu ý:*** *TCT LKH xã có thể đề xuất một số hoạt động bổ sung ở cấp xã trong quá trình tổng hợp thông tin.*

* Tổng hợp, rà soát các thông tin cơ bản của xã theo **Biểu II.8**.

**3.2. Rà soát tính khả thi của các hoạt động đề xuất**

**Kết quả cần đạt được:** Tiếp tục cập nhật các **Biểu II.4.A và Biểu II.4.B**

**Thời gian:** Tuần thứ 4 tháng 5 – tuần thứ 2 tháng 6 hàng năm (tiến hành cùng bước 3.1).

**Thành phần tham gia**: TCT LKH xã (chia thành 3 nhóm theo các lĩnh vực).

**Các hoạt động chính:**

* Các nhóm rà soát tất cả các hoạt động đề xuất, tính toán và điền thông tin về dự kiến nguồn lực (mà các ban ngành, đơn vị, các thôn chưa điền được).
* Rà soát tình hợp lệ của các hoạt động đề xuất: các hoạt động đề xuất về công trình CSHT (sử dụng vốn đầu tư phát triển), hỗ trợ phát triển sản xuất, nhân rộng mô hình giảm nghèo, duy tu bảo dưỡng … (sử dụng vốn sự nghiệp) có phù hợp với phạm vi đầu tư của từng dự án/tiểu dự án trong các CTMTQG.
* Xác minh số liệu của từng hoạt động, rà soát tính khả thi về các mặt: qui mô, địa điểm, thời gian, nguồn vốn, cơ chế thực hiện, khả năng đóng góp và tham gia của cộng đồng, góp phần duy trì các giá trị bản địa và bảo vệ môi trường.
* **Xác định Mục tiêu** của hoạt động đề xuất(nhằm giải quyết khó khăn gì, đạt được điều gì), điền vào cột Mục tiêu ở **Biểu II.4.A.**
* Trên cơ sở rà soát, tiếp tục cập nhật các **Biểu II.4.A và Biểu II.4.B**

**3.3. Xác minh nguồn vốn cho các hoạt động đề xuất**

**Kết quả cần đạt được:** Xây dựng Khung kế hoạch các hoạt động đã rõ nguồn vốn (**Biểu II.6.A**); và Khung đề xuất các hoạt động chưa rõ nguồn vốn (**Biểu II.6.B**).

**Thời gian:** Tuần thứ 4 tháng 5 hàng năm – tuần thứ 2 tháng 6 (tiến hành cùng bước 3.1).

**Thành phần tham gia**: Thành viên nòng cốt của TCT LKH cấp xã (Tổ trưởng TCT LKH cấp xã, Kế toán xã, cán bộ phụ trách các lĩnh vực chuyên môn của xã)

**Các hoạt động chính:**

* Rà soát một lần nữa tính khả thi của các hoạt động đề xuất trong bản dự thảo KH, **xem xét sự phù hợp với thông tin định hướng về LKH PT KT-XH, trong đó có định hướng LKH CTMTQG năm X+1 do cấp huyện cung cấp** (**Biểu III.1**), sự phù hợp với qui hoạch, đề án chuyển đổi cơ cấu của địa phương.
* **Rà soát Cơ chế thực hiện** từng hoạt động theo đề xuất của các thôn, cơ quan, ban ngành trong xã (công trình, dự án sử dụng nhà thầu bên ngoài; hoặc do cộng đồng tự thực hiện theo **cơ chế đầu tư đặc thù rút gọn**[[6]](#footnote-7)).
* Cân đối và xác minh nguồn lực dự kiến đối với từng hoạt động.
* Xem xét khả năng huy động hợp lý các nguồn nội lực cộng đồng để thực hiện các hoạt động, xác minh các hoạt động không cần nguồn vốn bên ngoài.
* **Phân bổ nguồn vốn đầu tư và vốn sự nghiệp** đã biết hoặc có thể dự kiến từ CTMTQG (và các CT-DA khác) cho các hoạt động ưu tiên về xây dựng CSHT, hỗ trợ phát triển sản xuất và ngành nghề, dịch vụ nông thôn, đào tạo nghề, nhân rộng mô hình giảm nghèo… và các hoạt động khác cần nguồn vốn bên ngoài nhằm đạt mục tiêu giảm nghèo bền vững, các tiêu chí NTM, và PT KT-XH của xã trong năm kế hoạch.
* Bóc tách cột “Cần hỗ trợ” trong biểu thông tin của các ban ngành và các thôn thành hai cột “Ngân sách” (đã rõ nguồn vốn) và cột “Đề xuất” (chưa rõ nguồn vốn) đối với từng hoạt động.
* Xây dựng Khung kế hoạch các hoạt động đã rõ nguồn vốn (**Biểu II.6.A**); và Khung đề xuất các hoạt động chưa rõ nguồn vốn (**Biểu II.6.B**).

*Lưu ý: Với Biểu II.6.A, cần chia thành các hoạt động không cần nguồn vốn bên ngoài và hoạt động cần nguồn vốn bên ngoài. Trong các hoạt động cần nguồn vốn bên ngoài chia tiếp theo nguồn vốn, gồm: vốn đầu tư phát triển (bao gồm dự án đã hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng nhưng chưa bố trí đủ vốn; dự án dự kiến hoàn thành trong kỳ kế hoạch; dự án chuyển tiếp; dự án khởi công mới) và vốn sự nghiệp.*

* Dựa trên **Biểu II.6.A**, TCT LKH cấp xã đánh dấu riêng (hoặc tách ra một phần danh mục riêng) các hoạt động ưu tiên thuộc CTMTQG. Rà soát để đảm bảo tổng nguồn vốn của các hoạt động ưu tiên thuộc CTMTQG trong Biểu II.6.A **không vượt quá** tổng nguồn vốn của từng dự án, tiểu dự án trong CTMTQG (chẳng hạn như Chương trình 135 - dự án 2 của CTMTQG GNBV) đã phân cấp hoặc dự kiến giao cho xã quản lý trong năm X+1.

**3.4. Lập dự thảo kế hoạch thực hiện CTMTQG cấp xã năm X+1**

**Kết quả cần đạt được:**

* Bản dự thảo KH PT KT-XH cấp xã năm X+1 (theo mẫu biểu do từng địa phương qui định).
* Bản dự thảo KH thực hiện CTMTQG cấp xã năm X+1 (**Biểu II.7.A, II.7.B**) kèm theo:
* Biểu tổng hợp Thuận lợi, Khó khăn, Nguyên nhân, Mục tiêu và Giải pháp của xã (**Biểu II.4.A**)
* Biểu tổng hợp Đề xuất các hoạt động của xã (**Biểu II.4.B**)
* Khung Kế hoạch các hoạt động đã rõ nguồn vốn (**Biểu II.6.A**), trong đó thể hiện rõ (hoặc tách ra một phần danh mục riêng) các hoạt động sử dụng nguồn vốn đầu tư và vốn sự nghiệp của CTMTQG.
* Khung Đề xuất các hoạt động chưa rõ nguồn vốn (**Biểu II.6.B**).
* Tổng hợp nhu cầu nguồn vốn năm X+1 **(Biểu II.6.C)**
* Biểu thông tin cơ bản của xã **(Biểu II.8)**

**Thời gian:** Tuần thứ 2 tháng 6 hàng năm.

**Thành phần tham gia**: TCT LKH xã (Tổ trưởng, cán bộ Văn phòng – Thống kê, Kế toán xã).

**Các hoạt động chính:**

* Dựa trên các biểu tổng hợp thông tin, TCT LKH xã hoàn thiện bản dự thảo KH PT KT-XH theo mẫu biểu do từng địa phương qui định và KH thực hiện CTMTQG cấp xã (**Biểu II.7.A** cho CTMTQG GNBV **và II.7.B** cho CTMTQG NTM), kèm theo Khung kế hoạch các hoạt động đã rõ nguồn vốn (**Biểu II.6.A**), Khung đề xuất các hoạt động chưa rõ nguồn vốn (**Biểu II.6.B**) và tổng hợp nhu cầu nguồn vốn năm X+1 (**Biểu II.6.C**).
* ***Lưu ý***: Đảm bảo dành nguồn lực cho các hoạt động đề xuất từ cấp thôn chiếm ít nhất **75%** tổng nguồn lực dành cho các hoạt động của xã.

### BƯỚC 4: TỔ CHỨC HỘI NGHỊ LKH XÃ

**4.1. Tổ chức hội nghị kế hoạch xã**

**Kết quả cần đạt được:**

* Biên bản hội nghị (**Biểu II.9**).
* Biểu II.6.A và II.6.B đã điều chỉnh và xếp ưu tiên hoạt động cần nguồn vốn bên ngoài. Trong đó thể hiện rõ (hoặc làm tách ra một phần danh mục riêng):
* Danh mục các hoạt động dự kiến đầu tư bằng nguồn vốn đầu tư và vốn sự nghiệp của CTMTQG.
* Danh mục các hoạt động (công trình, dự án) thực hiện theo Cơ chế đầu tư đặc thù rút gọn.
* Danh mục các hoạt động dự kiến đầu tư bởi CT-DA khác đã rõ nguồn vốn phân bổ cho xã.
* Danh mục các hoạt động không cần nguồn vốn bên ngoài.

**Thời gian:** Trong 1 ngày, chậm nhất vào cuối tuần thứ 2 tháng 6 hàng năm

**Thành phần tham gia**: Đại diện Đảng ủy xã, HĐND cấp xã, UBND cấp xã, các thành viên TCT LKH cấp xã, đại diện các ban ngành, đoàn thể cấp xã, các trường học, trạm y tế, HTX, doanh nghiệp, tổ chức tín dụng, các hiệp hội, dự án (ODA, NGO) có hoạt động trên địa bàn xã và các trưởng thôn, bí thư thôn. Lưu ý đảm bảo sự tham gia của đại diện phụ nữ trên địa bàn xã.

**Các hoạt động chính:**

* Chủ tịch UBND xã tóm tắt các thuận lợi, khó khăn, mục tiêu PT KT-XH, mục tiêu giảm nghèo và lộ trình thực hiện CT NTM của xã.
* Phát cho mỗi đại biểu 1 bản photo của **Biểu II.6.A** và **Biểu II.6.B**.
* Chia các đại biểu theo 3 tổ thảo luận: (1) **Cơ sở hạ tầng**, (2) **Kinh tế và tổ chức sản xuất**, (3) **Văn hóa-Xã hội-Môi trường**.
* Thảo luận tổ: Tổ trưởng 3 tổ tóm tắt mục tiêu, giải thích danh mục các hoạt động đề xuất nhằm đạt mục tiêu. Các thành viên trong tổ thảo luận, đề nghị điều chỉnh danh mục hoạt động nếu có ý kiến hợp lý.
* Hội ý 3 Tổ trưởng với đại diện TCT LKH xã, ghi nhận các ý kiến đề nghị điểu chỉnh với biểu II.6.A và II.6.B, đồng thời điều chỉnh tương ứng ở biểu II.4.A và II.4.B.
* Họp toàn thể: Đại diện TCT LKH xã báo cáo các đề nghị điều chỉnh mục tiêu, danh mục hoạt động qua thảo luận tại tổ. Các đại biểu thảo luận chung, biểu quyết các điều chỉnh.
* Các đại biểu xếp ưu tiên các hoạt động đề xuất trong **biểu II.6.B** (sau khi đã điều chỉnh danh mục hoạt động) bằng cách chấm điểm theo các tiêu chí:

+ Thống nhất các tiêu chí chấm điểm để lựa chọn hoạt động. Mỗi tiêu chí sẽ được gán một giá trị điểm tối đa (10 điểm).

+ Từng thành viên chấm điểm từ 1 đến 10 cho từng tiêu chí đã xác định đối với mỗi hoạt động.

+ Các ban ngành, đơn vị cộng số điểm cho các tiêu chí của mỗi hoạt động và xếp ưu tiên. Hoạt động nào có tổng số điểm cao hơn sẽ được xếp ưu tiên cao hơn.

***Lưu ý****: Các tiêu chí thường sử dụng như sau: [xem thêm mục 4 phần III: Một số gợi ý về cách làm]*

+ Tính phù hợp (phù hợp với qui hoạch, đề án tái cơ cấu, tiềm năng thị trường, điều kiện địa phương, phù hợp với người nghèo).

+ Hiệu quả chi phí (chi phí thấp nhất, hiệu quả cao nhất).

+ Phát huy nội lực cộng đồng (dựa trên sáng kiến cộng đồng, người dân tham gia, đóng góp, thực hiện, giám sát).

+ Số lượng người hưởng lợi (trong đó có số người nghèo, phụ nữ hưởng lợi; số việc làm công được tạo ra trong công trình, dự án).

* Với các hoạt động được các đại biểu xếp ưu tiên ngang nhau, thì ưu tiên hơn các hoạt động có thể huy động sự tham gia tích cực của phụ nữ, đáp ứng nhu cầu của phụ nữ, có đông phụ nữ nghèo hưởng lợi.
* **Thống nhất danh mục các hoạt động dự kiến đầu tư bằng nguồn vốn CTMTQG** (và danh mục hoạt động dự kiến đầu tư bởi các CT-DA khác đã rõ nguồn vốn phân bổ cho xã trong năm X+1, ví dụ vốn CT 135, dự án ODA...), đảm bảo có trên 50% thành viên đồng ý.

***Lưu ý****: Về CSHT ưu tiên công trình cho các cộng đồng nghèo, công trình có nhiều người nghèo, phụ nữ hưởng lợi, công trình tạo nhiều việc làm công; về dự án HTPTSX, đa dạng hóa sinh kế và NRMHGN ưu tiên các dự án có đông hộ nghèo DTTS, phụ nữ thuộc hộ nghèo hưởng lợi.*

* **Thống nhất danh mục các hoạt động dự kiến thực hiện theo Cơ chế đầu tư đặc thù** (xã làm chủ đầu tư, người dân đóng góp và tự tổ chức thi công theo tinh thần “Nhà nước và nhân dân cùng làm”).
* Thư ký hội nghị công bố và thông qua Biên bản hội nghị (**Biểu II.9**).
* Chủ tịch UBND xã kết luận và tuyên bố bế mạc hội nghị.

**4.2. Điều chỉnh bản dự thảo kế hoạch sau hội nghị**

**Thời gian**: Tuần thứ 3 tháng 6 hàng năm.

**Thành phần tham gia**: TCT LKH xã.

**Các hoạt động chính:**

Dựa trên kết quả thảo luận và nội dung đã thống nhất trong hội nghị, TCT LKH cấp xã hoàn thiện các nội dung:

* Biên bản hội nghị kế hoạch xã (**Biểu II.9**)
* Bản dự thảo KH PT KT-XH cấp xã năm X+1 (theo mẫu biểu do từng địa phương qui định).
* Bản dự thảo KH thực hiện CTMTQG xã năm X+1 (**Biểu II.7.A và II.7.B**).
* Khung Kế hoạch các hoạt động đã rõ nguồn vốn (**Biểu II.6.A**).
* Khung Đề xuất các hoạt động chưa rõ nguồn vốn (**Biểu II.6.B**).
* Tổng hợp nhu cầu nguồn vốn năm X+1 **(Biểu II.6.C).**

### BƯỚC 5: TRÌNH VÀ THẢO LUẬN DỰ THẢO KẾ HOẠCH CẤP XÃ

**5.1. Trình và thảo luận dự thảo kế hoạch với Đảng ủy và HĐND xã**

**Thời gian**: Tuần thứ 3 tháng 6 hàng năm.

**Các hoạt động chính:**

* Tổ chức các cuộc họp giữa Chủ tịch UBND xã và các thành viên nòng cốt của TCT LKH xã với thường trực Đảng ủy xã và thường trực HĐND xã để trình bày, giải trình và tiếp thu các ý kiến chỉ đạo về dự thảo KH (phù hợp với Nghị quyết của Đảng ủy và HĐND xã).

**5.2. Báo cáo cấp huyện**

**Kết quả cần đạt được:** Phiếu phản hồi của huyện về dự thảo kế hoạch xã và các chỉ tiêu kế hoạch dự kiến cho từng xã.

**Thời gian**: Tuần thứ tư tháng 6

**Thành phần tham gia**: TCT LKH cấp xã và cấp huyện; Ban chỉ đạo các CTMTQG cấp huyện; phòng TC-KH, phòng NN-PTNT và các ban ngành liên quan ở cấp huyện.

**Các hoạt động chính:**

* Chủ tịch UBND xã gửi dự thảo KH thực hiện CTMTQG cùng KH PT KT-XH năm X+1 kèm theo các biểu tổng hợp cho UBND huyện và BCĐ các CTMTQG huyện (thông qua phòng TC-KH, phòng LĐ-TBXH và phòng NN-PTNT) trong tuần thứ 4 tháng 6 hàng năm.

***Lưu ý****: Bên cạnh bản cứng, các xã cần gửi cả bản mềm (file Excel) các Biểu tổng hợp II.4.A, II.4.B, II.6.A và II.6.B cho phòng TC-KH huyện để thuận tiện cho việc tổng hợp và thẩm định ở cấp huyện.*

### BƯỚC 6: CẬP NHẬT, PHẢN HỒI KẾ HOẠCH CẤP XÃ

**6.1. Cập nhật kế hoạch**

**Kết quả cần đạt được:** Bản KH PT KT-XH và KH thực hiện CTMTQG năm X+1 của xã được cập nhật (**Biểu II.7.A và II.7.B**) và các biểu tổng hợp kèm theo được cập nhật tương ứng (**Biểu II.6.A, II.6.B, II.6.C, II.8**).

**Thời gian**: Tháng 11 – tháng 12 hàng năm.

**Các hoạt động chính:** TCT LKH cấp xã cập nhật thêm các thông tin vào bản kế hoạch, dựa trên tình hình thực hiện thực tế của 6 tháng cuối năm, thông tin phản hồi và chỉ tiêu kế hoạch dự kiến từ huyện.

**6.2. Phản hồi nội dung kế hoạch cho cộng đồng và các bên liên quan trong xã**

**Kết quả cần đạt được:**

* Văn bản phản hồi (**Biểu II.10**).
* Biên bản lấy ý kiến: ghi chép trung thực các ý kiến của cộng đồng, cơ quan, đơn vị về dự thảo kế hoạch.
* Bản dự thảo KH thực hiện CTMTQG và dự thảo KH PT KT-XH của xã năm X+1 được cập nhật sau phản hồi*.*

**Thời gian**: Tháng 11 – tháng 12 hàng năm.

**Các hoạt động chính:**

Tùy theo thực tế, TCT LKH xã lựa chọn hình thức phản hồi phù hợp:

* Phản hồi trực tiếp: Thành viên TCT LKH xã xuống địa bàn, phối hợp với lãnh đạo đơn vị, trưởng thôn họp dân thông báo dự thảo kế hoạch, nhấn mạnh các nội dung liên quan trực tiếp đến đơn vị, thôn đó.
* Phản hồi gián tiếp: (i) Công bố nội dung dự thảo kế hoạch qua hệ thống loa phát thanh, bảng tin công cộng của xã, địa điểm họp thôn; (ii) Gửi bản thảo kế hoạch xã kèm theo Văn bản phản hồi **(Biểu II.10)** tới các trưởng thôn và các cơ quan, đơn vị liên quan trên địa bàn xã.
* TCT LKH xã ghi nhận và tiếp thu các ý kiến phản hồi hợp lý để hoàn thiện bản kế hoạch trước khi phê duyệt chính thức.

### BƯỚC 7: HOÀN THIỆN, PHÊ DUYỆT VÀ BAN HÀNH KẾ HOẠCH CẤP XÃ

**Kết quả cần đạt được:**

* Tờ trình kế hoạch thực hiện CTMTQG (gồm kế hoạch Giảm nghèo bền vững và kế hoạch xây dựng Nông thôn mới) và kế hoạch PT KT-XH của UBND xã năm X+1 (kèm theo bản kế hoạch đầy đủ) gửi HĐND xã hoặc cơ quan cấp trên có thẩm quyền.
* Quyết định ban hành kế hoạch của UBND xã.

**Thời gian**: Trước ngày 31/12 hàng năm.

**Các hoạt động chính:**

* TCT LKH xã hoàn thiện lần cuối bản KH xã năm X+1.
* Chủ tịch UBND xã ký Tờ trình các bản KH thực hiện CTMTQG và KH PT KT-XH xã gửi HĐND xã hoặc cơ quan cấp trên có thẩm quyền thông qua.
* Chủ tịch UBND xã ra quyết định ban hành Bản kế hoạch thực hiện CTMTQG và KH PT KT-XH chính thức của xã, sau khi cơ quan cấp trên có thẩm quyền có ý kiến phản hồi và được HĐND cấp xã thông qua, thông báo công khai và đưa vào thực hiện.
* UBND xã thông báo về các hoạt động trong kế hoạch cho các ban ngành, đoàn thể, đơn vị trong xã và các trưởng thôn liên quan đến hoạt động đó để phổ biến cho nhân dân và triển khai thực hiện hoạt động.

## 2. QUY TRÌNH LẬP KẾ HOẠCH CTMTQG GẮN VỚI LẬP KẾ HOẠCH PT KT-XH CẤP HUYỆN HÀNG NĂM

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | Tháng 4 | Tháng 5 | Tháng 6 | Tháng 7 | Tháng 8 - 12 |
| Tỉnh | **Bước 1 (Trước cuối tuần 1 tháng 5)**  - Họp BCĐ các CTMTQG thống nhất cơ cấu phân bổ vốn.  - UBND tỉnh ban hành chỉ thị, Sở KH-ĐT ra văn bản hướng dẫn về LKH | **Bước 2 (Trước cuối tuần 3 tháng 5)**  Sở KH-ĐT phối hợp với Sở TC, Sở LĐ-TBXH, Sở NN-PTNT cung cấp thông tin định hướng CTMTQG cho các Sở ngành, huyện | **Bước 3 (Trước cuối tuần 4 tháng 6)**  Sở LĐ-TBXH, Sở NN-PTNT tổng hợp và xây dựng dự thảo KH CTMTQG cấp tỉnh | **Bước 6 (Trước 20/7)**  Hội nghị LKH PT KT-XH cấp tỉnh  **Bước 4 (Trước cuối tuần 1 tháng 7)**  Hội nghị LKH CTMTQG và phản hồi cho các huyện  **Bước 5 (Trước cuối tuần 2 của tháng 7)**  Sở KH-ĐT tổng hợp KH CTMTQG vào KH PT KT-XH tỉnh. | **Bước 7 (Từ tháng 8 - tháng 12)**  Cập nhật, hoàn thiện KH, trình HĐND tỉnh tại kỳ họp cuối năm |
| Huyện | **Bước 1** **(Trước cuối tuần 1 tháng 5)**  **-** Kiện toàn TCT LKH  UBND huyện ra văn bản chỉ đạo về LKH | **Bước 3 (Cuối tháng 5 - đầu tháng 6)**  UBND huyện cung cấp thông tin định hướng LKH cho cấp xã, ban ngành cấp huyện  **Bước 2 (Trước cuối tuần thứ 3 tháng 5**  - Phòng LĐ-TBXH, phòng NN-PTNT cung cấp thông tin về các CTMTQG  - Phòng TC-KH tổng hợp thông tin định hướng CTMTQG | **Bước 4** **(Trước cuối tuần thứ 4 tháng 6)**  - Phòng LĐ-TBXH, phòng NN-PTNT xây dựng KH CTMTQG cấp huyện  - Phòng TC-KH tổng hợp KH các xã, phân khai cho các ban ngành cấp huyện thẩm định | **Bước 6 (Trước cuối tuần 2 tháng 7)**  Hội nghị LKH huyện; Chỉnh sửa KH; Phản hồi cho các xã  **Bước 5 (Tuần đầu tiên tháng 7)**  Phòng TC-KH tổng hợp KH CTMTQG vào KH PT KT-XH | **Bước 7 (Từ tháng 8 đến tháng 12)**  Cập nhật, hoàn thiện và phê duyệt KH cấp huyện |
| Xã | **Bước 1 (Trước cuối tuần 2 tháng 5)**  - Kiện toàn TCT LKH  - Ban hành văn bản chỉ đạo LKH  - Họp triển khai thu thập thông tin  - Thu thập số liệu cơ bản thôn | **Bước 3 (Trước cuối tuần 2 tháng 6)**  Tổng hợp thông tin; Rà soát tính khả thi; Xác minh nguồn vốn; Dự thảo KH cấp xã năm X+1  **Bước 2 (Trước cuối tuần 3 tháng 5)**  **-** Các ban ngành, đoàn thể, đơn vị cấp xã đề xuất hoạt động ưu tiên  - Thôn đề xuất hoạt động ưu tiên | **Bước 4 (Trước cuối tuần 3 tháng 6)**  - Tổ chức Hội nghị LKH xã  - Điều chỉnh dự thảo KH  **Bước 5 (Trước cuối tuần thứ tư tháng 6)**  **-**Trình và thảo luận dự thảo KH với Đảng ủy, HĐND cấp xã  - Gửi các cơ quan cấp huyện |  | **Bước 7**  **(Trước ngày 31/12)**  Hoàn thiện và ban hành KHcấp xã  **Bước 6 (Từ**  **Tháng 11 – tháng 12)**  **-** Cập nhật KH  **-** Phản hồi nội dung dự thảo KH cho cộng đồng và các bên |
| Thôn |  |  |  |  |  |
| Ghi chú: : Hoạt động thực hiện cùng cấp | | | **:** Hướng dẫn từ trên xuống | **:** Báo cáo từ cấp dưới lên cấp trên | |

### BƯỚC 1: CÔNG TÁC CHUẨN BỊ

**Kết quả cần đạt được**

* Kiện toàn tổ công tác lập kế hoạch cấp huyện.
* Văn bản chỉ đạo của huyện về LKH PT KT-XH hàng năm, trong đó lồng ghép LKH CTMTQG.

**Thời gian:** Cuối tháng 4 đến tuần đầu tháng 5 hàng năm.

**Các hoạt động chính:**

* Thành lập hoặc kiện toàn tổ công tác LKH cấp huyện. Tổ công tác cấp huyện gồm: Phòng TC-KH chủ trì, 8-10 thành viên gồm phòng NN-PTNT (thường trực về CT Nông thôn mới); phòng LĐ-TBXH (thường trực về CT Giảm nghèo bền vững); các phòng, ban, cơ quan chuyên môn cấp huyện (Dân tộc, Kinh tế-Hạ tầng, Tài nguyên và Môi trường, Trạm Khuyến nông); các hội đoàn thể cấp huyện (Hội Liên hiệp Phụ nữ, Hội Nông dân, Đoàn thanh niên, Hội Cựu chiến binh).
* Các phòng ban chuyên môn cấp huyện đánh giá, tổng hợp thông tin về các yếu tố thị trường (phân tích chuỗi giá trị - VCA), bình đẳng giới, RRTT và BĐKH, tác động đến các nhóm đối tượng nhằm cung cấp thông tin định hướng cho việc lồng ghép các yếu tố đó vào quá trình LKH hàng năm.
* Căn cứ theo văn bản của tỉnh, UBND huyện ban hành văn bản chỉ đạo về LKH PT KT-XH cấp huyện, trong đó có lồng ghép LKH các CTMTQG.
* Phòng TC-KH chủ trì, phân công các thành viên Tổ công tác LKH cấp huyện theo dõi, đôn đốc và hướng dẫn trực tiếp các xã trong quá trình LKH.

### BƯỚC 2: XÂY DỰNG ĐỊNH HƯỚNG LẬP KẾ HOẠCH CTMTQG

**Kết quả cần đạt được:**

* Định hướng về kế hoạch thực hiện các CTMTQG năm X+ 1 trên địa bàn huyện được xây dựng.

**Thời gian**: Tuần thứ 3 tháng 5 hàng năm.

**Các hoạt động chính:**

* Phòng NN-PTNT, phòng LĐ-TBXH cấp huyện xây dựng thông tin định hướng LKH các CTMTQGnăm X+1 gửi cho phòng TC-KH cấp huyện, gồm định hướng Giảm nghèo bền vững và xây dựng NTM, dự kiến về nguồn vốn đầu tư và kinh phí sự nghiệp từ các CTMTQG.
* Căn cứ để xây dựng thông tin định hướng là các văn bản chính sách về CTMTQG; cơ chế phân cấp và tiêu chí phân bổ vốn CTMTQG do UBND tỉnh ban hành; hướng dẫn LKH và thông tin định hướng về CTMTQG năm X+1 do các Sở, ban ngành cấp tỉnh cung cấp; những mục tiêu và nội dung hoạt động trọng tâm của CTMTQG trên địa bàn huyện…
* Phòng TC-KH tổng hợp thông tin định hướng lập kế hoạch PT KT-XH, trong đó lồng ghép lập kế hoạch các CTMTQG.
* Trên cơ sở thông tin do các phòng ban cấp huyện cung cấp, dự kiến ngân sách cấp huyện hỗ trợ các xã thực hiện CTMTQG, Phòng TC-KH chủ trì tổng hợp, dự báo về khả năng tăng trưởng, tổng vốn đầu tư toàn xã hội có thể huy động được trên địa bàn, định hướng về chuyển dịch cơ cấu, giảm nghèo, xây dựng NTM v.v… làm cơ sở để xây dựng định hướng LKH PT KT-XH cấp huyện năm X+1, trong đó lồng ghép LKH CTMTQG.
* Nếu cần thiết, UBND huyện, BCĐ các CTMTQG cấp huyện tổ chức hội nghị định hướng về KH PT KT-XH và KH CTMTQG cấp huyện năm X+1, với sự tham gia của các phòng ban cấp huyện và lãnh đạo các xã.

### BƯỚC 3: UBND HUYỆN CUNG CẤP THÔNG TIN ĐỊNH HƯỚNG LKH HÀNG NĂM CHO BAN NGÀNH CẤP HUYỆN VÀ CHO CÁC XÃ

**Kết quả cần đạt được**

* UBND huyện Ban hành văn bản định hướng lập kế hoạch PT KT-XH hàng năm, trong đó lồng ghép LKH thực hiện các CTMTQG, cho các ban ngành cấp huyện và cho các xã.

**Thời gian**: Cuối tháng 5 - đầu tháng 6 hàng năm.

**Các hoạt động chính:**

* Phòng TC-KH tham mưu UBND huyện cung cấp thông tin định hướng cho các ban ngành cấp huyện và cho các xã về LKH PT KT-XH, trong đó có định hướng LKH CTMTQG năm X+1 (**Biểu III.1**):
* Dự báo các cơ hội và thách thức đối với việc thực hiện CTMTQG trong năm X+1;
* Các mục tiêu, kết quả, nội dung đầu tư trọng tâm của CTMTQG trên địa bàn tỉnh và các huyện trong năm X+1;
* Các nguồn lực dự kiến để thực hiện CTMTQG trong năm X+1;
* Cơ chế phân cấp và tiêu chí phân bổ vốn trong CTMTQG trên địa bàn huyện.

### BƯỚC 4: XÂY DỰNG KẾ HOẠCH CTMTQG CẤP HUYỆN

**Kết quả cần đạt được**

* Dự thảo bản KH các CTMTQG cấp huyện năm X+1 do phòng NN-PTNT và phòng LĐ-TBXH xây dựng.

**Thời gian:** Tuần thứ 4 tháng 6 hàng năm.

**Các hoạt động chính:**

* Phòng NN-PTNT, phòng LĐ-TBXH chủ động xây dựng khung KH thực hiện CTMTQG do mình quản lý trên cơ sở những thông tin định hướng đã được cung cấp từ các Sở chủ quản CTMTQG cấp tỉnh, phòng TC-KH và các văn bản liên quan.
* Phòng TC-KH phối hợp với phòng NN-PTNT, phòng LĐ-TBXH tổng hợp các hoạt động đề xuất của các xã (từ các biểu II.6.A và II.6.B của các xã) và phân loại hoạt động theo nhóm ngành, lĩnh vực rồi chuyển cho các phòng ban, cơ quan chuyên môn cấp huyện liên quan để xem xét, cho ý kiến.
* Các phòng ban, cơ quan chuyên môn của huyện thẩm định và đưa ra phản hồi về sự phù hợp và tính khả thi của các hoạt động do các xã đề xuất trong biểu II.6.A và II.6.B (xem xét tính phù hợp của từng hoạt động về mặt qui hoạch và định hướng phát triển của huyện, tính khả thi về nội dung, qui mô, địa điểm, nguồn vốn…), ghi nhận đưa vào kế hoạch cấp huyện và các chương trình hỗ trợ ngành do mình quản lý, hoặc từ chối ghi nhận.
* Các phòng ban chuyên môn chuyển lại ý kiến thẩm định của mình cho phòng TC-KH, phòng LĐ-TBXH, phòng NN-PTNT.
* Nếu còn vấn đề chưa thống nhất, TCT LKH huyện có thể mời UBND xã lên làm việc và trình bày, bảo vệ nội dung kế hoạch trước các cơ quan huyện.
* Phòng NN-PTNT và phòng LĐ-TBXH xây dựng dự thảo kế hoạch CTMTQG dựa trên đề xuất của các xã, ý kiến thẩm định của các phòng ban chuyên môn cấp huyện có liên quan, gửi cho phòng TC-KH.

### BƯỚC 5: TỔNG HỢP KH CTMTQG VÀO KH PT KT-XH CẤP HUYỆN

**Kết quả cần đạt được**

* Dự thảo kế hoạch kế hoạch PT KT-XH cấp huyện năm X+1, trong đó lồng ghép các nội dung chính của kế hoạch thực hiện các CTMTQG.

**Thời gian**: Tuần đầu tiên tháng 7 hàng năm.

**Các hoạt động chính**

* Phòng TC-KH dự thảo bản KH PT KT-XH cấp huyện năm X+1 (lần 1), trong đó lồng ghép các nội dung chính của kế hoạch thực hiện các CTMTQG, trên cơ sở tổng hợp thông tin từ dự thảo KH CTMTQG của các phòng ban và KH của các xã.

### BƯỚC 6: HỘI NGHỊ LKH CẤP HUYỆN VÀ PHẢN HỒI CHO CÁC XÃ

**Kết quả cần đạt được**

* Thảo luận về bản dự thảo kế hoạch PT KT-XH và kế hoạch CTMTQG cấp huyện năm X+1

**Thời gian:** Tuần thứ 2 tháng 7 hàng năm.

**Các hoạt động chính**

* **Tổ chức Hội nghị LKH cấp huyện:**
* UBND huyện phối hợp với BCĐ các CTMTQG tổ chức Hội nghị LKH cấp huyện.
* Thành phần tham gia Hội nghị gồm lãnh đạo huyện, thành viên TCT LKH cấp huyện, lãnh đạo các phòng ban cấp huyện, lãnh đạo các xã. Ngoài ra mời đại diện các chương trình, dự án, doanh nghiệp và đơn vị kinh tế lớn trên địa bàn huyện.
* Phòng TC-KH gửi dự thảo lần 1 bản KH PT KT-XH và KH CTMTQG của huyện cho các đại biểu trước khi tiến hành Hội nghị để các đại biểu nghiên cứu và chuẩn bị ý kiến phát biểu.
* Nội dung chính trong Hội nghị:

+ Đánh giá tình hình thực hiện KH 6 tháng đầu năm và dự kiến thực hiện cả năm X;

+ Thảo luận về mục tiêu, nhiệm vụ của KH năm X+1;

+ Thống nhất về cơ cấu phân bổ vốn CTMTQG năm X+1;

+ Lựa chọn các giải pháp, hoạt động ưu tiên thực hiện KH năm X+1;

+ Làm rõ nhiệm vụ, phối kết hợp giữa các bên liên quan.

* ***Lưu ý***: Các đại biểu lựa chọn và xếp hạng ưu tiên đối với các hoạt động do các xã và các ban ngành cấp huyện đề xuất, trong phạm vi nguồn lực huyện được phân cấp (như Chương trình 30a, vốn sự nghiệp Chương trình Nông thôn mới mà tỉnh phân cấp cho huyện). Cách xếp hạng, chấm điểm ưu tiên các hoạt động tham khảo mục 3.4, Phần III của Sổ tay này.
* **Chỉnh sửa bản KH PT KT-XH và** **KH CTMTQG cấp huyện sau Hội nghị:**
* Phòng NN-PTNT, phòng LĐ-TBXH chỉnh sửa nội dung KH CTMTQG cấp huyện theo các ý kiến thống nhất tại hội nghị LKH.
* Phòng TC-KH tiến hành chỉnh sửa nội dung bản KH PT KT-XH cấp huyện theo các ý kiến thống nhất tại Hội nghị LKH.
* Bản dự thảo lần 1 KH PT KT-XH và KH CTMTQG cấp huyện được trình UBND huyện xem xét, thông qua thường trực Huyện ủy và thường trực HĐND huyện, trước khi gửi lên Sở KH-ĐT, Sở TC, Sở NN-PTNT và Sở LĐ-TBXH.
* **Phản hồi cho cấp xã**: Dựa trên kết quả hội nghị LKH cấp huyện và ý kiến của cấp trên về KH thực hiện CTMTQG và KH PT KT-XH năm X+1 của huyện, phòng TC-KH chủ trì, phối hợp với phòng LĐ-TBXH và phòng NN-PTNT phản hồi cho các xã, kèm theo thông báo các chỉ tiêu kế hoạch và ngân sách CTMTQG dự kiến của xã trong năm tới. Những phản hồi này cần được ghi rõ trong Phiếu phản hồi (quá trình phản hồi, trao đổi hai chiều có thể được thực hiện từ tháng 7 đến cuối năm, trước thời điểm phê duyệt và ban hành kế hoạch chính thức của các xã).

### BƯỚC 7: CẬP NHẬT, HOÀN THIỆN VÀ PHÊ DUYỆT KẾ HOẠCH CẤP HUYỆN

**Kết quả cần đạt được:** Các bản kế hoạch cấp huyện (KH PT KT-XH, KH thực hiện CTMTQG GNBV và KH thực hiện CTMTQG xây dựng NTM) được cập nhật, hoàn thiện và phê duyệt.

**Thời gian**: Từ tháng 8 đến tháng 12 hàng năm.

**Các hoạt động chính**

* Cập nhật và hoàn thiện các bản KH cấp huyện để trình HĐND huyện phê duyệt.
* Phòng TC-KH liên tục cập nhật bản KH trong thời gian từ tháng 8 đến tháng 12.
* Giữa tháng 11, UBND huyện gửi công văn đề nghị các phòng ban cấp huyện và các xã bổ sung, cập nhật thông tin vào dự thảo KH của mình và chuyển về Phòng TC-KH, trong đó nêu rõ những nội dung đã chỉnh sửa, để các cơ quan cấp huyện cập nhật vào nội dung bản KH PT KT-XH và KH CTMTQG cấp huyện.
* Trình duyệt và thông qua KH cấp huyện, thông báo KH cho các xã.
* Phòng TC-KH chủ trì, phối hợp với phòng NN-PTNT và phòng LĐ-TBXH hoàn thiện bản KH PT KT-XH và KH CTMQTG sau khi có ý kiến phản hồi của các Sở, ban ngành cấp tỉnh (về chỉ tiêu KH, ngân sách phân bổ...) để UBND cấp huyện, BCĐ các CTMTQG cấp huyện xem xét và trình HĐND huyện thông qua vào kỳ họp cuối năm, sau đó thông báo cho các xã để làm căn cứ phê duyệt và triển khai thực hiện các bản KH cấp xã.

## 3. QUY TRÌNH LẬP KẾ HOẠCH CÁC CTMTQG GẮN VỚI LẬP KẾ HOẠCH PT KT-XH CẤP TỈNH HÀNG NĂM

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | Tháng 4 | Tháng 5 | Tháng 6 | | Tháng 7 | | Tháng 8 - 12 |
| Tỉnh | **Bước 1 (Trước cuối tuần 1 tháng 5)**  - Họp BCĐ các CTMTQG thống nhất cơ cấu phân bổ vốn.  - UBND tỉnh ban hành chỉ thị, Sở KH-ĐT ra văn bản hướng dẫn về LKH | **Bước 2 (Trước cuối tuần 3 tháng 5)**  Sở KH-ĐT phối hợp với Sở TC, Sở LĐ-TBXH, Sở NN-PTNT cung cấp thông tin định hướng CTMTQG cho các Sở ngành, huyện | **Bước 3 (Trước cuối tuần 4 tháng 6)**  Sở LĐ-TBXH, Sở NN-PTNT tổng hợp và xây dựng dự thảo KH CTMTQG cấp tỉnh | | **Bước 6 (Trước 20/7)**  Hội nghị LKH PT KT-XH cấp tỉnh  **Bước 4 (Trước cuối tuần 1 tháng 7)**  Hội nghị LKH CTMTQG và phản hồi cho các huyện  **Bước 5 (Trước cuối tuần 2 của tháng 7)**  Sở KH-ĐT tổng hợp KH CTMTQG vào KH PT KT-XH tỉnh. | | **Bước 7 (Từ tháng 8 - tháng 12)**  Cập nhật, hoàn thiện KH, trình HĐND tỉnh tại kỳ họp cuối năm |
| Huyện | **Bước 1** **(Trước cuối tuần 1 tháng 5)**  **-** Kiện toàn TCT LKH  UBND huyện ra văn bản chỉ đạo về LKH | **Bước 3 (Cuối tháng 5 - đầu tháng 6)**  UBND huyện cung cấp thông tin định hướng LKH cho cấp xã, ban ngành cấp huyện  **Bước 2 (Trước cuối tuần thứ 3 tháng 5**  - Phòng LĐ-TBXH, phòng NN-PTNT cung cấp thông tin về các CTMTQG  - Phòng TC-KH tổng hợp thông tin định hướng CTMTQG | **Bước 4** **(Trước cuối tuần thứ 4 tháng 6)**  - Phòng LĐ-TBXH, phòng NN-PTNT xây dựng KH CTMTQG cấp huyện  - Phòng TC-KH tổng hợp KH các xã, phân khai cho các ban ngành cấp huyện thẩm định | | **Bước 6 (Trước cuối tuần 2 tháng 7)**  Hội nghị LKH huyện; Chỉnh sửa KH; Phản hồi cho các xã  **Bước 5 (Tuần đầu tiên tháng 7)**  Phòng TC-KH tổng hợp KH CTMTQG vào KH PT KT-XH | | **Bước 7 (Từ tháng 8 đến tháng 12)**  Cập nhật, hoàn thiện và phê duyệt KH cấp huyện |
| Xã | **Bước 1 (Trước cuối tuần 2 tháng 5)**  - Kiện toàn TCT LKH  - Ban hành văn bản chỉ đạo LKH  - Họp triển khai thu thập thông tin  - Thu thập số liệu cơ bản thôn | **Bước 3 (Trước cuối tuần 2 tháng 6)**  Tổng hợp thông tin; Rà soát tính khả thi; Xác minh nguồn vốn; Dự thảo KH cấp xã năm X+1  **Bước 2 (Trước cuối tuần 3 tháng 5)**  **-** Các ban ngành, đoàn thể, đơn vị cấp xã đề xuất hoạt động ưu tiên  - Thôn đề xuất hoạt động ưu tiên | **Bước 4 (Trước cuối tuần 3 tháng 6)**  - Tổ chức Hội nghị LKH xã  - Điều chỉnh dự thảo KH  **Bước 5 (Trước cuối tuần thứ tư tháng 6)**  **-**Trình và thảo luận dự thảo KH với Đảng ủy, HĐND cấp xã  - Gửi các cơ quan cấp huyện | |  | | **Bước 7**  **(Trước ngày 31/12)**  Hoàn thiện và ban hành KHcấp xã  **Bước 6 (Từ**  **Tháng 11 – tháng 12)**  **-** Cập nhật KH  **-** Phản hồi nội dung dự thảo KH cho cộng đồng và các bên |
| Thôn |  |  |  | |  | |  |
| Ghi chú: : Hoạt động thực hiện cùng cấp | | | | **:** Hướng dẫn từ trên xuống | | **:** Báo cáo từ cấp dưới lên cấp trên | | |

### BƯỚC 1: CÔNG TÁC CHUẨN BỊ

**Kết quả cần đạt được:**

* Thành lập và duy trì TCT LKH cấp tỉnh.
* BCĐ các CTMTQG cấp tỉnh thống nhất định hướng cơ cấu phân bổ vốn CTMTQG trong năm.
* UBND tỉnh ban hành chỉ thị LKH các cấp hàng năm.

**Thời gian:** Cuối tháng 4, tuần đầu tháng 5 hàng năm.

**Các hoạt động chính:**

* Thành lập hoặc kiện toàn TCT LKH cấp tỉnh, do Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, và 10-15 thành viên nòng cốt gồm Sở NN-PTNT (thường trực về CTMTQG NTM); Sở LĐ-TBXH (thường trực về CTMTQG GNBV); các Sở, ban ngành cấp tỉnh (Tài chính, Dân tộc, Công thương, Thông tin và Truyền thông, Giáo dục, Y tế, Cục Thống kê, Trung tâm Khuyến nông, trường Chính trị tỉnh); đại diện các hội đoàn thể cấp tỉnh (Hội Liên hiệp Phụ nữ, Hội Nông dân, Đoàn thanh niên, Hội Cựu chiến binh).
* BCĐ các CTMTQG cấp tỉnh chủ trì, tổ chức cuộc họp với các Sở NN-PTNT, Sở LĐ-TBXH và các sở, ban ngành cấp tỉnh để đề xuất UBND tỉnh về định hướng cơ cấu phân bổ vốn thuộc CTMTQG năm X+1.
* Sở NN-PTNT chuẩn bị phương án về cơ cấu phân bổ vốn CTMTQG NTM; Sở LĐ-TBXH chuẩn bị phương án về cơ cấu phân bổ vốn CTMTQG GNBV để trình ra cuộc họp. Căn cứ là khuôn khổ vốn trung hạn, kế hoạch 5 năm, các tiêu chí phân bổ vốn CTMTQG theo quy định của TW và của tỉnh, kết quả thực hiện CTMTQG năm trước.
* Các Sở ngành chuyên môn tiến hành đánh giá các yếu tố thị trường (phân tích chuỗi giá trị - VCA), bình đẳng giới, RRTT, BĐKH và ảnh hưởng đến các nhóm đối tượng nhằm cung cấp thông tin định hướng cho việc lồng ghép các yếu tố này vào công tác LKH hàng năm.
* UBND tỉnh ban hành chỉ thị về việc LKH PT KT-XH hàng năm, trong đó có lồng ghép LKH CTMTQG. Trong văn bản này cần nêu rõ:
* Mục tiêu, yêu cầu của KH CTMTQG của năm X+1;
* Định hướng cơ cấu phân bổ vốn đầu tư và kinh phí sự nghiệp hàng năm của các CTMTQG trên địa bàn tỉnh năm X+1;
* Giao trách nhiệm cho Sở KH-ĐT, Sở TC, Sở NN-PTNT, Sở LĐ-TBXH, các Sở ban ngành cấp tỉnh liên quan và UBND các huyện phối hợp triển khai LKH lồng ghép.
* Sau khi có chỉ thị của UBND tỉnh, Sở KH-ĐT ban hành hướng dẫn LKH. Hướng dẫn này gồm: đánh giá sơ bộ tình hình thực hiện các nhiệm vụ của KH trung hạn, dự kiến tiến độ thực hiện trong năm hiện tại và các nhiệm vụ mới phát sinh trong năm X+1.
* Sở KH-ĐT chủ trì, phân công các thành viên TCT LKH cấp tỉnh triển khai việc tập huấn, hướng dẫn, đôn đốc các huyện trong quá trình LKH.

***Lưu ý:*** *Tuần đầu tháng 6, khi có chỉ thị LKH của Thủ tướng Chính phủ và Hướng dẫn của Bộ KH-ĐT và Bộ TC, Sở KH-ĐT ban hành hướng dẫn LKH bổ sung cho các Sở ngành và huyện.*

### BƯỚC 2: SỞ KH-ĐT CHỦ TRÌ CUNG CẤP THÔNG TIN ĐỊNH HƯỚNG LẬP KẾ HOẠCH CTMTQG

**Kết quả cần đạt được:** Sở KH-ĐT phối hợp với Sở tài chính vàhai Sở chủ quản hai CTMTQG xây dựng NTM và GNBV xây dựng, cung cấp thông tin định hướng LKH các CTMTQG cho các huyện.

**Thời gian:** Tuần thứ 2 đến tuần 3 của tháng 5 hàng năm.

**Các hoạt động chính:**

* Sau khi nhận được chỉ thị của UBND tỉnh, Sở NN-PTNT và Sở LĐ-TBXH chủ trì, phối hợp với các Sở, ban ngành cấp tỉnh liên quan để tổng hợp, đánh giá sơ bộ kết quả thực hiện CTMTQG do Sở mình quản lý trong những tháng đầu năm X.
* Sở KH-ĐT chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở NN-PTNT và Sở LĐ-TBXH cung cấp cho các Sở, ban ngành cấp tỉnh liên quan và cho các huyện các thông tin định hướng LKH CTMTQG năm X+1 **(Mẫu IV.1)**. Trong đó:
* Dự báo các cơ hội và thách thức đối với việc thực hiện CTMTQG trong năm X+1;
* Các mục tiêu, kết quả, nội dung đầu tư trọng tâm của CTMTQG trên địa bàn tỉnh và các huyện trong năm X+1;
* Các nguồn lực dự kiến để thực hiện CTMTQG trong năm X+1;
* Cơ chế phân cấp và tiêu chí phân bổ vốn trong CTMTQG.

|  |
| --- |
| ***Lưu ý về thông tin định hướng phục vụ LKH thực hiện các CTMTQG*** |
| Căn cứ khuôn khổ vốn đầu tư trung hạn; các nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn CTMTQG và tỷ lệ vốn đối ứng từ ngân sách địa phương thực hiện CTMTQG do Trung ương qui định[[7]](#footnote-8), ***UBND tỉnh xây dựng cơ chế phân cấp, tiêu chí phân bổ vốn đầu tư phát triển và kinh phí sự nghiệp nguồn ngân sách nhà nước để thực hiện các CTMTQG***, ***trình HĐND tỉnh thông qua.***   * Tiêu chí phân bổ vốn CTMTQG GNBV gồm: (i) tiêu chí dân số và DTTS; (ii) tiêu chí tỷ lệ hộ nghèo và quy mô hộ nghèo; (iii) tiêu chí diện tích đất tự nhiên; (iv) tiêu chí về đơn vị hành chính và các huyện có xã biên giới. * CTMTQG NTM ưu tiên hỗ trợ cho xã ĐBKK, xã biên giới, xã nghèo thuộc các huyện nghèo, xã nghèo thuộc huyện nghèo. Tập trung đầu tư cho các xã đạt dưới 5 tiêu chí và các xã đã đạt trên 15 tiêu chí xây dựng nông thôn mới.   Vốn đầu tư phát triển và kinh phí sự nghiệp trong các CTMTQG từ ngân sách trung ương phân bổ cho từng tỉnh còn phụ thuộc vào khả năng cân đối NSNN hàng năm. Tuy nhiên, BCĐ các CTMTQG cấp tỉnh có thể dựa trên số liệu phân bổ ngân sách của năm hiện tại để dự kiến sơ bộ ngân sách cho năm tới. Trong thực tế, ngân sách phân bổ cho năm sau thường bằng hoặc cao hơn khoảng 10% ngân sách đã phân bổ năm trước.  Kinh phí sự nghiệp trong các CTMTQG cần dành tỷ lệ % thích đáng cho các hoạt động tập huấn, đào tạo, nâng cao năng lực LKH và giám sát, đánh giá quá trình LKH hàng năm. |

### BƯỚC 3: SỞ LĐ-TBXH VÀ SỞ NN-PTNT XÂY DỰNG KẾ HOẠCH CTMTQG CẤP TỈNH

**Kết quả cần đạt được:** Hai Sở chủ quản CTMTQG xây dựng dự thảo KH cấp tỉnh thực hiện CTMTQG trong năm kế hoạch X+1.

**Thời gian:** Từ tuần 2 đến tuần 4 của tháng 6.

**Các hoạt động chính:**

* Từ tuần 2 đến tuần 3 của tháng 6, các phòng ban chuyên môn/cơ quan phụ trách các dự án/hợp phần khác nhau của CTMTQG tiến hành LKH của dự án/hợp phần và chuyển lại cho bộ phận thường trực CTMTQG thuộc hai Sở NN-PTNT và LĐ-TBXH (biểu mẫu do các Sở tự quy định).
* Tuần 3 đến tuần 4 của tháng 6, bộ phận thường trực CTMTQG của hai Sở nhận bản dự thảo KH CTMTQG (lần 1) do các huyện gửi lên.
* Trong tuần 3 và 4 của tháng 6, bộ phận thường trực CTMTQG của hai Sở thẩm định và thảo luận với các phòng ban chuyên môn/cơ quan phụ trách các dự án/hợp phần của CTMTQG và với các huyện (nếu cần).
* Đến cuối tháng 6, bộ phận thường trực CTMTQG của hai Sở kết thúc việc thẩm định, tiến hành tổng hợp thông tin và dự thảo nội dung kế hoạch CTMTQG của tỉnh năm X+1.

### BƯỚC 4: HỘI NGHỊ LKH CTMTQG CẤP TỈNH VÀ PHẢN HỒI CHO CÁC HUYỆN

**Kết quả cần đạt được:** Thảo luận và thống nhất về định hướng, nội dung chính của KH CTMTQG giữa các bên liên quan.

**Thời gian**: Đầu tuần 1 của tháng 7 hàng năm.

**Các hoạt động chính:**

* Cuối tháng 6, bộ phận thường trực CTMTQG của hai Sở NN-PTNT và LĐ-TBXH hoàn thành dự thảo KH CTMTQG do mình phụ trách.
* Trong tuần 1 của tháng 7, mỗi Sở tổ chức Hội nghị LKH CTMTQG năm X+1 do Sở mình phụ trách (Sở NN-PTNT chủ trì hội nghị LKH CT NTM, Sở LĐ-TBXH chủ trì hội nghị LKH CT GNBV).
* Thành phần tham dự: lãnh đạo Sở, lãnh đạo các phòng ban, cơ quan trực thuộc Sở liên quan đến CTMTQG; đại diện các Sở, ban ngành cấp tỉnh liên quan đến các dự án/hợp phần của CTMTQG; đại diện BCĐ các CTMTQG cấp huyện, lãnh đạo phòng ban phụ trách CTMTQG cấp huyện.
* Nội dung chính của hội nghị:

+ Đánh giá tình hình thực hiện KH CTMTQG 6 tháng đầu năm và dự kiến thực hiện cả năm hiện tại (năm X);

+ Thảo luận về mục tiêu, nhiệm vụ của KH năm tới X+1;

+ Thống nhất về cơ cấu phân bổ vốn CTMTQG năm tới X+1;

+ Lựa chọn các mục tiêu, giải pháp, nội dung hoạt động trọng tâm thực hiện KH năm tới X+1;

+ Làm rõ nhiệm vụ, phối kết hợp giữa các bên liên quan.

* Sở NN-PTNT và Sở LĐ-TBXH gửi Văn bản phản hồi về KH CTMTQG cho các huyện, dựa trên kết quả hội nghị LKH CTMTQG cấp tỉnh (quá trình phản hồi, trao đổi hai chiều có thể được thực hiện từ tháng 7 đến cuối năm, trước thời điểm phê duyệt và ban hành kế hoạch chính thức của các huyện).

### BƯỚC 5: TỔNG HỢP KH CTMTQG VÀO KH PT KT-XH CẤP TỈNH

**Kết quả cần đạt được:** Các nội dung chính của dự thảo KH CTMTQG năm X+1 được tổng hợp vào KH PT KT-XH cấp tỉnh năm X+1.

**Thời gian:** Từ tuần 1 đến hết tuần 2 của tháng 7 hàng năm.

**Các hoạt động chính:**

* Trong tuần 1 của tháng 7, trên cơ sở kết quả Hội nghị LKH CTMTQG cấp tỉnh, bộ phận thường trực CTMTQG của hai Sở NN-PTNT và Sở LĐ-TBXH chỉnh sửa nội dung Dự thảo KH CTMTQG năm X+1 do Sở mình quản lý, trình lãnh đạo Sở xem xét.
* Sau khi lãnh đạo Sở ký duyệt nội dung dự thảo, Sở NN-PTNT và Sở LĐ-TBXH gửi một bản dự thảo KH CTMTQG sang Sở KH-ĐT và Sở TC, một bản lên Bộ chủ quản CTMTQG theo yêu cầu.
* Cuối tuần 2 của tháng 7, Sở KH-ĐT chủ trì dự thảo nội dung KH PT KT-XH cấp tỉnh năm X+1, trong đó có lồng ghép các nội dung chính của KH thực hiện các CTMTQG.

### BƯỚC 6: TỔ CHỨC HỘI NGHỊ LKH PT KT-XH CẤP TỈNH

**Kết quả cần đạt được:** UBND tỉnhtổ chứcHội nghị lập KH PT KT-XH cấp tỉnh và hoàn thiện bản dự thảo KH PT KT-XH (lần 1), trong đó có các nội dung chính của KH thực hiện CTMTQG của tỉnh, gửi Bộ KH-ĐT và Bộ TC theo quy định.

**Thời gian:** Trước 20/7 hàng năm.

**Các hoạt động chính:**

* Sở KH-ĐT tham mưu cho UBND tỉnh, chuẩn bị tổ chức Hội nghị LKH PT KT-XH tỉnh năm X+1.
* Lãnh đạo UBND tỉnh chủ trì Hội nghị LKH PT KT-XH tỉnh năm X+1.
* Sở KH-ĐT chỉnh sửa nội dung dự thảo KH PT KT-XH tỉnh năm X+1 trên cơ sở các kết luận tại Hội nghị, trình UBND tỉnh xem xét, sau đó gửi lên Bộ KH-ĐT và Bộ TC trước ngày 20/7.

### BƯỚC 7: CẬP NHẬT, HOÀN THIỆN VÀ PHÊ DUYỆT KẾ HOẠCH CẤP TỈNH

Từ tháng 8 - tháng 12 hàng năm, Sở KH-ĐT tiếp tục cập nhật, hoàn thiện nội dung KH PT KT-XH của tỉnh, báo cáo UBND tỉnh để trình HĐND tỉnh thông qua tại kỳ họp cuối năm.

Sở NN-PTNT và Sở LĐ-TBXH tiếp tục cập nhật, hoàn thiện nội dung KH thực hiện CTMTQG do mình quản lý để trình UBND tỉnh phê duyệt, thông báo cho các huyện để làm căn cứ phê duyệt KH cấp huyện và triển khai thực hiện.

# Phần II: BIỂU MẪU LẬP KẾ HOẠCH

|  |  |
| --- | --- |
| **Ký hiệu mẫu biểu** | **Nội dung mẫu biểu** |
| **Cấp thôn** |  |
| Mẫu biểu I.1 | Số liệu cơ bản của thôn |
| Mẫu biểu I.2 | Thuận lợi, khó khăn, nguyên nhân, giải pháp và đề xuất hoạt động cấp thôn |
| Mẫu biểu I.3 | Biên bản họp thôn |
| Mẫu biểu I.4 | Biên bản ghi chép thảo luận với nhóm người nghèo/nhóm đặc thù |
| **Cấp xã** |  |
| Mẫu biểu II.1 | Phiếu đánh giá công tác LKH cấp xã hàng năm |
| Mẫu biểu II.2 | Văn bản chỉ đạo LKH cấp xã hàng năm |
| Mẫu biểu II.3 | Thuận lợi, khó khăn, nguyên nhân, giải pháp và đề xuất hoạt động cấp xã |
| Mẫu biểu II.4.A | Biểu tổng hợp Thuận lợi, khó khăn, nguyên nhân, mục tiêu và giải pháp |
| Mẫu biểu II.4.B | Biểu tổng hợp Đề xuất các hoạt động của xã |
| Mẫu biểu II.6.A | Khung Kế hoạch các hoạt động đã rõ nguồn vốn |
| Mẫu biểu II.6.B | Khung Đề xuất các hoạt động chưa rõ nguồn vốn |
| Mẫu biểu II.6.C | Biểu tổng hợp nhu cầu nguồn vốn thực hiện KH PT KT-XH (trong đó có nguồn vốn từ các CTMTQG) |
| Mẫu biểu II.7.A | Mẫu Dự thảo Kế hoạch thực hiện CTMTQG GNBV cấp xã |
| Mẫu biểu II.7.B | Mẫu Dự thảo Kế hoạch thực hiện CTMTQG NTM cấp xã |
| Mẫu biểu II.8 | Số liệu cơ bản của xã |
| Mẫu biểu II.9 | Biên bản hội nghị lập kế hoạch cấp xã |
| Mẫu biểu II.10 | Mẫu phiếu phản hồi Kế hoạch cấp xã với cộng đồng và các bên liên quan |
| **Cấp huyện** |  |
| Mẫu biểu III.1 | Phiếu thông tin định hướng LKH từ cấp huyện |
| **Cấp tỉnh** |  |
| Mẫu biểu IV.1 | Phiếu thông tin định hướng LKH CTMTQG từ cấp tỉnh |

**Mẫu biểu I.1. Số liệu cơ bản của Thôn**

Thôn: …………………… Năm hiện trạng: …………….

| **TT** | **CHỈ TIÊU** | **Đơn vị tính** | **Số liệu** |
| --- | --- | --- | --- |
|
| **I** | **Các chỉ tiêu thống kê cơ bản**[[8]](#footnote-9) |  |  |
| 1 | Đất nông nghiệp | ha |  |
| *1.1* | *- Đất trồng cây hàng năm* | *"* |  |
| *1.2* | *- Đất trồng cây lâu năm* | *"* |  |
| *1.3* | *- Đất nuôi trồng thuỷ sản* | *"* |  |
| *1.4* | *- Đất nông nghiệp khác* | *"* |  |
| 2 | Đất lâm nghiệp | " |  |
| 3 | Đất phi nông nghiệp | " |  |
| 4 | Đất chưa sử dụng | " |  |
| 5 | Tổng số nhân khẩu*[[9]](#footnote-10)* | người |  |
| *5.1* | *- Dân tộc Kinh* | " |  |
| *5.2* | *- Dân tộc Tày* | " |  |
| *5.3* | *- Dân tộc Mông* | " |  |
| *5.4* | *- …* | " |  |
| 6 | Tổng số hộ | hộ |  |
| *6.1* | *- Hộ dân tộc Kinh* | " |  |
| *6.2* | *- Hộ dân tộc Tày* | " |  |
| *6.3* | *- Hộ dân tộc Mông* | " |  |
| *6.4* | *- …* | " |  |
| 7 | Số hộ nghèo | hộ |  |
| *7.1* | *Số hộ nghèo dân tộc thiểu số* | " |  |
| 8 | Số hộ cận nghèo | hộ |  |
| *8.1* | *Số hộ cận nghèo dân tộc thiểu số* | " |  |
| 9 | Số khẩu trong độ tuổi lao động  Trong đó: + Nam  + Nữ | người  người  người |  |
| *9.1* | *Số lao động chưa có việc làm*  Trong đó: + Nam  + Nữ | *người*  *người*  *người* |  |
| 10 | Số hộ có hoạt động nông, lâm, ngư nghiệp | hộ |  |
| 11 | Số hộ có sản xuất tiểu thủ công nghiệp | " |  |
| 12 | Số hộ có hoạt động kinh doanh thương mại, dịch vụ | " |  |
| 13 | Diện tích gieo trồng cây hàng năm[[10]](#footnote-11) | ha |  |
| *13.1* | *- Lúa đông xuân* | *ha* |  |
| *132* | *- Lúa hè thu* |  |  |
| *13.3* | *- Ngô* | " |  |
| *13.4* | *- Sắn* | " |  |
| *13.5* | *-...* |  |  |
| 14 | Diện tích gieo trồng cây lâu năm | ha |  |
| *14.1* | *- Cây cà phê* | " |  |
| *14.2* | *- Cây chè* | " |  |
| *14.3* | *...* |  |  |
| 15 | Diện tích rừng trồng | ha |  |
| 16 | Chăn nuôi |  |  |
| *16.1* | *Diện tích nuôi trồng thuỷ sản* | *ha* |  |
| *16.2* | *Số lượng gia súc* | *con* |  |
| *16.3* | *Số lượng lợn* | *con* |  |
| *16.4* | *…* | *con* |  |
| **II** | **Các chỉ tiêu kế hoạch**[[11]](#footnote-12) |  |  |
| 1 | Tỷ lệ cứng hóa đường giao thông | % |  |
| 2 | Tỷ lệ đáp ứng cho diện tích có nhu cầu tưới | % |  |
| 3 | Tỷ lệ hộ sử dụng điện | % |  |
| 4 | Thôn có sử dụng mạng lưới điện quốc gia | Có/không |  |
| 5 | Tỷ lệ hộ sử dụng nước hợp vệ sinh | % |  |
| 6 | Tỷ lệ thu gom rác thải ở nông thôn | % |  |
| 7 | Sản lượng lương thực có hạt | tấn |  |
| 8 | Trồng mới cây công nghiệp dài ngày | ha |  |
| 9 | Trồng mới rừng tập trung | ha |  |
| 10 | Tỷ lệ che phủ rừng | % |  |
| 11 | Sản lượng thuỷ, hải sản | tấn |  |
| 12 | Tạo việc làm mới trong năm  Trong đó: + Nam  + Nữ | người  người  người |  |
| 13 | Số lao động được đào tạo nghề  Trong đó: + Nam  + Nữ | người  người  người |  |
| 14 | Tốc độ tăng dân số tự nhiên | % |  |
| 15 | Giảm tỷ lệ hộ nghèo | % |  |
| 16 | Giảm tỷ lệ hộ nghèo dân tộc thiểu số | % |  |
| 17 | Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng | % |  |
| 18 | Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế | % |  |
| 19 | Tỷ lệ gia đình văn hóa | % |  |
| 20 | Thôn đạt tiêu chí thôn văn hóa | Có/không |  |
| 21 | Tỷ lệ trẻ em từ 3-5 tuổi đến lớp | % |  |
| 22 | Tỷ lệ trẻ em trong độ tuổi tiểu học đến trường | % |  |
| 23 | Tỷ lệ trẻ em trong độ tuổi trung học cơ sở đến trường | % |  |

**Mẫu biểu I.2: Thuận lợi, Khó khăn, Nguyên nhân, Giải pháp và Đề xuất hoạt động ở cấp thôn**

* **Năm kế hoạch (X+1):……… Thôn:…………………**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Ngành/Lĩnh vực:** |  | | | | | | | | |
| ***Thuận lợi*** (những mặt được, điểm mạnh chính đã đạt được tính đến hiện tại) |  | | | | | | | | |
|  | | | | | | | | |
|  | | | | | | | | |
| ***Khó khăn*** (tồn tại, hạn chế chính cần giải quyết) | ***Nguyên nhân*** (lý do gây ra Khó khăn) | | | | ***Giải pháp*** (việc cần làm để khắc phục Nguyên nhân) | | | | |
|  |  | | | |  | | | | |
|  |  | | | |  | | | | |
|  |  | | | |  | | | | |
|  |  | | | |  | | | | |
|  |  | | | |  | | | | |
| **Hoạt động**  (Xếp ưu tiên từ cao xuống thấp) | **ĐVT** | **Số lượng** | **Thời gian** | **Địa điểm** | **Trách nhiệm** | **Nguồn lực (1.000 đồng)** | | | **Ghi chú**  (nêu tên nguồn vốn, cách thực hiện) |
| ***Tổng số*** | ***Dân góp*** | ***Cần hỗ trợ*** |
| **Hoạt động Không cần nguồn vốn bên ngoài** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **Hoạt động Cần nguồn vốn bên ngoài** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

Mẫu biểu I.3: Biên bản họp thôn

UBND CẤP XÃ ............................ CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Thôn .........................Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

...................., ngày .........tháng .......năm .........

BIÊN BẢN HỌP THÔN

(1.) Nội dung:

(2.) Thành phần tham gia:

* 1. Người chủ trì:
  2. Thư ký:
  3. Người dân tham gia họp: người, trong đó nữ ……người

(3.) Địa điểm:

(4.) Thời gian: Từ ….giờ đến …..giờ, ngày ….tháng ….năm ……..

(5.) Tiến trình cuộc họp:

* Giới thiệu mục đích cuộc họp thôn: ;
* Giới thiệu Tổ xây dựng kế hoạch: ;
* Trình bày văn bản chỉ đạo, hướng dẫn xây dựng kế hoạch thực hiện CTMTQG gắn với LKH PT KT-XH: ;
* Thống nhất về số liệu cơ bản của thôn: *;*
* Trình bày khái quát về tình hình kinh tế- xã hội trong năm qua và định hướng phát triển của thôn trong năm tới: *;*
* Thảo luận về các khó khăn cần giải quyết trong năm tới:
* Thảo luận về các tiềm năng, điểm mạnh, sáng kiến của người dân cần phát huy nhằm thực hiện giảm nghèo bền vững và phát triển cộng đồng trong năm tới: ......................................................................
* Thống nhất đề ra giải pháp, kế hoạch hoạt động ưu tiên, thời gian, nguồn lực, trách nhiệm tổ chức và tham gia thực hiện của các bên cùng những chi tiết khác trong các tài liệu đính kèm (gồm **Mẫu biểu I.1** về số liệu cơ bản của thôn và các **Mẫu biểu I.2** về thuận lợi, khó khăn, nguyên nhân, giải pháp và hoạt động).

(6.) Kết luận chung:

Biên bản được thông qua vào hồi ……………….. giờ ………………...

Thư ký Trưởng thôn

**Mẫu biểu I.4: Biên bản thảo luận với nhóm người nghèo**

UBND CẤP XÃ ............................ CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Thôn .........................Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

...................., ngày .........tháng .......năm .........

BIÊN BẢN GHI CHÉP THẢO LUẬN VỚI NHÓM NGƯỜI NGHÈO/ĐẶC THÙ

(1.) Nội dung:...........................................................................................................................

...............................................................................................................................................

(2.) Thành phần tham gia:

Người chủ trì:

Thư ký:

Số người tham gia họp: … người, trong đó nữ …… người

(3.) Địa điểm:

(4.) Thời gian: Từ ….giờ đến …..giờ, ngày ….tháng ….năm ……..

(5.) Tiến trình cuộc họp:

* Giới thiệu mục đích cuộc họp thôn: ;
* Giới thiệu Tổ xây dựng kế hoạch: ;
* Thông báo tình hình giảm nghèo của thôn; chủ trương giảm nghèo của xã trong năm kế hoạch (X+1); một số CT-DA, chính sách hỗ trợ giảm nghèo, đầu tư, việc làm công tại địa phương:........................................................................................................................;

...........................................................................................................................................;

* Thảo luận những khó khăn/hạn chế tại địa phương:
  + - ......
    - ......
    - ......
* Thảo luận về các tiềm năng, điểm mạnh, sáng kiến của người dân trong năm tới:
  + - ......
    - ......
    - ......
* Thống nhất những đề xuất trong năm kế hoạch (X+1) nhằm khắc phục

những khó khăn, hạn chế, phát huy những tiềm năng, điểm mạnh, sáng kiến đã nêu trên:

(6.) Kết luận chung:

Biên bản được thông qua vào hồi ……………….. giờ ………………...

Thư ký Trưởng thôn

**Mẫu biểu II.1: Phiếu đánh giá công tác LKH cấp xã hàng năm**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Tiêu chí đánh giá | Có/ Không | Cơ sở đánh giá | Ghi chú |
| 1 | Các ban ngành cấp xã có tham gia trong tổ công tác LKH cấp xã? |  | Rà soát thành phần tổ công tác LKH cấp xã (nòng cốt là BQL các CTMTQG cấp xã) |  |
| 2 | TCT LKH cấp thôn có được thành lập/kiện toàn, có đủ số lượng ít nhất (02) nữ tham gia? |  | Rà soát thành phần các tổ công tác LKH cấp thôn (nòng cốt là Ban phát triển thôn) trong xã |  |
| 3 | Cấp Huyện có gửi thông tin định hướng cho xã để phục vụ LKH? |  | Rà soát Phiếu thông tin định hướng từ cấp huyện (Phiếu III.1). Phỏng vấn cán bộ xã phụ trách tổng hợp văn bản kế hoạch |  |
| 4 | Các ban ngành, đơn vị cấp xã có đề xuất hoạt động phục vụ LKH? |  | Rà soát các phiếu thông tin của ban ngành, đơn vị (Biểu II.3). Nếu có trên 70% phiếu của ban ngành, đơn vị thì đánh dấu Có |  |
| 5 | Có tổ chức họp thôn về LKH ở tất cả các thôn? |  | Rà soát các phiếu thông tin của thôn (Biểu I.2), biên bản họp thôn về LKH (Biểu I.3)  Nếu có đủ 100% phiếu thông tin thôn và có biên bản họp thôn thì đánh dấu Có |  |
| 6 | Người dân có biết về buổi họp thôn về LKH tại thôn mình? |  | Phỏng vấn ngẫu nhiên ít nhất 5 hộ (trong đó có ít nhất 2 hộ nghèo)/thôn tại ít nhất 2 thôn. Lưu ý lựa chọn đại diện hộ do phụ nữ làm chủ hộ. Nếu 3/5 hộ tại cả 2 thôn trả lời có biết về buổi họp thôn về LKH thì đánh dấu Có |  |
| 7 | Các hoạt động đề xuất trong bản KH có phù hợp với nhu cầu của người dân? |  | Phỏng vấn ngẫu nhiên 5 hộ (trong đó có ít nhất 2 hộ nghèo)/thôn tại ít nhất 2 thôn. Lưu ý lựa chọn đại diện hộ do phụ nữ làm chủ hộ.  Nếu 3/5 hộ tại cả 2 thôn trả lời các hoạt động phù hợp nhu cầu thì đánh dấu Có |  |
| 8 | Các hoạt động đề xuất có đi kèm dự toán ngân sách? |  | Rà soát Biểu II.6.A và II.6.B trong bản KH CTMTQG của xã |  |
| 9 | Bản kế hoạch có bao gồm hoạt động không cần nguồn vốn từ bên ngoài? |  | Rà soát Biểu II.6.A và II.6.B trong bản KH CTMTQG của xã |  |
| 10 | Bản dự thảo KH CTMTQG có được phản hồi cho cộng đồng và các bên liên quan? |  | Rà soát các Phiếu phản hồi cộng đồng và các bên liên quan (Biểu II.10), các Biên bản ghi ý kiến phản hồi. |  |
| 11 | Bản kế hoạch xã gửi lên huyện có đúng thời gian quy định? |  | Rà soát công văn gửi kèm bản KH xã lên huyện. Phỏng vấn lãnh đạo xã |  |
| 12 | Các ban ngành cấp huyện có phản hồi cho xã về các hoạt động đề xuất? |  | Rà soát Phiếu phản hồi của huyện cho xã về bản KH. Phỏng vấn cán bộ xã phụ trách tổng hợp văn bản kế hoạch. |  |
| 13 | Bản KH CTMTQG có được thông qua HĐND cấp xã hay không? |  | Rà soát bản KH CTMTQG, Nghị quyết của HĐND cấp xã về KH CTMTQG |  |
| 14 | Tỷ lệ % hoạt động đề xuất trong bản KH năm trước (thuộc danh mục II.6.A – các hoạt động đã rõ nguồn lực) đến nay đã được thực hiện? |  | Phỏng vấn lãnh đạo xã/kế toán xã, so sánh với Biểu II.6.A.  Trên 60% hoạt động đề xuất đã hoặc đang được thực hiện thì đánh dấu là Có. |  |

*Ghi chú: TCT LKH cấp xã phân công các thành viên rà soát hồ sơ, tài liệu về quá trình LKH của năm trước và về các thôn khảo sát, phỏng vấn nhanh người dân để điền đầy đủ Phiếu đánh giá này.*

**Mẫu biểu II.2: Văn bản chỉ đạo LKH cấp xã hàng năm**

UỶ BAN NHÂN DÂNCỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

XÃ……………… Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số ……../UBND *..………, ngày ...... tháng ...... năm ..........*

*V/v triển khai công tác*

*lập kế hoạch năm……….….*

Kính gửi:

* Các Ban, Ngành, Đoàn thể xã;
* Các Cơ quan, Đơn vị đóng trên địa bàn;
* Các Trưởng thôn;

Để chuẩn bị cho công tác xây dựng kế hoạch PT KT-XH, trong đó lồng ghép LKH thực hiện CTMTQG năm ……........... của xã; UBND cấp xã yêu cầu các Ban, Ngành, Đoàn thể xã, đơn vị sự nghiệp đóng trên địa bàn và các Trưởng thôn triển khai công tác thu thập thông tin, xây dựng mục tiêu, đề xuất giải pháp và dự tính nguồn lực thực hiện kế hoạch năm…….. thuộc lĩnh vực do đơn vị phụ trách.

Lịch triển khai công tác LKH PT KT-XH trong đó có lồng ghép LKH thực hiện CTMTQG cấp xã nêu trong bảng kèm theo.

Các phiếu cung cấp thông tin đề xuất kế hoạch và tài liệu kèm theo gửi về UBND cấp xã trước ngày ….................. để tổng hợp.

Đề nghị các Cơ quan, Đơn vị trên địa bàn phối hợp cung cấp thông tin để xây dựng kế hoạch PT KT-XH trong đó có lồng ghép kế hoạch thực hiện CTMTQG cấp xã đạt kết quả tốt.

Yêu cầu các đơn vị triển khai thực hiện./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Như trên;  - Đảng uỷ xã;  - CT, PCT UBND cấp xã;  - Các TV Tổ công tác LKH cấp xã  - Lưu: VT. | **TM. ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ**  **CHỦ TỊCH** |

**Lịch công tác triển khai LKH PT KT-XH trong đó có lồng ghép LKH thực hiện CTMTQG cấp xã**

| **TT** | **Nội dung hoạt động** | **Thời gian thực hiện** | **Người chịu trách nhiệm** | **Người phối hợp** | **Kết quả cần đạt được** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | Thành lập, kiện toàn tổ công tác lập kế hoạch cấp xã và thôn | Tháng 4 | UBND cấp xã |  | 01 TCT LKH cấp xã và …. TCT LKH cấp thôn được thành lập với đầy đủ thành phần liên quan |
|  | Đánh giá quá trình lập kế hoạch năm trước | Tháng 4 | TCT LKH cấp xã | Kế toán | Hoàn thành phiếu đánh giá quá trình LKH năm trước |
|  | Chuẩn bị tài liệu, văn phòng phẩm, kinh phí thực hiện | Tháng 4 | Văn phòng – thống kê | Kế toán | Chuẩn bị đầy đủ tài liệu, văn phòng phẩm phục vụ công tác lập kế hoạch CTMTQG  Chuẩn bị kinh phí phù hợp. |
|  | Thông tin, tuyên truyền về công tác LKH cho người dân | Tháng 4 | UBND cấp xã, TCT LKH cấp xã | Các trưởng thôn | Người dân hiểu rõ mục đích, nội dung, phương pháp, quyền và trách nhiệm LKH |
|  | Họp triển khai thu thập thông tin | Ngày …/5 | TCT LKH cấp xã | Văn phòng – thống kê. Kế toán | Các đại biểu tham gia hội nghị hiểu được các bước, nội dung cần thực hiện, phân công nhiệm vụ cụ thể |
|  | Thôn đề xuất các hoạt động | …………. | …………. | …………. | …………. |
|  | Các ban ngành, đơn vị cấp xã đề xuất các hoạt động | …………. | …………. | …………. | …………. |
|  | Thu thập thông tin định hướng từ huyện | …………. | …………. | …………. | …………. |
|  | Tổng hợp thông tin  Dự thảo kế hoạch | …………. | …………. | …………. | …………. |
|  | Tổ chức Hội nghị kế hoạch cấp xã | …………. | …………. | …………. | …………. |
|  | Cập nhật kế hoạch | …………. | …………. | …………. | …………. |
|  | Trình và thảo luận KH với, Thường trực Đảng Ủy, HĐND cấp xã.  Báo cáo BCĐ CTMTQG huyện, UBND cấp huyện | …………. | …………. | …………. | …………. |
|  | Phản hồi Kế hoạch cho cộng đồng và các bên liên quan | …………. | …………. | …………. | …………. |
|  | Cập nhật và hoàn thiện | …………. | …………. | …………. | …………. |
|  | Đệ trình, phê duyệt | …………. | …………. | …………. | …………. |

Mẫu biểu II.3: Thuận lợi, Khó khăn, Nguyên nhân, Giải pháp và Đề xuất hoạt động ở cấp xã

**Năm kế hoạch (X+1):……… Ban ngành, đơn vị: …………………**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Ngành/lĩnh vực:** |  | | | | | | | | | |
| ***Thuận lợi*** (những mặt được, tiềm năng, thế mạnh chính cần phát huy) |  | | | | | | | | | |
|  | | | | | | | | | |
|  | | | | | | | | | |
| ***Khó khăn*** (những tồn tại, hạn chế chính cần khắc phục) | ***Nguyên nhân*** (lý do gây ra Khó khăn) | | | | | ***Giải pháp*** (việc cần làm để khắc phục Nguyên nhân) | | | | |
|  |  | | | | |  | | | | |
|  |  | | | | |  | | | | |
|  |  | | | | |  | | | | |
|  |  | | | | |  | | | | |
|  |  | | | | |  | | | | |
| **Hoạt động**  (Xếp ưu tiên từ cao xuống thấp) | **Mục tiêu** | **ĐVT** | **Số lượng** | **Thời gian** | **Địa điểm** | **Trách nhiệm** | **Nguồn lực (1.000 đồng)** | | | **Ghi chú**  (nêu tên nguồn vốn, cách thực hiện) |
| ***Tổng số*** | ***Dân góp*** | ***Cần hỗ trợ*** |
| **Hoạt động Không cần nguồn vốn bên ngoài** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **Hoạt động Cần nguồn vốn bên ngoài** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

Mẫu biểu II.4: Các biểu mẫu sử dụng trong tổng hợp KH PT KT-XH trong đó có lồng ghép KH thực hiện CTMTQG cấp xã

Mẫu biểu II.4.A: Biểu tổng hợp Thuận lợi, khó khăn, nguyên nhân, mục tiêu và giải pháp

***Năm kế hoạch (X+1): ………………… Xã:……………………***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Ngành/Lĩnh vực |  | | | |
| Thuận lợi | Khó khăn | Nguyên nhân | Mục tiêu | Giải pháp |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |

Mẫu biểu II.4.B: Biểu tổng hợp Đề xuất các hoạt động của xã

***Năm kế hoạch (X+1):…………******Xã:………………..***

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Hoạt động** | **Mục tiêu** | **ĐVT** | **Số lượng** | **Tổ chức thực hiện** | | | **Nguồn lực (1.000 đ)** | | | | **Ngành/Lĩnh vực** | **Tên nguồn vốn** | **Cơ chế thực hiện** | **Nội dung khác (nếu có)** |
| **Thời gian** | **Địa điểm** | **Người chịu trách nhiệm** | **Tổng số** | Dân góp | Ngân sách  *(đã rõ nguồn vốn)* | Đề xuất (*chưa rõ nguồn vốn)* |
| A | **Các hoạt động không cần nguồn vốn bên ngoài** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| B | **Các hoạt động cần nguồn vốn bên ngoài** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

**Mẫu biểu II.6: Khung kế hoạch**

**Mẫu biểu II.6.A: Khung Kế hoạch các hoạt động đã rõ nguồn vốn**

***Năm kế hoạch (X+1):………… Xã:………………..***

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Ưu tiên** | **Hoạt động** | **Mục tiêu** | **ĐVT** | **Số lượng** | **Tổ chức thực hiện** | | | **Nguồn lực (1.000đ)** | | | | **Ngành/Lĩnh vực** | **Tên nguồn vốn**[[12]](#footnote-13) | **Cơ chế thực hiện** | **Nội dung khác (nếu cần)** |
| **Thời gian** | **Địa điểm** | **Người chịu trách nhiệm** | **Tổng số** | Dân góp | Ngân sách  *(đã rõ nguồn vốn)* | Đề xuất (*chưa rõ nguồn vốn)* |
| A |  | **Các hoạt động không cần nguồn vốn bên ngoài** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| B |  | **Các hoạt động cần nguồn vốn bên ngoài** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  | Vốn đầu tư phát triển |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  | *Dự án đã hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng nhưng chưa bố trí đủ vốn* |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  | *Dự án dự kiến hoàn thành trong kỳ kế hoạch* |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  | *Dự án chuyển tiếp* |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  | *Dự án khởi công mới* |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  | Vốn sự nghiệp |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

**Mẫu biểu II.6.B: Khung Đề xuất các hoạt động chưa rõ nguồn vốn**

***Năm kế hoạch (X+1):………… Xã:………………..***

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Ưu tiên** | **Hoạt động** | **Mục tiêu** | **ĐVT** | **Số lượng** | **Tổ chức thực hiện** | | | **Nguồn lực (1.000đ)** | | | | **Ngành/**  **Lĩnh vực** | **Tên nguồn vốn**  (dự kiến) | **Cơ chế thực hiện** | **Nội dung khác (nếu cần)** |
| **Thời gian** | **Địa điểm** | **Người chịu trách nhiệm** | **Tổng số** | Dân góp | Ngân sách  *(đã rõ nguồn vốn)* | Đề xuất (*chưa rõ nguồn vốn)* |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

Mẫu biểu II.6.C: Biểu tổng hợp nhu cầu nguồn vốn thực hiện KH PT KT-XH cấp xã (trong đó có nguồn vốn từ CTMTQG)

**BIỂU TỔNG HỢP NHU CẦU NGUỒN VỐN THỰC HIỆN KH PT KT-XH CẤP XÃ (TRONG ĐÓ CÓ NGUỒN VỐN TỪ CTMTQG)**

**Xã**: ……………………….. **Năm kế hoạch (X+1)**: …………

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  |  |  |  |  |  |
| **STT** | **Hạng mục** | **Nhu cầu kinh phí dự kiến theo nguồn (Tr. đ)** | | | | **Ghi chú** |
| **Tổng số** | **Dân góp** | **Ngân sách** | **Đề xuất** |  |
| ((1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) |
| **I** | **Chi cho các hoạt động sự nghiệp/ thường xuyên của ban ngành/ đoàn thể xã** | **-** | **-** | **-** | **-** |  |
| **II** | **Đầu tư phát triển** | **-** | **-** | **-** |  |  |
| 1 | Đầu tư XDCB | - | - | - |  |  |
| 2 | Đầu tư phát triển khác | - | - | - |  |  |
| **III** | **Nhóm các hoạt động đã rõ nguồn vốn từ các chương trình mục tiêu, dự án khác** | **-** | **-** | **-** |  |  |
| 1 | Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững | ***-*** | ***-*** | ***-*** |  |  |
| 2 | Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng Nông thôn mới | - | - | - |  |  |
| 3 | Chương trình 167 | - | - | - |  |  |
| 4 | Nước sạch VSMT Nông thôn | - | - | - |  |  |
| 5 | Dự án ODA/NGO | - | - | - |  |  |
|  | … | - |  |  |  |  |
| **IV** | **Nhóm hoạt động chưa xác định được nguồn vốn** | **-** |  | **-** | **-** |  |
| **V** | **Các hoạt động được các tổ chức, cá nhân khác tài trợ, được người dân tự đóng góp thực hiện** | **-** |  | **-** |  |  |
|  | **Tổng nhu cầu tài chính năm kế hoạch (X+1)** | **-** | **-** | **-** | **-** |  |
|  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  | *Ngày …. tháng …. năm …..* | | |
| **Kế toán tài chính xã** | |  |  | **Chủ tịch UBND cấp xã** | | |

**Mẫu biểu II.7.A: Mẫu Dự thảo Kế hoạch thực hiện CTMTQG GNBV cấp xã**

ỦY BAN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

**XÃ ………………… Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CTMTQG GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG NĂM X VÀ KẾ HOẠCH THỰC HIỆN NĂM X+1**

**Phần I: Tình hình thực hiện CTMTQG GNBV năm báo cáo (năm X)**

**1. Khái quát về đặc điểm, tình hình phát triển kinh tế - xã hội của xã**

**2. Công tác chỉ đạo, điều hành, tổ chức triển khai Chương trình**

**3. Kết quả chung về thực hiện Chương trình:**

Dựa trên Biểu Thông tin chung về giám sát, đánh giá thực hiện CTMTQG GNBV ở cấp xã (tham khảo Thông tư Hướng dẫn quy trình kiểm tra và giám sát, đánh giá thực hiện CTMTQG GNBV giai đoạn 2016-2020 của Bộ LĐ-TB&XH), nêu các chỉ tiêu chính về kết quả và tác động chung thực hiện Chương trình trong năm X, kèm theo nhận xét tóm tắt.

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Chỉ tiêu | KH năm X | Thực hiện 6 tháng đầu năm X | Ước thực hiện cả năm X | TH/KH năm X  (%) |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |

**4. Tình hình thực hiện từng lĩnh vực/nội dung của Chương trình:**

***a. Cơ sở hạ tầng:***

* + - * + **Kết quả thực hiện**

Dựa trên Biểu thông tin giám sát về lĩnh vực cơ sở hạ tầng thực hiện CTMTQG GNBV ở cấp xã (tham khảo Thông tư Hướng dẫn quy trình kiểm tra và giám sát, đánh giá thực hiện CTMTQG GNBV giai đoạn 2016-2020 của Bộ LĐ-TB&XH), nêu các chỉ tiêu chính về đầu vào và đầu ra trong lĩnh vực cơ sở hạ tầng trong năm báo cáo, kèm theo nhận xét tóm tắt.

* + - * + **Thuận lợi và Khó khăn**

Đây là phần tổng hợp các thuận lợi và khó khăn trong **Mẫu biểu II.4.A** đã thực hiện từ bước tổng hợp trước đó. Chỉ cần chép lại hoặc sao chép (nếu sử dụng máy tính) từ biểu tổng hợp sang và trình bày dưới dạng lời văn hoàn chỉnh.

* + - * + **Nguyên nhân**

Đây là phần tổng hợp nguyên nhân trong **Mẫu biểu II.4.A** đã phân tích từ bước tổng hợp trước đó. Chỉ cần chép lại hoặc sao chép (nếu sử dụng máy tính) từ biểu tổng hợp sang và trình bày dưới dạng lời văn hoàn chỉnh.

***b. Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế:***

***c. Nhân rộng mô hình giảm nghèo:***

***d. Hỗ trợ lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài:***

***e. Truyền thông và giảm nghèo về thông tin:***

***f. Nâng cao năng lực cho cán bộ và cộng đồng:***

***g. Công tác lập kế hoạch thực hiện Chương trình:***

**5. Tình hình thực hiện các chính sách hỗ trợ giảm nghèo khác:** [nêu tóm tắt]

***a. Chính sách tín dụng ưu đãi***

***b. Hỗ trợ về y tế***

***c. Hỗ trợ về giáo dục***

***d. . Hỗ trợ người nghèo tiếp cận các dịch vụ trợ giúp pháp lý***

***e. Hỗ trợ về nhà ở***

***f. Hỗ trợ khuyến nông, khuyến công và phát triển ngành nghề, dịch vụ nông thôn***

***g. Chính sách hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo***

***h. Đào tạo nghề, tạo việc làm (bao gồm tạo việc làm có trả công trong xây dựng CSHT)***

***i.………..***

**Phần II. Kế hoạch thực hiện CTMTQG GNBV năm kế hoạch (năm X+1)**

**1. Dự báo tình hình**

Phần này sẽ đưa ra những nhận định, phân tích về những xu hướng thay đổi của điều kiện kinh tế, xã hội, văn hóa, môi trường, thời tiết, thị trường …vv trong thời gian tới có thể mang lại những điều kiện tích cực hoặc gây ra những ảnh hưởng tiêu cực đối với mục tiêu giảm nghèo, phát triển cộng đồng nói riêng và mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ môi trường của xã nói chung.

**2. Mục tiêu phát triển**

***a. Mục tiêu chung***

Phần này trình bày mục tiêu giảm nghèo. Mục tiêu này phản ảnh mong muốn tổng thể về tình hình giảm nghèo của xã khi kết thúc năm kế hoạch. Nên trình bày dưới dạng một vài câu cô đọng thể hiện được mục tiêu khi thực hiện bản Kế hoạch. *Ví dụ: Giảm tỷ lệ hộ nghèo. . . . %/năm (chỉ tiêu được giao theo Kế hoạch của huyện và Nghị quyết của Đảng ủy, Hội đồng nhân dân xã), tương đương ...... hộ.*

***b. Mục tiêu cụ thể***

Phần này nêu tóm tắt theo ngành, lĩnh vực chủ yếu của những mục tiêu đã xác định trong quá trình tổng hợp. Nên theo hướng bắt đầu từ các định hướng lớn về giảm nghèo đã nêu trong Kế hoạch phát triển Kinh tế - Xã hội 5 năm của xã, Nghị quyết của HĐND …vv nhằm tạo ra sự gắn kết chặt chẽ giữa kế hoạch CTMTQG GNBV hàng năm với các định hướng mang tính chất dài hạn hơn.

Đây là trạng thái mong đợi vào cuối năm kế hoạch của từng ngành, lĩnh vực và việc đạt được mục tiêu của mỗi ngành, lĩnh vực sẽ giúp đạt được mục tiêu giảm nghèo chung trên địa bàn xã.

Dựa trên Biểu Thông tin chung về giám sát, đánh giá thực hiện CTMTQG GNBV ở cấp xã (tham khảo **Thông tư** **Hướng dẫn quy trình kiểm tra và giám sát, đánh giá thực hiện CTMTQG GNBV giai đoạn 2016-2020 của Bộ LĐ-TB&XH)**, nêu các chỉ tiêu chính về kết quả và tác động chung cần đạt được trong năm X+1.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Chỉ tiêu** | **Đơn vị tính** | **KH năm X+1** |
|  |  |  |
|  |  |  |

***c. Nguyên tắc, Quan điểm chỉ đạo về giảm nghèo bền vững***

**3. Các nhiệm vụ và giải pháp chính**

Phần này nêu kết quả tổng hợp các giải pháp (biểu II.4.A). Khi trình bày giải pháp, cần lưu ý đưa các nguyên nhân, khó khăn không được lựa chọn trong quá trình tổng hợp và viết riêng thành nội dung Các rủi ro cần tính đến.

***a. Cơ sở hạ tầng:***

***b. Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế:***

***c. Nhân rộng mô hình giảm nghèo:***

***d. Hỗ trợ lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài:***

***e. Truyền thông và giảm nghèo về thông tin:***

***f. Nâng cao năng lực cho cán bộ và cộng đồng:***

***g. Công tác lập kế hoạch thực hiện Chương trình:***

**4. Khả năng huy động và cân đối các nguồn vốn thực hiện trong giai đoạn kế hoạch**

Phần này trình bày các nguồn vốn có thể huy động và cân đối trong năm lập kế hoạch dựa trên thông báo dự kiến phân bổ vốn thực hiện CTMTQG GNBV của UBND huyện, ngân sách địa phương, tài trợ của các CT-DA khác.

**5. Khung Kế hoạch**

***a. Các hoạt động đề xuất đã rõ nguồn vốn***

Phần này sẽ trình bày các hoạt động đã được lập kế hoạch, có phân bổ nguồn vốn từ các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình đầu tư của tỉnh, huyện, và những dự án đã khẳng định được nguồn lực (bao gồm cả phần đóng góp của dân). Đây là **Biểu II.6.A** trong bộ biểu tổng hợp của xã. Khi in bản thảo, cần bỏ trống trang này và bổ sung bằng bản in của biểu II.6.A có trong phần mềm tổng hợp kế hoạch xã.

***b. Các hoạt động đề xuất chưa rõ nguồn vốn***

Phần này bao gồm các hoạt động đề xuất chưa phân bổ được nguồn vốn hoặc chưa xác định được nguồn vốn để thực hiện, tuy nhiên đã có mức xếp loại ưu tiên. Đây là **Biểu II.6.B** trong bộ biểu tổng hợp của xã. Các hoạt động trong Mẫu biểu này là cơ sở để các cấp, các chương trình dự án, các bên liên quan khác xem xét điều chỉnh và cân đối vốn trong năm kế hoạch hoặc năm sau hoặc cũng là danh mục đầu tư sẵn sàng nếu trong năm kế hoạch, xã tìm kiếm, vận động được các nguồn vốn thực hiện.

**6. Giải pháp điều hành, tổ chức thực hiện, theo dõi giám sát CTMTQG GNBV**

Mô tả cách tổ chức thực hiện các hoạt động đã nêu trong khung kế hoạch, đó nêu bật được vai trò, trách nhiệm của các bên liên quan (các ban ngành, thôn bản, lãnh đạo xã). Phần này cần đưa ra khung cơ cấu tổ chức tổng thể để biết rõ trách nhiệm khâu nối thực hiện của từng đơn vị tham gia. Các nội dung cần xác định là:

* Ai tham gia vào thực hiện kế hoạch?
* Trách nhiệm: Hỗ trợ, điều phối, khâu nối thực hiện ra sao?
* Theo dõi và giám sát: Cần **xác định rõ cách thức giám sát đối với các chỉ tiêu chính về đầu vào, đầu ra, kết quả và tác động của Chương trình**. Phương pháp giám sát, cách thu thập số liệu, tần suất thu thập số liệu cho các biểu mẫu giám sát như thế nào? Những ai, ban ngành, đơn vị tham gia vào quá trình giám sát, trách nhiệm các bên liên quan trong giám sát (Tham khảo Thông tư Hướng dẫn quy trình kiểm tra và giám sát, đánh giá thực hiện CTMTQG GNBV giai đoạn 2016-2020 của Bộ LĐ-TB&XH).

**UBND CẤP XÃ …………………...**

**Mẫu biểu II.8. Số liệu cơ bản của Xã**

Xã: …………………… Năm hiện trạng: …………….

| **TT** | **CHỈ TIÊU** | **Đơn vị tính** | **Số liệu** |
| --- | --- | --- | --- |
|
| **I** | **Các chỉ tiêu thống kê cơ bản** |  |  |
| 1 | Đất nông nghiệp | ha |  |
| *1.1* | *- Đất trồng cây hàng năm* | *"* |  |
| *1.2* | *- Đất trồng cây lâu năm* | *"* |  |
| *1.3* | *- Đất nuôi trồng thuỷ sản* | *"* |  |
| *1.4* | *- Đất nông nghiệp khác* | *"* |  |
| 2 | Đất lâm nghiệp | " |  |
| 3 | Đất phi nông nghiệp | " |  |
| 4 | Đất chưa sử dụng | " |  |
| 5 | Tổng số nhân khẩu*[[13]](#footnote-14)* | người |  |
| *5.1* | *- Dân tộc Kinh* | " |  |
| *5.2* | *- Dân tộc Tày* | " |  |
| *5.3* | *- Dân tộc Mông* | " |  |
| *5.4* | *- …* | " |  |
| 6 | Tổng số hộ | hộ |  |
| *6.1* | *- Hộ dân tộc Kinh* | " |  |
| *6.2* | *- Hộ dân tộc Tày* | " |  |
| *6.3* | *- Hộ dân tộc Mông* | " |  |
| *6.4* | *- …* | " |  |
| 7 | Số hộ nghèo | hộ |  |
| *7.1* | *Số hộ nghèo dân tộc thiểu số* | " |  |
| 8 | Số hộ cận nghèo | hộ |  |
| *8.1* | *Số hộ cận nghèo dân tộc thiểu số* | " |  |
| 9 | Số khẩu trong độ tuổi lao động  Trong đó: + Nam  + Nữ | người  người  người |  |
| *9.1* | *Số lao động chưa có việc làm*  Trong đó: + Nam  + Nữ | *người*  *người*  *người* |  |
| 10 | Số hộ có hoạt động nông, lâm, ngư nghiệp | hộ |  |
| 11 | Số hộ có sản xuất tiểu thủ công nghiệp | " |  |
| 12 | Số hộ có hoạt động kinh doanh thương mại, dịch vụ | " |  |
| 13 | Diện tích gieo trồng cây hàng năm[[14]](#footnote-15) | ha |  |
| *13.1* | *- Lúa đông xuân* | *ha* |  |
| *132* | *- Lúa hè thu* |  |  |
| *13.3* | *- Ngô* | " |  |
| *13.4* | *- Sắn* | " |  |
| *13.5* | *-...* |  |  |
| 14 | Diện tích gieo trồng cây lâu năm | ha |  |
| *14.1* | *- Cây cà phê* | " |  |
| *14.2* | *- Cây chè* | " |  |
| *14.3* | *...* |  |  |
| 15 | Diện tích rừng trồng | ha |  |
| 16 | Chăn nuôi |  |  |
| *16.1* | *Diện tích nuôi trồng thuỷ sản* | *ha* |  |
| *16.2* | *Số lượng gia súc* | *con* |  |
| *16.3* | *Số lượng lợn* | *con* |  |
| *16.4* | *…* | *con* |  |
| **II** | **Các chỉ tiêu kế hoạch**[[15]](#footnote-16) |  |  |
| 1 | Tỷ lệ cứng hóa đường giao thông | % |  |
| 2 | Tỷ lệ đáp ứng cho diện tích có nhu cầu tưới | % |  |
| 3 | Tỷ lệ hộ sử dụng điện | % |  |
| 4 | Tỷ lệ thôn sử dụng mạng lưới điện quốc gia | % |  |
| 5 | Tỷ lệ hộ sử dụng nước hợp vệ sinh | % |  |
| 6 | Tỷ lê trường học đạt chuẩn | % |  |
| 7 | Tỷ lệ thu gom rác thải ở nông thôn | % |  |
| 8 | Sản lượng lương thực có hạt | tấn |  |
| 9 | Trồng mới cây công nghiệp dài ngày | ha |  |
| 10 | Trồng mới rừng tập trung | ha |  |
| 11 | Tỷ lệ che phủ rừng | % |  |
| 12 | Sản lượng thuỷ, hải sản | tấn |  |
| 13 | Tạo việc làm mới trong năm  Trong đó: + Nam  + Nữ | người  người  người |  |
| 14 | Số lao động được đào tạo nghề  Trong đó: + Nam  + Nữ | người  người  người |  |
| 15 | Tốc độ tăng dân số tự nhiên | % |  |
| 16 | Giảm tỷ lệ hộ nghèo (có danh sách cụ thể kèm theo) | % |  |
| 17 | Giảm tỷ lệ hộ nghèo dân tộc thiểu số (có danh sách cụ thể kèm theo) | % |  |
| 18 | Giảm tỷ lệ hộ cận nghèo (có danh sách cụ thể kèm theo) | % |  |
| 19 | Giảm tỷ lệ hộ cận nghèo dân tộc thiểu số (có danh sách cụ thể kèm theo) | % |  |
| 20 | Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng | % |  |
| 21 | Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế | % |  |
| 22 | Tỷ lệ gia đình văn hóa | % |  |
| 23 | Tỷ lệ thôn văn hóa | % |  |
| 24 | Tỷ lệ trẻ em từ 3-5 tuổi đến lớp | % |  |
| 25 | Tỷ lệ trẻ em trong độ tuổi tiểu học đến trường | % |  |
| 26 | Tỷ lệ trẻ em trong độ tuổi trung học cơ sở đến trường | % |  |
| 27 | Tỷ lệ cán bộ, công chức xã, trưởng thôn và đoàn thể được qua tập huấn[[16]](#footnote-17) | % |  |
| 28 | Đạt tiêu chí Nông thôn mới | Số tiêu chí |  |
| 29 | Tổng thu ngân sách trên địa bàn | Triệu đồng |  |

**Mẫu biểu II.9: Biên bản hội nghị LKH** **cấp xã**

**BIÊN BẢN HỘI NGHỊ LẬP KẾ HOẠCH CẤP XÃ**

**I. Kết quả tổng hợp ý kiến từ các ban, ngành, đoàn thể và đại diện các thôn về đánh giá thực trạng tình hình thực hiện kế hoạch trong năm báo cáo (năm X) trên địa bàn xã**

**II. Tổng hợp ý kiến thảo luận về các hoạt động đề xuất trong năm kế hoạch (năm X+1):**

**III. Những ý kiến chưa thống nhất cần tiếp tục nghiên cứu:**

**IV. Kết luận chung của hội nghị:**

Xã .......... ngày ........ tháng ........ năm …

**Thư ký hội nghị Chủ trì Hội nghị**

Mẫu biểu II.10: Mẫu phiếu phản hồi bản Kế hoạch cấp xã với cộng đồng và các bên liên quan

**UỶ BAN NHÂN DÂN CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**XÃ………………**  Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số /KH-UBN …….,Ngày…..tháng….năm……

V/v Phản hồi ý kiến cộng đồng

về kế hoạch xã năm X+1

**PHẢN HỒI KẾ HOẠCH XÃ………**

**Kính gửi: ……**

Sau khi xem xét các ý kiến đóng góp, đề xuất của cộng đồng và các bên liên quan cho bản Kế hoạch xã…….năm X+1 nhằm phát triển KT-XH, xây dựng Nông thôn mới và Giảm nghèo bền vững, UBND cấp xã xin phản hồi lại ý kiến của cộng đồng và các bên liên quan như sau:

**A. Các vấn đề UBND cấp xã tiếp thu và đưa vào Kế hoạch năm X+1 của xã:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TT** | **Khó khăn** | **Giải pháp/Hoạt động** |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |

**B. Những vấn đề mà UBND chưa tiếp thu và xin bảo lưu ý kiến của mình để tiếp tục nghiên cứu:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Khó khăn** | **Giải pháp/Hoạt động** | **Kết luận của**  **UBND cấp xã** | **Lý do UBND cấp xã bảo lưu** |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |

Đề nghị Trưởng cơ quan, đơn vị, Trưởng thôn có trách nhiệm thông báo nội dung công văn phản hồi này đến người dân trong vòng 10 ngày kể từ ngày nhận được công văn.

**Nơi nhận: CHỦ TỊCH**

- Như trên;

- Đảng uỷ xã;

- CT, PCT UBND cấp xã;

- Các thành viên Tổ công tác;

- Lưu: VP; VT ( ).

**BIỂU III.1: Phiếu thông tin định hướng LKH từ cấp huyện**

**Xã**: ……………………..

**1. Các chủ trương phát triển KT-XH, thực hiện CTMTQG của huyện trong năm X+1 (liên quan đến xã):**

.....................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**2. Các Chương trình, dự án, nguồn vốn tài chính dự kiến để phát triển KT-XH và thực hiện CTMTQG trên địa bàn xã (gồm chi thường xuyên và chi đầu tư) trong năm X+1:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Nguồn vốn** | **Nội dung/hạng mục** | **Kinh phí dự kiến phân bổ cho xã năm X+1 (tr.đồng)** |
| 1 | 2 | 3 |
| - Chi thường xuyên |  |  |
| - Chương trình Giảm nghèo bền vững | Vốn đầu tư phát triển:  ……………………………………………………………………………………………… |  |
| Vốn sự nghiệp:  ……………………………………………………………………………………………… |  |
| - Chương trình Nông thôn mới | Vốn đầu tư phát triển:  ……………………………………………………………………………………………… |  |
| Vốn sự nghiệp:  ……………………………………………………………………………………………… |  |
| - Chương trình đầu tư của tỉnh |  |  |
| - Chương trình đầu tư của huyện |  |  |
| - Dự án ODA, NGO |  |  |
| - … |  |  |
|  |  |

.........., ngày..... tháng ...... năm ……

**Trưởng phòng TC-KH huyện**

***Ghi chú****: Kinh phí dự kiến phân bổ năm X+1 cho chi thường xuyên và chi đầu tư trên địa bàn xã dựa trên các thông tin cấp huyện có thể dự báo ở thời điểm lập kế hoạch, ví dụ dựa trên số liệu năm trước, thời kỳ ổn định ngân sách (tăng tối đa 10% so với năm X), kế hoạch đầu tư công trung hạn, chương trình đầu tư của tỉnh/huyện, định mức ngân sách và tiêu chí phân bổ của các CTMTQG NTM và GNBV, các dự án ODA và NGO, vốn vay, vốn Trái phiếu Chính phủ…v.v*

**BIỂU IV.1: Phiếu thông tin định hướng LKH CTMTQG từ cấp tỉnh**

**Huyện**: ……………………..

**1. Các chủ trương thực hiện CTMTQG, gắn với phát triển KT-XH của tỉnh trong năm X+1 (liên quan đến huyện):**

....................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**2. Các Chương trình, dự án, nguồn vốn tài chính dự kiến để thực hiện CTMTQG gắn với phát triển KT-XH trên địa bàn huyện (gồm chi thường xuyên và chi đầu tư) trong năm X+1:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Nguồn vốn** | **Nội dung/hạng mục** | **Kinh phí dự kiến phân bổ cho huyện năm X+1 (tr.đồng)** |
| 1 | 2 | 3 |
| - Chi thường xuyên |  |  |
| - Chương trình Giảm nghèo bền vững | Vốn đầu tư phát triển:  …………………………………………………………………………………… |  |
| Vốn sự nghiệp:  …………………………………………………………………………………… |  |
| - Chương trình Nông thôn mới | Vốn đầu tư phát triển:  …………………………………………………………………………………… |  |
| Vốn sự nghiệp:  …………………………………………………………………………………… |  |
| - Chương trình đầu tư của tỉnh |  |  |
| - Dự án ODA, NGO |  |  |
| - … |  |  |
|  |  |

.........., ngày..... tháng ...... năm ……

**Sở chủ quản CTMTQG**

***Ghi chú****: Kinh phí dự kiến phân bổ năm X+1 cho chi thường xuyên và chi đầu tư trên địa bàn huyện dựa trên các thông tin cấp tỉnh có thể dự báo ở thời điểm lập kế hoạch, ví dụ dựa trên số liệu năm trước, thời kỳ ổn định ngân sách (tăng tối đa 10% so với năm X), kế hoạch đầu tư công trung hạn, chương trình đầu tư của tỉnh, định mức ngân sách và tiêu chí phân bổ của các CTMTQG NTM và GNBV, các dự án ODA và NGO, vốn vay, vốn Trái phiếu Chính phủ…v.v*

# PHẦN III: MỘT SỐ GỢI Ý VỀ CÁCH LÀM

## 3.1. Công tác chuẩn bị

**a. Thành lập TCT LKH các cấp**:

* TCT LKH tại mỗi cấp tỉnh, huyện, xã, thôn đều có vai trò và nhiệm vụ quan trọng để hỗ trợ quá trình LKH thực hiện CTMTQG theo phương pháp có sự tham gia gắn với LKH PT KT-XH cấp xã hàng năm (xem Bảng 1).

**Bảng 1: Tóm tắt vai trò và nhiệm vụ của TCT LKH các cấp**

| **STT** | **Cấp** | **Vai trò và nhiệm vụ** |
| --- | --- | --- |
| 1 | Tổ công tác lập kế hoạch cấp tỉnh (do UBND cấp tỉnh/Sở KH-ĐT thành lập) | - Tập huấn phương pháp LKH PT KT-XH trong đó có lồng ghép LKH thực hiện CTMTQG cho cấp huyện và xã  - Hỗ trợ và giám sát TCT LKH huyện và xã trong quá trình thực hiện  - Tổng kết quá trình LKH để sửa đổi qui trình; tham mưu cho UBND cấp tỉnh ban hành các cơ chế, chính sách hỗ trợ LKH  - Tổng hợp KH thực hiện CTMTQG cấp tỉnh |
| 2 | Tổ công tác lập kế hoạch cấp huyện (do UBND cấp huyện thành lập) | - Tập huấn cho TCT LKH cấp xã;  - Cung cấp thông tin định hướng phát triển cho cấp xã  - Giám sát và hỗ trợ các xã trong quá trình LKH  - Tổng hợp KH thực hiện CTMTQG cấp huyện  - Phản hồi nội dung kế hoạch cho cấp xã. |
| 3 | Tổ công tác lập kế hoạch cấp xã (BQL các CTMTQG cấp xã và thành phần bổ sung) | - Lên lịch công tác, phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên TCT LKH cấp xã  - Hỗ trợ TCT LKH cấp thôn và các ban ngành, đơn vị trong xã để xác định nhu cầu  - Tổng hợp thông tin; Rà soát tính khả thi, cân đối nguồn lực của các hoạt động đề xuất  - Xây dựng dự thảo kế hoạch  - Tổ chức các hoạt động phản hồi kế hoạch CTMTQG. |
| 4 | Tổ công tác lập kế hoạch cấp thôn (BPT thôn và thành phần bổ sung) | - Thông tin về công tác LKH cho người dân  - Khảo sát đời sống, kinh tế hộ gia đình trong thôn  - Thúc đẩy thảo luận với nhóm người nghèo  - Họp trù bị để tổng hợp các khó khăn, nguyên nhân, giải pháp và hoạt động đề xuất của thôn  - Tổ chức họp thôn để người dân tham gia ý kiến, thống nhất về đề xuất các hoạt động ưu tiên, các biện pháp phát huy nội lực cộng đồng; phản hồi cho người dân về nội dung kế hoạch; tổ chức thực hiện kế hoạch. |

**b. Đánh giá quá trình LKH năm trước:**

* Thông tin đánh giá quá trình LKH thực hiện CTMTQG và LKH PT KT-XH cấp xã (**Phiếu II.1**) là căn cứ để cấp xã, huyện và tỉnh đánh giá quá trình LKH tại địa phương mình.
* TCT LKH cấp huyện, tỉnh nên thu thập và tổng hợp thông tin từ các Phiếu II.1 của các xã; đồng thời tổ chức các chuyến đánh giá thực tế tại một số xã đại diện (xã khá/xã nghèo; xã đông người Kinh/xã đông đồng bào DTTS…) trong huyện, tỉnh để có cơ sở xây dựng báo cáo đánh giá quá trình LKH theo phương pháp có sự tham gia, tổ chức hội nghị, hội thảo hàng năm về LKH nhằm rút kinh nghiệm cho kỳ LKH năm tới.

**c. Tổ chức cuộc họp triển khai thu thập thông tin ở cấp xã**:

* Nếu điều kiện cho phép, nên mời 2 đại biểu từ mỗi thôn (ví dụ: trưởng thôn và phó thôn) tham dự cuộc họp triển khai thu thập thông tin, để đảm bảo luôn có người hiểu biết về lập kế hoạch hỗ trợ lẫn nhau, có thể làm thay khi người kia vắng mặt trong quá trình thu thập thông tin ở thôn.
* TCT LKH cấp xã cần hướng dẫn kỹ về các bước thực hiện, cách điền biểu mẫu cho các thành viên mới tham gia lập kế hoạch lần đầu tiên (do thuyên chuyển, thay đổi cán bộ). Giải thích, làm bài tập mẫu theo cách cầm tay chỉ việc để giúp các thành viên phân biệt được và hiểu rõ cách điền các “khó khăn”, “nguyên nhân”, “giải pháp” và “hoạt động” theo từng lĩnh vực hướng tới giảm nghèo bền vững trong biểu thu thập thông tin kế hoạch **I.2 và II.3.**

## 3.2. Cách thu thập thông tin

**a. Thu thập thông tin định hướng từ cấp huyện**:

* Phòng TC-KH chủ trì, phối hợp với phòng LĐ-TNXH, NN-PTNT và các phòng ban liên quan ở cấp huyện tham khảo các định mức hỗ trợ, tiêu chí phân bổ vốn trong các CTMTQG (GNBV và xây dựng NTM), chương trình đầu tư công, các CT-DA khác để thông báo cho các xã về nguồn vốn dự kiến phân bổ, giao cho xã quản lý trong năm tới (X+1). Thực tế, một số nguồn vốn như Chương trình 135 đã có định mức hỗ trợ ổn định hàng năm cho cấp xã.
* Nếu các thông tin nguồn vốn, định mức hỗ trợ không có sẵn thì phòng TC-KH và các phòng ban cấp huyện có thể dựa trên số liệu của năm hiện tại để thông báo mức dự kiến năm tới cho các xã. Trong thực tế, NSNN phân bổ cho năm sau thường bằng hoặc cao hơn khoảng 10% năm trước.
* Cũng theo nguyên tắc này, các xã có thể căn cứ vào nguồn vốn, mức chỉ tiêu được giao từ các năm trước để dự báo sơ bộ cho năm tới.

**b. Cách điền các Biểu thông tin của các thôn và các ban ngành, đoàn thể, đơn vị cấp xã (Biểu I.2 và II.3)**:

* **Cách xác định Khó khăn:**
  + - **Khó khăn** là tình trạng, điều kiện hoặc sự kiện diễn ra trên địa bàn gây ra những trở ngại, hạn chế, hoặc là tiềm năng, thế mạnh chưa được khai thác đối với công tác giảm nghèo, phát triển cộng đồng và phát triển KT-XH tại địa phương.
    - Tránh nêu những khó khăn không cụ thể hoặc quá trừu tượng. Cách tốt nhất để nêu được khó khăn là diễn tả dưới dạng câu đầy đủ và gắn kết với một địa bàn, lĩnh vực, công trình, sự kiện hoặc hành động cụ thể và kèm theo mức độ, bản chất tiêu cực của khó khăn. Ví dụ:

+ Đường sá trong thôn/ tại địa phương xuống cấp trầm trọng;

+ Kênh mương nội đồng tại các cánh đồng trong xã/ thôn bị hỏng, không dẫn được nước.

* **Cách xác định Nguyên nhân:**
  + - Nguyên nhân là lý do gây ra khó khăn. Từ khó khăn đã xác định, tìm ra **các** nguyên nhân của nó. Ứng với mỗi khó khăn, cần đặt các câu hỏi “tại sao” để tìm ra nguyên nhân của khó khăn đó. Ví dụ:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Khó khăn** | **Quan hệ** | **Nguyên nhân** |
| **Khó khăn 1:** Sản phẩm, hàng hóa nông nghiệp trong thôn/xã ứ đọng, không bán được ra chợ trung tâm. | Vì | + Đường giao thông trong thôn/xã xuống cấp, không thể đi lại vào mùa mưa;  + Không có thương lái thu mua hàng hóa đến địa bàn xã |
| **Khó khăn 2:** Đường giao thông trong thôn/xã xuống cấp, không thể đi lại vào mùa mưa. | Vì | + Hoạt động duy tu bảo dưỡng đường giao thông trong địa bàn không được duy trì thường xuyên;  + Người dân không có ý thức bảo vệ hành lang thoát nước đường giao thông tại địa bàn |
| **Khó khăn 3:** Hoạt động duy tu bảo dưỡng đường giao thông trong thôn/xã không được duy trì thường xuyên. | Vì | + Chưa có người tổ chức huy động nhân dân tham gia các hoạt động duy tu định kỳ;  + Chưa xây dựng được Quỹ Duy tu, bảo dưỡng đường giao thông trên địa bàn xã. |

Chỉ nên lựa chọn xem xét những nguyên nhân nằm trong khả năng kiểm soát của đơn vị/ xã. Những nguyên nhân không thể giải quyết thì ghi nhận để đưa vào phần đề xuất hỗ trợ lên cấp trên.

* **Cách xác định Giải pháp:**
  + - Căn cứ vào các nguyên nhân đã xác định ở trên, ứng với mỗi nguyên nhân, đặt các câu hỏi để tìm ra các giải pháp khắc phục nguyên nhân đó.
    - Chỉ khi các bên cùng tư duy triệt để về giải pháp rõ ràng, cụ thể thì mới làm tăng được tính khả thi của đề xuất kế hoạch.
* **Cách xác định Hoạt động:**
  + - Hoạt động là sự cụ thể hóa của giải pháp đã nêu ở trên. Đối tượng của hoạt động có thể là một công trình, một mô hình, một dự án bao gồm nhiều hoạt động nhỏ đi kèm…
    - Người dân thường có tâm lý ưu tiên các hoạt động xây dựng công trình CSHT đòi hỏi vốn lớn. Nhiều công trình được đề xuất có tính khả thi thấp do thiếu nguồn vốn. Do đó, TCT LKH cấp thôn (với sự hỗ trợ của đại diện TCT LKH cấp xã) cần **thúc đẩy người dân thảo luận, xếp ưu tiên các hoạt động “mềm”** dễ thực hiện hơn, dễ bố trí nguồn vốn hơn và có thể đem lại hiệu quả cao. Ví dụ: các lớp tập huấn, lớp đào tạo nghề, giới thiệu giống mới chịu hạn, các biện pháp phòng trừ sâu bệnh…
    - Khi thảo luận cần quan tâm đến **các hoạt động không cần nguồn vốn bên ngoài**. Trong thực tế có nhiều hoạt động mà các đoàn thể, đơn vị và người dân ở các thôn có thể tự tổ chức thực hiện nhằm phát huy nội lực cộng đồng (nhưng không quá sức dân) mà không cần đề xuất thêm nguồn kinh phí hỗ trợ từ bên ngoài. Chẳng hạn: tuyên truyền, vận động, đóng góp công lao động, sử dụng nguyên vật liệu có sẵn tại địa phương, sử dụng quỹ tự huy động của thôn và các đoàn thể, đơn vị…vv.
    - Cụ thể hóa các hoạt động được lựa chọn theo các nội dung dưới đây:

+ Quy mô hoạt động: Xác định cụ thể số lượng, khối lượng, đơn vị tính của hoạt động, ghi vào cột **Đơn vị tính** và **Số lượng**;

+ Thời gian thực hiện: Thời gian nào trong năm dự kiến sẽ thực hiện, ghi vào cột **Thời gian**;

+ Địa điểm tiến hành: Dự kiến tổ chức hoạt động ở đâu, ghi vào cột **Địa điểm**;

+ Trách nhiệm tổ chức thực hiện: Ai là người đứng ra chỉ đạo tổ chức thực hiện hoạt động, ghi vào cột **Trách nhiệm**;

+ Dự tính về **Nguồn lực**: Cần bao nhiêu tiền để thực hiện mỗi hoạt động, người dân đóng góp bao nhiêu (công lao động, vật liệu địa phương như tre nứa cát sỏi… qui ra tiền) ghi vào cột **Dân góp**, cần hỗ trợ từ bên ngoài bao nhiêu ghi vào cột **Cần hỗ trợ**.

+ Trường hợp không dự tính được nguồn lực, cần mô tả hoạt động cụ thể, ước lượng tỷ lệ phần trăm dân góp để TCT LKH cấp xã hỗ trợ dự tính nguồn lực ở bước sau.

+ Nếu xác định được **nguồn vốn bên ngoài** dự kiến cần ghi rõ tên nguồn vào cột **Ghi chú** (chẳng hạn: Chương trình Nông thôn mới, Chương trình Giảm nghèo bền vững, các dự án ODA, NGO)**.**

+ Xác định **cách thực hiện** (công trình nhỏ và đơn giản người dân có thể tự tổ chức thi công hay không; dự án hỗ trợ phát triển sản xuất có thực hiện theo phương thức thu hồi, quay vòng vốn trong cộng đồng hay không…) và ghi rõ vào cột **Ghi chú.**

* + - **Xếp ưu tiên các hoạt động cần hỗ trợ nguồn vốn từ bên ngoài**. Lựa chọn tối đa 5 hoạt động đề xuất trong mỗi nhóm lĩnh vực, xếp theo thứ tự ưu tiên từ cao xuống thấp (tham khảo cách xếp ưu tiên các hoạt động ở bước 3 dưới đây).
    - Với những hoạt động có mức ưu tiên ngang nhau, thì ưu tiên hơn cho hoạt động đáp ứng nhu cầu của phụ nữ, có nhiều phụ nữ nghèo hưởng lợi, tạo nhiều việc làm công.
    - ***Lưu ý****: các hoạt động không cần nguồn vốn hỗ trợ từ bên ngoài (hoàn toàn do người dân và cộng đồng tự đóng góp, tự thực hiện) thì không cần xếp ưu tiên.*

Ví dụ điền đầy đủ các Biểu I.2 và II.3 ở Bảng 2 sau.

**Bảng 2. Ví dụ về cách điển Bảng Thuận lợi, Khó khăn, Nguyên nhân, Giải pháp và Đề xuất hoạt động (Biểu I.2 và II.3)**

Năm kế hoạch (X+1):……… Thôn: ……………….

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Ngành/ Lĩnh vực:** | ***Nông nghiệp (Trồng trọt & Thủy lợi)*** | | | | | | | | |
| ***Thuận lợi*** | *Công tác tuyên truyền, phổ biến kiến thức về giải pháp canh tác trên đất dốc được tổ chức tốt, người dân đánh giá cao* | | | | | | | | |
| *Người dân tích cực hưởng ứng các biện pháp kiểm soát dịch bệnh trên cây ngô vụ Đông* | | | | | | | | |
| ***Khó khăn*** | ***Nguyên nhân*** | | | | ***Giải pháp*** | | | | |
| *Người dân trong thôn sử dụng giống lúa tạp, năng suất thấp* | *- Người dân thiếu kiến thức kỹ thuật, chưa được hướng dẫn về canh tác giống lúa mới* | | | | *- Tổ chức tập huấn kỹ thuật canh tác giống mới* | | | | |
| *- Khuyến nông xã hỗ trợ xây dựng mô hình chuyên canh 1 giống lúa năng suất cao trên một cánh đồng* | | | | |
| *Thiếu phân bón và nước tưới phục vụ canh tác tại Khu giữa* | *- Phân chuồng từ sản xuất chăn nuôi chưa đủ đáp ứng nhu cầu trồng trọt* | | | | *- Vận động nhân dân trong thôn vay vốn phát triển chăn nuôi lợn, trâu bò và thực hiện các biện pháp tạo nguồn phân chuồng* | | | | |
|  | *- Không vay được vốn ngân hàng để đầu tư mua phân bón hóa học, vi sinh* | | | | *- Đề nghị cấp trên đảm bảo tín chấp, hỗ trợ người dân vay vốn của các ngân hàng tại xã và huyện* | | | | |
| *- Mương thủy lợi thô sơ, xuống cấp* | | | | *- Vận động nhân dân tham gia tu sửa mương tại Khu giữa* | | | | |
| *- Xã D trên đầu nguồn làm đập ngăn nước nên mùa khô không còn nước tưới cho hạ lưu* | | | | *- Lãnh đạo xã bàn bạc với xã D để chia sẻ nguồn nước sử dụng trong mùa khô, tránh mất nước tưới cho các cánh đồng trong xã.* | | | | |
| **Hoạt động** | **ĐVT** | **Số lượng** | **Thời gian** | **Địa điểm** | **Trách nhiệm** | **Nguồn lực (1.000 đồng)** | | | **Ghi chú** |
| ***Tổng số*** | ***Dân góp*** | ***Cần hỗ trợ*** |
| **Hoạt động Không cần nguồn vốn bên ngoài** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| *Nạo vét mương thủy lợi tại Khu giữa* | *m* | *2000* | *Q.II/ 2017* | *Khu giữa* | *Trưởng thôn* | *6.000* | *6.000* | *0* | *Dân góp công, tự làm* |
| *Tổ chức họp bàn về chế độ khai thác và chia sẻ nguồn nước giữa 2 xã* | *Buổi* | *1* | *T.2/2017* | *Xã D* | *Lãnh đạo xã* | *0* | *0* | *0* | *Không sử dụng kinh phí* |
| **Hoạt động Cần nguồn vốn bên ngoài** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| *Sửa chữa đập tạm tại Khu giữa* | *m* | *15* | *Q.II/ 2017* | *Khu giữa* | *Lãnh đạo xã*  *Trưởng thôn*  *CB thủy lợi* | *15.000* | *2.000* | *13.000* | *CT Nông thôn mới*  *Dân góp công và tự thi công, xã hỗ trợ kỹ thuật* |
| *Hỗ trợ giống lúa mới có năng suất cao, chịu hạn, chịu sâu bệnh tốt* | *kg* | *560* | *Q.II/ 2017* | *Tại thôn* | *KNV xã*  *Trưởng thôn* | *10.000* | *5.000* | *5.000* | *Nhà nước trợ giá 50% giá giống lúa mới* |
| *Mở lớp tập huấn kỹ thuật trồng lúa giống mới* | *lớp* | *1* | *Q.I/2017* | *Tại thôn* | *KNV xã*  *Trưởng thôn* | *2.000* | *0* | *2.000* | *CT Giảm nghèo*  *Trạm KN hỗ trợ g/viên* |

* **Lưu ý:**

\* Nhiều trường hợp trong thực tế, việc thảo luận với người dân để điền các Biểu I.2 được thực hiện “ngược”, tức là xác định Hoạt động trước, rồi sau đó mới xác định Giải pháp, Nguyên nhân và Khó khăn.

\* Lý do là người dân và nhóm nòng cốt ở thôn bản không biết phân tích, phát biểu theo đúng logic Khó khăn - Nguyên nhân – Giải pháp – Hoạt động. Họ chỉ đơn giản là muốn đề xuất một số hoạt động (công trình, dự án) cụ thể “đề nghị Nhà nước hỗ trợ”.

\* Trong trường hợp này, cán bộ thúc đẩy (đại diện TCT LKH cấp xã, Tổ trưởng TCT LKH cấp thôn) cần đặt các câu hỏi “Tại sao?” và “Như thế nào?” để làm rõ căn cứ của hoạt động đề xuất, đồng thời qua đó thúc đẩy người dân đề xuất thêm các hoạt động không cần nguồn vốn bên ngoài.

\* Ví dụ:

+ Người dân (ND): Đề nghị Nhà nước làm cho cây cầu qua suối trên đường vào rãy *(🡪 Hoạt động cụ thể: Cần nguồn vốn bên ngoài)*

+ Thúc đẩy viên (TĐV): Tại sao bà con lại muốn làm cây cầu đó?

+ ND: Vì trời mưa xe không qua suối được, thu hoạch xong không vận chuyển ngô từ rãy về nhà được *(🡪 Nguyên nhân)*

+ TĐV: Nếu không chuyển được ngô về nhà thì bà con làm thế nào?

+ ND: Thì phải bán cho thương lái ngay tại rãy, giá thấp hơn 1000 đồng/kg so với bán tại nhà *(🡪 Khó khăn)*

+ TĐV: Ngoài việc làm cầu qua suối, cần làm gì nữa để dễ vận chuyển ngô vào mùa mưa? *(🡪 Giải pháp)*

+ ND: Thì phải huy động bà con đi cuốc đất, san sửa đường vào rãy *(🡪 Hoạt động cụ thể: Không cần nguồn vốn bên ngoài)*.

## 3.3. Cách tổng hợp thông tin

**a. Trình tự tổng hợp thông tin:**

* Tổ trưởng TCT LKH cấp xã chia các thành viên TCT thành 3 nhóm tổng hợp (nhóm CSHT, nhóm Kinh tế và tổ chức sản xuất, nhóm Văn hóa – Xã hội – Môi trường), phân công trưởng nhóm và thư ký.
* Chia bộ biểu thông tin từ các ban ngành, đơn vị xã (Mẫu biểu II.3) thành ba nhóm như trên.
* Nên phô tô biểu của các thôn (Mẫu biểu I.2) làm 3 bộ và chia cho 3 nhóm thảo luận. Trường hợp không phô tô được thì chỉ giao cho các nhóm sau khi họ đã hoàn tất nội dung tổng hợp thông tin từ ban ngành xã, sau đó luân chuyển cho các nhóm khác.
* Nguyên tắc tổng hợp:

+ Lấy Mẫu biểu II.3 (biểu do các ban ngành, đơn vị cung cấp) làm trung tâm, tiến hành tổng hợp trước. Sau đó, bổ sung thông tin từ thôn (Mẫu biểu I.2). Với những thông tin đã được đề cập thì bỏ qua, chưa được đề cập thì bổ sung và ghi chú tên thôn bản đó trong ngoặc đơn.

+ Để đảm bảo có thông tin chính xác, trong quá trình tổng hợp, đại diện các thôn và ban ngành, đơn vị cấp xã cần giải trình cụ thể nếu có yêu cầu.

+ Khi tổng hợp, với một số nội dung được nêu không rõ ý, TCT LKH cấp xã có thể viết lại cho dễ hiểu hơn nhưng không được làm sai ý nghĩa của phát biểu ban đầu.

+ Với các nội dung mà ban ngành, đơn vị cấp xã và các thôn chưa dự tính được nguồn lực, TCT LKH cấp xã giúp dự tính nguồn lực và điền vào biểu; tham khảo phần viết mô tả hoạt động, ghi chú để dự tính phần dân góp, phần cần hỗ trợ…

+ Cần ghi tên lĩnh vực vào phiếu tổng hợp; nhóm các nội dung của cùng lĩnh vực thì tổng hợp vào cùng một trang, nếu thiếu chỗ thì viết vào trang tiếp theo và đánh số trang (chẳng hạn lĩnh vực Chăn nuôi có 3 trang thì cách ghi số trang là: Chăn nuôi 1, Chăn nuôi 2, Chăn nuôi 3).

* Trình tự thực hiện:

+ Tổng hợp Khó khăn & Nguyên nhân: Các nhóm liệt kê, phân tích, thảo luận và chỉnh sửa cách phát biểu các khó khăn và nguyên nhân tương ứng trong Mẫu biểu II.3 thuộc từng lĩnh vực. Nhóm các khó khăn giống nhau, ghi vào cột Khó khăn, các nguyên nhân tương ứng của khó khăn ghi vào cột Nguyên nhân của Mẫu biểu II.4.A. Khi tổng hợp xong từng khó khăn và các nguyên nhân tương ứng từ Mẫu biểu II.3, bổ sung các khó khăn từ Mẫu biểu I.2 theo nguyên tắc đã nói ở trên.

+ Xác định Mục tiêu: Căn cứ vào các khó khăn và nguyên nhân đã chỉ ra, nhóm tổng hợp xác định mục tiêu cần đạt được, gắn với việc thực hiện các mục tiêu của CTMTQG, đồng thời gắn với mục tiêu phát triển kinh tế-xã hội nói chung. Ghi lại mục tiêu vừa xác định vào cột Mục tiêu trong Mẫu biểu II.4.A.

+ Tổng hợp giải pháp: Nhóm công tác tổng hợp giải pháp cụ thể do ban ngành, đơn vị cấp xã và các thôn đề xuất theo nguyên tắc đã nói ở trên và ghi vào cột Giải pháp.

+ Tổng hợp hoạt động đề xuất: Cách thức tổng hợp như mục c dưới đây.

**b. Cách xây dựng mục tiêu từ khó khăn**: (Biểu II.4.A)

* Mục tiêu là mặt tích cực của tình trạng mong muốn trong tương lai, mà địa phương cần đạt được trong năm kế hoạch sắp tới. **Xác định rõ mục tiêu để tránh tình trạng các hoạt động nhỏ lẻ, manh mún; không rõ hoạt động đó nhằm giúp thay đổi hiện trạng gì, khắc phục khó khăn gì hướng đến giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương.**
* Hiểu đơn giản, Mục tiêu là tình trạng ngược lại của Khó khăn/ tồn tại tiêu cực hiện hữu. Căn cứ vào các khó khăn đã chỉ ra, nhóm tổng hợp xác định mục tiêu cần đạt được theo cách phát biểu ngược lại với khó khăn đã nêu.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Khó khăn |  | Mục tiêu |
| * Nông dân thiếu hiểu biết về thị trường * Sản lượng thu hoạch từ rừng ngày càng thấp * Sản lượng nông nghiệp thấp |  | * Hiểu biết của nông dân về thị trường được nâng cao. * Sản lượng thu hoạch từ rừng được cải thiện * Sản lượng nông nghiệp được cải thiện |

* Nếu phát biểu ngược lại không khả thi thì tìm một mục tiêu tương đương khác diễn tả trạng thái khi các nguyên nhân được giải quyết. Ghi lại mục tiêu vừa xác định vào cột Mục tiêu trong Mẫu biểu II.4.A.

**c. Cách tổng hợp các hoạt động đề xuất**: (Biểu II.4.B)

* Tổng hợp tất cả các hoạt động đề xuất như trong sơ đồ dưới đây:



* Ghi nhận tính chất của hoạt động đề xuất thuộc “Ngành/Lĩnh vực” nào thì điền vào cột “Ngành/Lĩnh vực” đó, đồng thời ghi ở phần Ghi chú: Tên nguồn vốn
* **Đảm bảo tính đồng bộ của các hoạt động nhằm thực hiện mục tiêu, giải pháp đã đề ra**. Lưu ý kết hợp, lồng ghép các hoạt động từ các nguồn vốn khác nhau, do các bên khác nhau thực hiện trong cùng một **tiểu dự án** thực hiện trong năm kế hoạch. (Ví dụ, kết hợp xây dựng mô hình chăn nuôi lợn từ nguồn Chương trình 135 với lớp đào tạo nghề sơ cấp về chăn nuôi – thú y do TT dạy nghề huyện thực hiện, với lớp tập huấn về ủ phân chuồng do khuyến nông xã thực hiện… nhằm cải thiện tập quán chăn nuôi lợn, phòng trừ dịch bệnh trên con lợn, sử dụng phân chuồng của người nghèo). **Mỗi tiểu dự án đánh số tương đương 1 hoạt động** trong biểu tổng hợp.
* Xác minh số liệu của từng hoạt động để đảm bảo tính khả thi về các mặt: nguồn vốn, thời gian thực hiện, quy mô…vv.
* Nếu số liệu không rõ ràng và không thể xác minh được thì không tổng hợp vào danh sách hoạt động của xã (TCT LKH cấp xã cần làm việc lại với cơ quan, ban ngành, đơn vị cấp xã, các thôn đề xuất để xác minh lại hoạt động).

**d. Cách tách Biểu II.4.B thành hai Biểu II.6.A và II.6.B:**

* Biểu II.4.B (tổng danh mục các hoạt động đề xuất của xã) là căn cứ để tách ra thành Biểu II.6.A (các hoạt động đã rõ nguồn vốn) và Biểu II.6.B (các hoạt động chưa rõ nguồn vốn).
* Cách tách biểu như sau:

+ Toàn bộ các hoạt động “Không cần nguồn vốn bên ngoài” trong Biểu II.4.B được đưa sang Biểu II.6.A.

+ Các hoạt động “Cần nguồn vốn bên ngoài” trong Biểu II.4.B nhưng đã rõ số vốn cần hỗ trợ ở cột Ngân sách (tức là **nguồn vốn ở cột Đề xuất bằng 0**) và đã rõ Tên nguồn vốn được đưa sang biểu **II.6.A.**

+ Còn lại các hoạt động “Cần nguồn vốn bên ngoài” trong Biểu II.4.B nhưng chưa rõ nguồn vốn hỗ trợ ở cột Ngân sách (tức là **nguồn vốn chủ yếu nằm ở cột Đề xuất**) và chưa rõ Tên nguồn vốn được đưa sang Biểu **II.6.B**.

* Lưu ý: Biểu II.4.B, II.6.A và II.6.B là biểu tổng hợp tất cả các hoạt động đã xác định được nguồn vốn hoặc chưa xác định được nguồn vốn nhằm đạt mục tiêu của các CT-DA nói riêng và mục tiêu PT KT-XH nói chung. Trong đó đã có **danh mục hoạt động chi tiết thuộc CTMTQG (là những hoạt động mà Tên nguồn vốn ghi là CTMTQG)**.

## 3.4. Cách xếp ưu tiên các hoạt động

**a. Xếp ưu tiên các hoạt động bằng cách đánh dấu:**

* Có nhiều cách để xếp thứ tự ưu tiên hoạt động, ở đây giới thiệu phương pháp đánh dấu dễ thực hiện trong thực tế. **Cách xếp thứ tự ưu tiên này có thể áp dụng để xếp hạng các thuận lợi, khó khăn, nguyên nhân, giải pháp, hoạt động, sản phẩm, rủi ro thiên tai…** trong các cuộc họp thôn và họp ban ngành, đơn vị cấp xã.
* Trình tự sắp xếp ưu tiên như sau:

(1) Chuẩn bị bảng danh sách hoạt động cần xếp ưu tiên ra bảng lớn hoặc giấy A0, hoặc trên giấy bằng cách sử dụng các biểu II.6.A và II.6.B phô tô đã phát sẵn cho đại biểu tham gia có cột ưu tiên còn bỏ trống.

(2). Yêu cầu từng người lựa chọn hoạt động theo họ là cần ưu tiên thực hiện trong thời gian tới và lần lượt đánh dấu một lần vào mỗi hoạt động (ví dụ, đánh dấu ưu tiên tối đa 30% số hoạt động).

+ Có thể dùng cách bỏ hạt ngô, hạt đậu, hạt lạc… thay cho việc đánh dấu. Ví dụ, có 15 hoạt động, thì phát cho mỗi người 5 hạt ngô/đậu/lạc để bỏ vào 5 hoạt động mà người đó ưu tiên nhất.

(3). Sau khi hoàn tất việc đánh dấu, TCT LKH cấp xã đếm số gạch và ghi kết quả cho từng hoạt động.

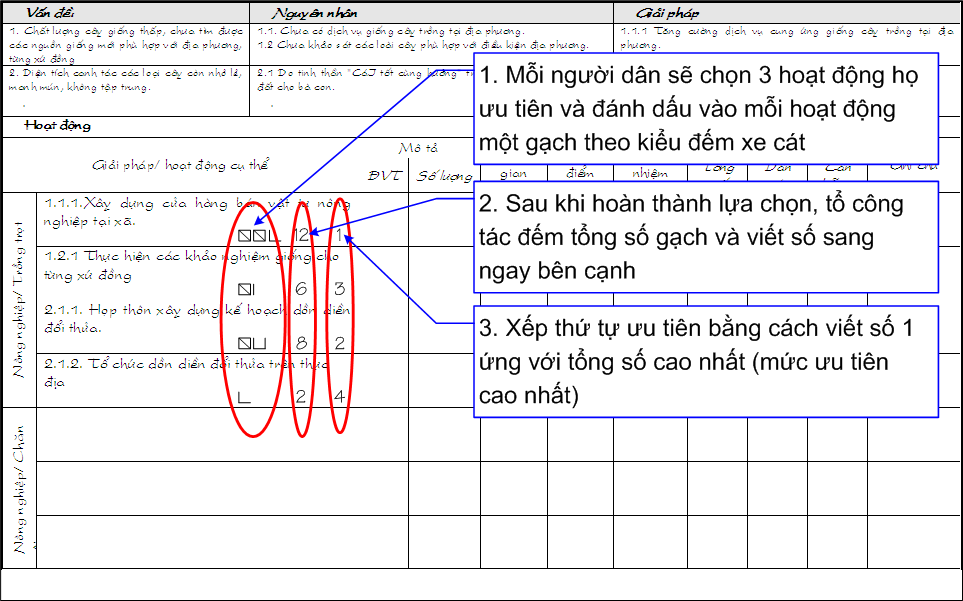
(4). Khi đếm xong, sắp xếp lại thứ tự các hoạt động (làm trên file Excel trên máy tính là tốt nhất) của Biểu II.6.A và II.6.B theo cách, tổng điểm lớn nhất thì ghi thứ tự 1 và lần lượt cho đến hết với số điểm giảm dần.

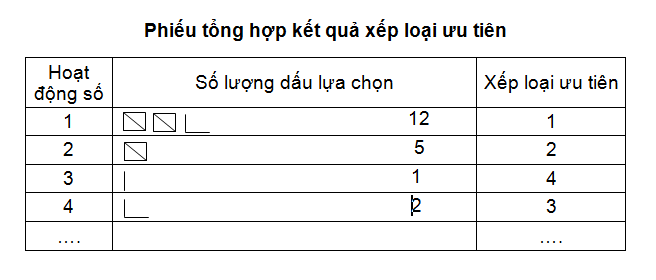




Nguyễn Văn Đông

Sơ đồ: Cách trình bày và xếp loại hoạt động





**b. Xếp ưu tiên các hoạt động bằng cách chấm điểm theo các tiêu chí:**

* + - Có một cách xếp ưu tiên các hoạt động phức tạp hơn so với cách đánh dấu, đó **là chấm điểm từng hoạt động dựa trên các tiêu chí**. Các tiêu chí chấm điểm hoạt động do những người tham gia đề xuất. Đối với các hoạt động giảm nghèo và phát triển cộng đồng, những tiêu chí thường sử dụng là:

+ Tính phù hợp (phù hợp với qui hoạch, đề án tái cơ cấu, tiềm năng thị trường, điều kiện địa phương, phù hợp với người nghèo).

+ Hiệu quả chi phí (chi phí thấp nhất, hiệu quả cao nhất).

+ Phát huy nội lực cộng đồng (dựa trên sáng kiến cộng đồng, người dân tham gia, đóng góp, thực hiện, giám sát).

+ Số lượng người hưởng lợi (trong đó có số người nghèo, phụ nữ hưởng lợi; số việc làm công được tạo ra trong công trình, dự án).

* + - Mỗi tiêu chí sẽ được gán 1 giá trị điểm tối đa, ví dụ là 10 điểm (tổng số điểm tối đa của một hoạt động sẽ là 40 điểm).
    - Mỗi người sẽ chấm điểm (hoặc bỏ hạt ngô/đậu/lạc…) từ 1 đến 10 cho từng tiêu chí đã xác định đối với mỗi hoạt động. Cộng số điểm cho các tiêu chí của mỗi hoạt động từ tất cả những người tham gia. Hoạt động nào có tổng số điểm cao hơn sẽ được xếp ưu tiên cao hơn.
    - Phương pháp chấm điểm theo tiêu chí này sẽ do người dân trong thôn, các ban ngành, đơn vị cấp xã thực hiện ở Bước 2 “Thu thập thông tin”; và do các thành viên TCT LKH cấp xã thực hiện ở Bước 2 “Tổng hợp thông tin”. Kết quả chấm điểm/đánh giá và thứ tự ưu tiên sẽ được điền vào các Biểu II.6.A và II.6.B
    - Sau đó, ở Bước 4 “Tổ chức hội nghị kế hoạch xã”, các đại biểu sẽ rà soát việc chấm điểm, xếp ưu tiên để lựa chọn danh mục hoạt động ưu tiên cuối cùng đưa vào Bản kế hoạch của xã.

**c. Ý nghĩa của Biểu II.6.A và II.6.B và khi nào cần xếp ưu tiên:**

* Biểu II.6.A là danh sách các hoạt động Không cần nguồn vốn bên ngoài và các hoạt động Cần nguồn vốn bên ngoài nhưng đã cân đối, xác định được Tên nguồn vốn cụ thể (ví dụ: Chương trình Nông thôn mới, Chương trình 135, dự án ODA…) và khả năng được cấp kinh phí là cao.
* Các hoạt động Không cần nguồn vốn bên ngoài trong Biểu II.6.A không cần phải xếp ưu tiên.
* Các hoạt động Cần nguồn vốn bên ngoài trong Biểu II.6.A cần xếp ưu tiên khi:
  + - Khi các hoạt động đề xuất hầu như chỉ nằm trong Biểu II.6A.
    - Khi nhận thấy tính khả thi của các hoạt động đề xuất trong biểu này là thấp (ví dụ, kinh phí yêu cầu quá cao…)
* Trái lại, các hoạt động trong Biểu II.6.B có nguồn lực chủ yếu nẳm ở cột Đề xuất chưa rõ nguồn vốn từ đâu, mức độ khả thi nói chung là thấp. Biểu II.6.B nhằm tạo danh mục đầu tư sẵn sàng thực hiện phù hợp nhu cầu người dân khi vận động được những nguồn kinh phí mới trong năm kế hoạch. Do đó, **việc xếp ưu tiên các hoạt động trong Biểu II.6.B là bắt buộc** trong hội nghị LKH cấp xã.

# PHẦN IV: PHỤ LỤC

## Phụ lục 1: Hướng dẫn lồng ghép các yếu tố thị trường, bình đẳng giới, giảm rủi ro thiên tai và thích ứng biến đổi khí hậu vào bản kế hoạch

**Nguyên tắc lồng ghép:**

1. Việc lồng ghép các yếu tố cần thiết vào bản kế hoạch thực hiện CTMTQG cấp xã cần đảm bảo phù hợp với điều kiện thực tiễn của từng địa phương.

2. Các vấn đề lồng ghép được xem xét, bàn bạc trong tất cả các bước LKH thực hiện CTMTQG gắn với LKH PT KT-XH cấp xã. Các đối tượng liên quan tới vấn đề lồng ghép cần được tham gia trong các bước thực hiện LKH thực hiện CTMTQG gắn với LKH PT KT-XH

3. Việc lồng ghép không làm phức tạp hóa bảng biểu, không tạo thêm gánh nặng công việc trong quá trình LKH; không làm thay đổi mục tiêu, tuần tự, bước đi cũng như nội dung cơ bản của bản kế hoạch CTMTQG cấp xã.

4. Tổ chức họp nhóm chuyên đề riêng về vấn đề cần lồng ghép nếu thấy cần thiết.

**Văn bản chỉ đạo LKH:**

Trong văn bản chỉ đạo công tác kế hoạch của Chủ tịch UBND cấp xã cần nêu rõ yêu cầu quan tâm đến việc lồng ghép các vấn đề thị trường, bình đẳng giới, giảm rủi ro thiên tai và thích ứng biến đổi khí hậu vào bản Kế hoạch cấp xã hàng năm.

**Thu thập thông tin:**

Trong các phiên thảo luận để đề xuất các hoạt động (điền các biểu I.2 và II.3), các ban ngành, đơn vị và Trưởng thôn nên mời một số người hiểu biết về các sản phẩm chủ lực, có tính lợi thế của địa phương và có kinh nghiệm về thị trường, đại diện các nhóm làm nghề tiểu thủ công nghiệp, sản phẩm truyền thống, thương mại-dịch vụ, doanh nghiệp, HTX, Tổ hợp tác (nếu có); mời một số người hiểu biết về diễn biến và tác động của thiên tai và người sinh sống ngay ở vùng thường xuyên chịu ảnh hưởng của thiên tai trong xã;. Thu thập ý kiến của nhóm nam và nhóm nữ trên địa bàn thôn để xem xét sự khác biệt về nhu cầu và mong muốn của nam và nữ trên địa bàn thôn.

Tổ công tác LKH cấp xã hướng dẫn cho các ban ngành, thôn về nhiệm vụ, cách thức thu thập thông tin, công cụ liệt kê xếp hạng và cách xác định khó khăn, nguyên nhân, giải pháp, hoạt động trong các vấn đề thị trường, bình đẳng giới, giảm rủi ro thiên tai và thích ứng biến đổi khí hậu.

* + - **Vấn đề Thị trường:**
* Các ban ngành, đơn vị cấp xã, các thôn cần thu thập các thông tin**[[17]](#footnote-18)** liên quan đến thị trường trong ngành, lĩnh vực, cộng đồng của mình.
* Sử dụng công cụ liệt kê, xếp hạng sản phẩm để xác định tối đa 3 sản phẩm chính có tiềm năng phát triển tại xã để thảo luận chuyên sâu.
* Các ban ngành, đơn vị, các thôn tiếp tục thảo luận sâu về 3 sản phẩm đã lựa chọn. Với mỗi sản phẩm, các ban ngành, đơn vị sẽ thảo luận và xác định:
  + - Chuỗi thị trường có tiềm năng, tương ứng với từng sản phẩm
    - Tối đa 3 thuận lợi (điểm mạnh, thuận lợi chính) trong việc tiêu thụ sản phẩm, các dịch vụ đầu vào – đầu ra, thực hiện chính sách hỗ trợ về tổ chức sản xuất và liên kết thị trường
    - Tối đa 3 khó khăn (tồn tại, hạn chế chính) về tiêu thụ sản phẩm, các dịch vụ đầu vào – đầu ra, thực hiện chính sách hỗ trợ về tổ chức sản xuất và liên kết thị trường
    - Tối đa 3 nguyên nhân chính của từng khó khăn
    - Các giải pháp, hoạt động nhằm khắc phục từng nguyên nhân
    - Lựa chọn ưu tiên tối đa 3 hoạt động tương ứng với mỗi khó khăn.
* Cần thảo luận kỹ việc tìm kiếm nguồn vốn và tạo điều kiện cho các hộ gia đình, nhất là người nghèo tiếp cận được nguồn vốn tín dụng ưu đãi để phát triển các sản phẩm đã được lựa chọn.
  + - **Vấn đề Bình đẳng giới:**
* Bảo đảm có cán bộ Hội Liên hiệp Phụ nữ hoặc cán bộ nữ đại diện cho các ban ngành, đoàn thể cấp xã tham gia vào Tổ công tác lập kế hoạch xã.
* Bên cạnh việc tạo điều kiện để phụ nữ tham gia nhiều hơn vào quá trình lập kế hoạch, xác định các khó khăn liên quan đến phụ nữ cần ưu tiên giải quyết. Cần quan tâm đến các chỉ tiêu như: Tỷ lệ lao động nam/nữ được đào tạo nghề, được giải quyết việc làm trong năm, được vay vốn để phát triển kinh tế hộ gia đình...
* Họp nhóm phụ nữ thôn, với sự hỗ trợ của cán bộ Hội Liên hiệp Phụ nữ, thảo luận về các khó khăn mà phụ nữ mong muốn giải quyết, xác định nguyên nhân và giải pháp.
* Mời đại diện phụ nữ phát biểu ý kiến, đưa ra những khó khăn mà họ đã thảo luận và thống nhất, trình bày nguyên nhân và giải pháp.
* Điền kết quả thảo luận, trong đó ghi rõ vai trò của phụ nữ và nam giới vào biểu thông tin cấp thôn I.2
* Trên cơ sở các cuộc họp thôn, Hội Liên hiệp Phụ nữ xã tổ chức thảo luận sâu về các khó khăn được ưu tiên đưa ra thảo luận của phụ nữ, tìm nguyên nhân có liên quan đến vai trò và khả năng tham gia của phụ nữ, đề xuất các giải pháp có lưu ý đến việc tăng cường sự tham gia của phụ nữ vào các hoạt động phát triển KT-XH của xã cũng như CTMTQG
  + - **Vấn đề về môi trường, giảm rủi ro thiên tai và thích ứng biến đổi khí hậu**
* Các ban ngành; thôn; đơn vị cấp xã (Nông nghiệp, Địa chính, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Trường học, Trạm Y tế…) khi được phân công thu thập các thông tin thì lồng ghép nội dung liên quan đến diễn biến thiên tai và ảnh hưởng của thiên tai trong ngành, lĩnh vực, thôn bản mình để đưa vào phần đánh giá hiện trạng.
* Căn cứ Báo cáo tổng kết công tác phòng, chống lụt, bão; giảm rủi ro thiên tai hàng năm và 5 năm của các cấp, các ngành để khẳng định rõ những loại thiên tai nào thường xảy ra trên địa bàn? Tần suất xuất hiện của mỗi loại thiên tai? Trong những loại thiên tai đó, loại nào là nguy hiểm nhất, gây tác hại nặng nề nhất về kinh tế, xã hội và môi trường?
* Cần quan tâm đến mục tiêu và các hoạt động cụ thể nhằm chuyển dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi phù hợp với sự biến đổi của thời tiết, khí hậu, hạn chế thấp nhất thiệt hại do thiên tai hoặc thời tiết không thuận lợi gây ra. Quan tâm đến các giải pháp công trình, phi công trình phù hợp với điều kiện và khả năng của địa phương để nâng cao hiệu quả phòng chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu.

**Tổng hợp thông tin:**

* Đảm bảo rằng các vấn đề bình đẳng giới, giảm rủi ro thiên tai/thích ứng với biến đổi khí hậu và thị trường được quan tâm, giải quyết trong bản kế hoạch cấp xã. Đánh dấu các hoạt động có ý nghĩa lớn trong việc đáp ứng nhu cầu của phụ nữ hoặc có đối tượng hưởng lợi là phụ nữ, giảm rủi ro thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu, thúc đẩy tiếp cận thị trường để rà soát tính khả thi và xác định nguồn vốn.
* Mục đích rà soát sơ bộ tính khả thi là phân loại các hoạt động đề xuất thành nhóm các hoạt động đã rõ nguồn vốn, có khả năng được chấp nhận thực hiện cao, phù hợp nhu cầu và có lợi cho nhiều phụ nữ, người thường xuyên bị thiệt hại do thiên tai, thúc đẩy tiếp cận thị trường của người nghèo (đưa vào Biểu II.6.A) và nhóm các hoạt động chưa rõ nguồn vốn, có khả năng thực hiện thấp (đưa vào Biểu II.6.B).
* Trong Hội nghị LKH cấp xã, chia nhóm góp ý, thảo luận về các giải pháp, hoạt động đáp ứng nhu cầu giới, phòng chống thiên tai, phát triển thị trường… Cần tập trung trả lời các câu hỏi:
  + - Các giải pháp và hoạt động trong kế hoạch có chú ý đáp ứng nhu cầu giới, phòng chống thiên tai, phát triển thị trường chưa?
    - Các giải pháp và hoạt động đã phát huy tối đa vai trò của người dân, của nam giới, của phụ nữ chưa?
    - Các giải pháp và hoạt động có khả thi đối với nam giới, với phụ nữ không? Nếu không thì cần điều chỉnh như thế nào?
* Nếu có nguồn tài chính phân cấp cho các hoạt động về bình đẳng giới, phòng chống thiên tai, phát triển thị trường, toàn thể hội nghị sẽ xếp ưu tiên cho các hoạt động này trong phiên toàn thể tiếp theo về "thảo luận và sắp xếp ưu tiên".

**Phản hồi cho cộng đồng:**

* Nên đảm bảo ít nhất có 30% số người tham gia các buổi phản hồi tại cộng đồng là nữ, 20% số người tham gia là người dân thường xuyên bị ảnh hưởng trực tiếp bởi thiên tai và 30% là người có kinh nghiệm về phát triển sản xuất các sản phẩm chủ lực của địa phương hoặc là người hiểu biết về phát triển thị trường hoặc đại diện các cơ sở sản xuất, kinh doanh trên địa bàn.

## Phụ lục 2: Lưu ý về lập kế hoạch 5 năm và hàng năm.

Qui trình lập kế hoạch hàng năm trong Sổ tay này hoàn toàn có thể áp dụng cho qui trình lập kế hoạch trung hạn (5 năm) ở cấp xã. Một số khác biệt về mốc thời gian và lưu ý về nội dung trong từng bước lập kế hoạch 5 năm và hàng năm ở cấp xã được nêu trong bảng sau.

**So sánh các bước trong quy trình LKH hàng năm và 5 năm cấp xã**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  |  | LKH hàng năm | LKH 5 năm |
| Ban hành văn bản chỉ đạo, hướng dẫn xây dựng kế hoạch | Thời gian | Đầu tháng 5 của năm báo cáo | Tuần đầu tháng 6 (năm thứ 4, kỳ KH 5 năm giai đoạn trước) |
| Ai thực hiện | Chủ tịch UBND xã | |
| Cách thực hiện | Ban hành văn bản chỉ đạo, lên lịch triển khai công tác LKH, và hướng dẫn các ban, ngành, đoàn thể và các thôn triển khai công tác LKH PT KT-XH hàng năm/5 năm | |
| Kết quả mong đợi | Chỉ thị và hướng dẫn xây dựng KH PT KT-XH hàng năm/5 năm được ban hành | |
| Thu thập thông tin từ thôn và ban, ngành, đoàn thể | Thời gian | Bắt đầu sau khi UBND xã ban hành văn bản chỉ đạo, hướng dẫn – kết thúc trước tháng 5 của năm báo cáo | Từ tuần thứ 2 tháng 6 đến cuối tháng 6 (năm thứ 4, kỳ KH 5 năm giai đoạn trước) |
| Ai thực hiện | Trưởng thôn, trưởng các ban, ngành, đoàn thể | |
| Cách thực hiện | Thành lập hoặc kiện toàn Tổ xây dựng kế hoạch hàng năm cấp thôn  Họp Trù bị xây dựng kế hoạch hàng năm/5 năm (Tổ công tác LKH thôn tiến hành họp trù bị)  Họp thôn | |
| Với thu thập thông tin từ ban, ngành, đoàn thể, cơ quan, đơn vị trong xã: trưởng ban, ngành, đoàn thể, cơ quan, đơn vị liên quan trên địa bàn chỉ đạo đơn vị mình thảo luận, cung cấp thông tin và điền vào biểu mẫu tương ứng. | |
| Kết quả mong đợi | Thôn hoàn chỉnh Biểu số liệu cơ bản, Bảng kế hoạch đề xuất và Biên bản họp thôn gửi lên xã.  Ban, ngành, đoàn thể, cơ quan, đơn vị trong xã phân tích được vấn đề, nguyên nhân, giải pháp, dự kiến hoạt động thực hiện và điền vào biểu mẫu tương ứng. | |
| Thông tin định hướng từ huyện | Thời gian | Nửa đầu tháng 6 | Từ tuần thứ 2 tháng 6 đến cuối tháng 6 (năm thứ 4, kỳ KH 5 năm giai đoạn trước) |
| Ai thực hiện | UBND huyện | |
| Cách thực hiện | Phòng Tài chính - Kế hoạch cung cấp cho các Phòng, Ban của huyện và các xã thông tin định hướng về PT KT-XH của huyện, các hoạt động sự nghiệp, CT-DA và khái quát về ngân sách xã trong năm tới. | Phòng TC-KH chủ trì, phối hợp với các phòng ban chuyên môn cung cấp cho xã về: định hướng phát triển của huyện, nguồn lực tài chính và các CT-DA dự kiến trong giai đoạn 5 năm tới. |
| Kết quả mong đợi | Thông tin định hướng của huyện được cung cấp cho UBND các xã | |
| Tổng hợp KH xã | Thời gian | Hoàn thành trước ngày 20/6 hàng năm | Từ đầu tháng 7 đến hết tháng 8 (năm thứ 4, kỳ KH 5 năm giai đoạn trước) |
| Ai thực hiện | Tổ xây dựng KH hàng năm/5 năm cấp xã | |
| Cách thực hiện | Tổng hợp khung KH xã:  Nhập kết quả tổng hợp vào máy tính:  Xác định nguồn tài chính cho các hoạt động đề xuất:  Dự thảo KH PT KT-XH xã | Đánh giá thực trạng phát triển của xã  Xác định tiềm năng của xã  Xác định cơ hội và thách thức  Xác định tầm nhìn phát triển  Dự báo khả năng phát triển  Xác định mục tiêu tổng quát, chỉ tiêu định hướng và nhiệm vụ KH 5 năm  Xây dựng chương trình hành động thực hiện KH 5 năm |
| Kết quả mong đợi | Có được bản Dự thảo KH PT KT-XH xã | Bản KH PT KT-XH chỉ ra được các vấn đề tồn tại trong giai đoạn trước và những vấn đề mới này sinh đặt ra trong giai đoạn tới. Đồng thời, lựa chọn được mục tiêu, phương án phát triển phù hợp. Xây dựng được khung KH 5 năm giai đoạn tới. |
| Thảo luận, thông qua dự thảo kế hoạch và báo cáo cấp trên | Thời gian | Hoàn thành trong nửa cuối tháng 7 của năm báo cáo | Tháng 9 (năm thứ 4, kỳ KH 5 năm giai đoạn trước) |
| Ai thực hiện | Tổ xây dựng KH xã | Tổ xây dựng KH 5 năm cấp xã |
| Cách thực hiện | Tổ chức hội nghị Kế hoạch xã nhằm thảo luận và thống nhất về sắp xếp ưu tiên thực hiện các hoạt động và phân bổ kinh phí Phát triển xã hoặc các nguồn hỗ trợ khác nếu có cho các hoạt động đề xuất đã sắp xếp ưu tiên. | |
| Kết quả mong đợi | Thông qua dự thảo kế hoạch hàng năm cấp xã, chỉnh sửa và báo cáo kế hoạch lên huyện | Thông qua dự thảo KH và danh mục các hoạt động dự kiến triển khai trong KH PT KT-XH 5 năm, gửi báo cáo lên huyện |
| Tham vấn cộng đồng | Thời gian | Từ tháng 8 đến giữa tháng 9 | Tháng 10 (năm thứ 4, kỳ KH 5 năm giai đoạn trước) |
| Ai thực hiện | Tổ trưởng Tổ xây dựng KH hàng năm/5 năm cấp xã | |
| Cách thực hiện | Chuẩn bị phiếu tham vấn gửi bản kế hoạch xã đến các thôn, ban, ngành, đoàn thể, cơ quan đơn vị liên quan đóng tại địa bàn để lấy ý kiến phản hồi, sau đó cân nhắc đưa vào bản dự thảo KH xã | |
| Kết quả mong đợi | Hoàn thiện dự thảo KH hàng năm cấp xã | Hoàn thiện dự thảo KH và danh mục các hoạt động dự kiến triển khai trong KH PT KT-XH 5 năm cấp xã |
| Phê duyệt và thông báo kế hoạch | Thời gian | Tháng 12 | Tháng 12 (năm thứ 4, kỳ KH 5 năm giai đoạn trước) |
| Ai thực hiện | Tổ xây dựng KH hàng năm/5 năm cấp xã | |
| Cách thực hiện | Hoàn chỉnh bản KH hàng năm/5 năm và trình HĐND thông qua | |
| Kết quả mong đợi | Bản KH hàng năm được HĐND thảo luận và thông qua, gửi báo cáo lên huyện, UBND xã sẽ ra quyết định ban hành Bản kế hoạch chính thức của xã. | |

|  |
| --- |
| *Chú ý:*   * + - * *Nếu áp dụng lập kế hoạch 5 năm, thì lập kế hoạch hàng năm có thể giản lược theo hướng chỉ rà soát ưu tiên, bổ sung phát sinh hàng năm so với kế hoạch 5 năm đã được phê duyệt, và lập kế hoạch triển khai thực hiện các hoạt động trong năm.* |

.

1. Yêu cầu lập kế hoạch thực hiện CTMTQG được quy định tại Điều 5 Quyết định 41/2016/QĐ-TTg ngày 10 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế quản lý, điều hành thực hiện các CTMTQG như sau: *“Kế hoạch thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia hằng năm của các bộ, cơ quan trung ương và các địa phương được lập cùng với kế hoạch phát triển - kinh tế xã hội hằng năm để triển khai kế hoạch thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 5 năm”.*

   Phương pháp lập kế hoạch ở cấp xã được quy định tại Điều 6 Quyết định 41/2016/QĐ-TTg như sau: *“Lập kế hoạch thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia phải gắn với việc lập kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội ở cấp xã và phải có sự tham gia của chính quyền, các tổ chức đoàn thể, người dân hưởng lợi và cộng đồng”.* [↑](#footnote-ref-2)
2. BQL các CTMTQG cấp xã được thành lập theo quy định tại Quy chế quản lý, điều hành các CTMTQG ban hành theo Quyết định số 41/2016/QĐ-TTg ngày 10/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có). [↑](#footnote-ref-3)
3. Tổ công tác LKH thôn có thể thực hiện các cuộc họp với các nhóm đối tượng đặc thù khác nhau (phụ nữ, nhóm dễ bị tổn thương, nhóm sản xuất giỏi, các thành viên HTX…) để phục vụ cung cấp thông tin đầu vào cho kế hoạch. [↑](#footnote-ref-4)
4. Cách xếp ưu tiên các hoạt động, cũng như xếp ưu tiên các thuận lợi, khó khăn, nguyên nhân, giải pháp tham khảo mục 3.4 Phần III – Một số gợi ý về cách làm trong Sổ tay này. [↑](#footnote-ref-5)
5. Cách xếp ưu tiên các hoạt động, cũng như xếp ưu tiên các thuận lợi, khó khăn, nguyên nhân, giải pháp tham khảo mục 3.4 Phần III – Một số gợi ý về cách làm trong Sổ tay này. [↑](#footnote-ref-6)
6. “Cơ chế đầu tư đặc thù rút gọn” áp dụng đối với các công trình qui mô nhỏ và kỹ thuật đơn giản, sử dụng một phần ngân sách nhà nước, phần kinh phí còn lại do nhân dân đóng góp và các nguồn huy động hợp pháp khác, có sự tham gia thực hiện và giám sát của nhân dân, theo Nghị định 161/2016/NĐ-CP ngày 2/12/2016 của Chính phủ. [↑](#footnote-ref-7)
7. Quyết định 48/2016/QĐ-TTg ngày 31/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện CTMTQG GNBV giai đoạn 2016-2020; Quyết định số 12/2017QĐ-TTg ngày 22/4/2017của Thủ tướng Chính phủ về ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện CTMTQG xây dựng Nông thôn mới giai đoạn 2016-2020. [↑](#footnote-ref-8)
8. Các chỉ tiêu thống kê tùy theo đặc điểm, yêu cầu của từng địa phương (do cán bộ Văn phòng – Thống kê xã cung cấp). **Ở cấp thôn có thể một số chỉ tiêu không thể thu thập hoặc tính toán**. Do đó, cán bộ Văn phòng – Thống kê xã cần hướng dẫn cho thôn về những chỉ tiêu thống kê nào thực sự cần thu thập và tính toán ở cấp thôn, còn những chỉ tiêu thống kê nào sẽ được thu thập và tính toán ở cấp xã. [↑](#footnote-ref-9)
9. Cơ cấu dân tộc tùy tình hình thực tế của từng thôn [↑](#footnote-ref-10)
10. Cây trồng chủ yếu tuỳ tình hình thực tế của từng thôn. [↑](#footnote-ref-11)
11. Các chỉ tiêu kế hoạch tùy theo đặc điểm, yêu cầu của từng địa phương (do cán bộ Văn phòng – Thống kê xã cung cấp). **Ở cấp thôn có thể một số chỉ tiêu kế hoạch không thể thu thập hoặc tính toán**. Do đó, cán bộ Văn phòng – Thống kê xã cần hướng dẫn cho thôn về những chỉ tiêu kế hoạch nào thực sự cần thu thập và tính toán ở cấp thôn, còn những chỉ tiêu kế hoạch nào sẽ được thu thập và tính toán ở cấp xã. [↑](#footnote-ref-12)
12. **Đánh dấu riêng (hoặc ghi tách riêng ra một phần danh mục) những hoạt động thuộc nguồn vốn đầu tư hoặc vốn sự nghiệp của các CTMTQG**. [↑](#footnote-ref-13)
13. Cơ cấu dân tộc tùy tình hình thực tế của từng xã [↑](#footnote-ref-14)
14. Cây trồng chủ yếu tuỳ tình hình thực tế của từng xã. [↑](#footnote-ref-15)
15. Các chỉ tiêu kế hoạch xã tùy theo đặc điểm, yêu cầu của từng địa phương (do phòng TC-KH cấp huyện cung cấp) [↑](#footnote-ref-16)
16. Nội dung tập huấn: kiến thức, kỹ năng quản lý và tổ chức thực hiện các chính sách, chương trình, dự án; lập kế hoạch có sự tham gia của người dân; phát triển cộng đồng…vv [↑](#footnote-ref-17)
17. Cần tiến hành thu thập thông tin từ nhiều phía về nhu cầu tiêu thụ các sản phẩm; khả năng cung ứng sản phẩm từ địa phương để đề xuất vào bản kế hoạch việc phát triển các mặt hàng là lợi thế của địa phương, phù hợp với nhu cầu của thị trường để định hướng cho các hộ dân tổ chức sản xuất. [↑](#footnote-ref-18)